



số 189

Viết về

NGUYỄN BÌNH

tập san VĂN số 189



Paris * 03.2025

***Bìa: chân dung Nguyễn Bính
vẽ bởi Duy Thanh
Nguồn: Thư Ấn quán***

tập san VĂN

số 189

Tập san Văn * Năm thứ tám
Số 189 ra ngày 01-11-1971

Độc trong số này :

* Viết về NGUYỄN BÌNH :

- | | |
|--|-----|
| 1. Tòa soạn VĂN | 11 |
| Thư gửi bạn đọc | |
| 2. Tòa soạn VĂN | 13 |
| Tiểu sử Nguyễn Bính | |
| 3. Vũ Hoàng Chương | 18 |
| Hà, Bắc, Hải, Đông (hồi ký) | |
| 4. Vũ Bằng | 64 |
| Nguyễn Bính, một thi sĩ suốt đời mắc
bệnh tương tư (hồi ký) | |
| 5. Mộng Tuyết | 102 |
| Bóng giai nhân và Nguyễn Bính (hồi ký) | |

6. Đào Trường Phúc 117
Nguyễn Bính : những mùa xuân tha hương (nhận định)
7. Phạm Văn Song 90
Độc lại “Đám cưới bướm” (tạp bút)
- * Thơ NGUYỄN BÌNH :
8. Trúc Khê, Huyền Trân 160
Thâm Tâm, Nguyễn Bính
Ngô sơn vọng nguyệt
9. Nguyễn Bính 164
Sao chẳng về đây
10. Nguyễn Bính 168
Bài hành phương Nam
11. Nguyễn Bính 172
Đêm mưa đất khách

* MỤC THƯỜNG XUYÊN :

12. Vũ Bằng	177
Thương nhớ Mười hai (tùy bút)	
Tháng Mười : nhớ mưa phùn gió bắc	
13. Paul Gallico	216
Tình nghệ sĩ (truyện dài, kỳ 3)	
14. Dương Nghiễm Mậu	239
Kẻ sống đã chết (truyện dài, kỳ 10)	
15. Thư Trung	260
Giải đáp thắc mắc bạn đọc	
16. Thư Trung	276
Tin văn văn	
17. Thư Trung	287
Giới thiệu sách	



Tòa soạn và Trị sự : 38, Phạm
Ngũ Lão, Saigon. Đ.T.: 23.595

Tập san xuất bản do nghị định số 64/
BTT/NĐ, ngày 4/12/1963

* Chi phiếu đề tên ông Nguyễn Đình
Vượng (chủ nhiệm kiêm chủ bút)

* Thư từ, bản thảo, đề tên ông Trần
Phong Giao (thư ký tòa soạn)

* Giao thiệp trực tiếp : ông Gia Tuấn
(phụ tá thư ký tòa soạn)

* In tại nhà in riêng của báo VĂN.

* Quản lý : Cô Nguyễn thị Tuấn.

Thư Tòa soạn

Sau số 191, đặc biệt giới thiệu nhà văn kinh điển Nhật-bản : Nayoa Shiga, Văn số 192 sẽ là số đặc biệt Thơ văn Mùa Giáng sinh.

Ngay từ bây giờ, chúng tôi ước mong sẽ được đón nhận phần đóng góp của các bạn văn bạn đọc khắp nơi cho Tuyển tập đặc biệt đó. Xin quý bạn gửi ngay các sáng tác để tòa soạn kịp thời chuẩn bị.

Văn số 192 cũng sẽ là số báo cuối cùng do Trần Phong Giao trông coi thực hiện. Chúng tôi tha thiết lưu ý chung quý bạn về lá thư ngỏ của T. P. G. đăng nơi

*cuối tập báo, giúp cho anh chu toàn được
nhiệm vụ trước khi dời bỏ nhiệm sở.*

*Xin chân thành cảm ơn chung và
cảm ơn trước quý bạn.*



NGUYỄN BÌNH (1919-1966)

Nguyễn Bính tên thật là *Nguyễn Bính Thuyết*, sinh năm 1919 tại làng Thiện-vĩnh, huyện Vụ-bản, tỉnh Nam-định (Bắc-Việt). Thuở nhỏ, Nguyễn Bính không hề học ở trường, chỉ học ở nhà với cha và cậu.

Bắt đầu làm thơ từ năm 13 tuổi, tới năm 1941 Nguyễn Bính đã làm được gần một ngàn bài. Năm 1937, được tặng giải

khuyến khích về thơ của Tự-lực Văn-đoàn.

Tác phẩm làm Nguyễn Bính nổi tiếng nhất là tập thơ “Lỡ bước sang ngang”, do nhà Lê Cường xuất bản lần đầu tại Hà-nội khoảng 1940, sau đó đã được in lại rất nhiều lần, và gần đây tại Sài-gòn cũng có bản in lại.

Lang thang vô Nam từ 1945, sau đó Nguyễn Bính tham gia kháng chiến ở Nam-bộ và đến 1954 thì tập kết ra Bắc. Khoảng 1956, Nguyễn Bính tham gia phong trào chống đối sự lãnh đạo văn nghệ của Đảng (tác phẩm đăng trên : “Nhân văn giai phẩm”, “Trăm hoa”...)

Những tác phẩm đã xuất bản, hiện nay còn giữ được :

– Lỡ bước sang ngang, tập thơ, Lê Cường, Hà-nội 1940.

– Tâm hồn tôi, tập thơ, Lê Cường, Hà-nội 1940.

– Hương cố nhân, tập thơ, Lê Cường, Hà-nội 1941.

– Một nghìn cửa sổ (gồm cả tập Thơ Bướm), Hương Sơn, Hà-nội 1944.

– Mười hai bến nước, tập thơ, Hương Sơn, Hà-nội 1951.

– Mây Tần, tập thơ, Hương Sơn, Hà-nội 1951.

– Người con gái ở lầu hoa, tập thơ, Hương Sơn, Hà-nội 1951.

– Đêm sao sáng, tập thơ, Văn Học, Hà-nội 1963.

Còn có một số những tác phẩm khác, được nhắc tới như những tập thơ, truyện dài bằng thơ, tiểu thuyết v.v... của Nguyễn Bính, nhưng dù đã tốn công truy cứu, chúng tôi cũng đã không sao tìm ra được vết tích những bản in, để căn cứ theo đó mà điền thêm vào bản danh sách những tác phẩm đã dẫn trên. (Chúng tôi ước mong trong bạn đọc có vị nào còn giữ được những tài liệu đích xác về thư tịch của những tác phẩm khác của Nguyễn Bính, xin vui lòng thông báo cho chúng tôi được rõ. Vì mục đích sưu tầm văn liệu chung, chúng tôi xin được ngỏ lời chân thành cảm ơn trước quý vị).

Theo tin tức được loan truyền trên các báo, Nguyễn Bính đã từ trần ngày 29 tháng Chạp năm Ất Tỵ, tức là ngày giáp Tết Nguyên đán Bính Ngọ, dương lịch nhằm ngày 20 tháng 1 năm 1966.

Sau khi được tin trên, Văn đã có lần “Truy niệm Nguyễn Bính” (số 60, ngày 15 tháng 6 năm 1966), với một số bài nhắc nhớ nhiều kỷ niệm của nhà thơ quá cố, nhất là thời gian Nguyễn Bính lưu lạc trong Nam.

Với số báo đặc biệt này, Văn hy vọng sẽ cung ứng thêm cho văn học giới một số tài liệu về Nguyễn Bính, – nhà thơ thường được coi như một chàng trai quê mùa đa cảm, như một gã si tình lãng mạn, như một tay phóng đảng giang hồ, như một chiến sĩ, và sau chót như một người võ mộng khi thấy lý tưởng mà mình theo đuổi trong nhiều năm bỗng nhiên bị phản bội phũ phàng...

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

Hà, Bắc, Hải, Đông..

Không nhớ rõ năm 1942 ấy đã đi đến tháng thứ bao nhiêu. Chỉ nhớ chắc rằng chuyện xảy ra khoảng mùa Hạ. Vì, nếu không phải mùa Hạ, thì sao có mục “Dạo mát trên bờ sông Thương” và mục “Ngồi quạt cho người đẹp tỉnh Đông” chứ !

Chiều hôm đó, Hoàng định lên Bắc-ninh, thăm “Biệt phòng” ở xóm Niềm. Mà đã phải nghĩ tới chuyện này, là trong

túi đã xu, hào không còn rủng rỉnh nữa.
Cần một chỗ nằm yên, có người cung
phụng đủ thú, và rủ rỉ đôi lời ân ái
suông !

Ai ngờ, cái số thật trớ trêu ! Vừa ra
khỏi căn nhà phố hàng Cót, để tiến tới
ga Đan Cầu, thì đụng ngay hai gã : Tô
Hoài, Nguyễn Bính.

Tác giả “Lỡ Bước Sang Ngang” tự
mắc luôn vào Hoàng, điều này đâu có lạ
gì đối với nhà thơ cát bụi ấy. Lạ là lạ ở
chỗ anh chàng học trò mặt trắng, hiền
lành như con gái kia, là Tô Hoài, cũng
nhất định xin kết thành bộ ba “Giang hồ
vật”.

Hoàng cảm thấy hơi nguy, cái nguy
của một đầu tàu đang lúc cạn than, củi.
Không lẽ chạy toàn bằng nước lũ hay sao
?

Nhưng, đã đi thì phải đi cho trót. Đến đâu thì đến đâu. Hãy biết một điều : Không mất tiền mua vé cũng cứ “đi” và cứ “đến” được. Hoàng quen khắp mặt các “xếp tanh” (chef de train) trên quãng đường sắt này mà !

✱

Bính và Tô Lang thích thú lắm, mặc dầu riêng chàng Tô có hơi run...

Bánh sắt quay thông thả, chừng 30 cây số một giờ, nhưng rồi thoáng cái đã đến ga Bắc-ninh lúc nào không biết.

Trên sân ga chỉ thừa thớt mấy chục hành khách; Hoàng nhận ngay ra trong số những tà áo màu tung bay phất phới một dáng vẻ quen quen. Thì vừa đúng dịp đôi mắt lá răm nhìn lên, và tiếng reo

lớn được ném ra, át cả tiếng “sinh... sịch” của máy hơi nước :

– Anh Hoàng đẩy hả ? Chị Tuyết vừa xuống Hà-nội rồi ! Em ra đón người quen nhưng chưa thấy bóng vía đâu cả. Anh xuống chứ ?

Hoàng đẩy vội hai ông bạn quý vào trong toa rồi cũng vào theo ; và ló đầu ra ngoài khuôn cửa, nói một cách uể oải lừng khừng:

– Xuống làm gì bây giờ ? Thôi để ít hôm nữa Tuyết nó về hẵng hay.

Cô-đào-rượu ở nhà hát của Tuyết-xóm-Niềm nhẹ răng cười, có vẻ thông cảm lắm.

Cờ lại phất. Còi lại thổi. Và chuyển xe lại tiếp tục lên đường, đem theo ba gã hành khách bất đắc dĩ...

Nhưng chỉ một giờ đồng hồ sau thì đến chỗ sơn-cùng-thủy-tận. Vì chuyến xe lửa này chỉ đi đến Phủ-lạng-thương là hết nhiệm vụ. Mà đây, Phủ-lạng thương rồi. Nguy chưa !...

Đàn kéo nhau xuống vậy. Mặt trời cũng đang xuống. Màu nắng quái lê thê trên tỉnh lỵ Bắc-giang. Ngày mùa Hạ dài thật. Và như thế, đêm nay sẽ ngắn. Lời tục nói “Tháng năm chưa năm đã sang” ; âu cũng là một điều may cho Hoàng.

May nữa là Tô Hoài chợt nhớ ra một người, chắc hẳn đang có mặt trong dãy phố yên tĩnh của phủ Lạng, sông Thương. Người ấy là Bàng-quân Bá Lân, có nhiều thơ đăng báo và in thành sách, lại có nhà cửa ruộng nương, đồn điền trang trại, khét tiếng vùng này.

Khốn nỗi cả ba đều chẳng ai từng

có dịp nhất kiến với ông Bá họ Bàng cả. Không biết đến quấy rầy người ta có tiện chăng ?

Nhưng suy đi xét lại, đằng nào cũng là trong văn giới với nhau. “Tương phùng hà tất tăng tương thức”, Bạch Cư Dị chẳng đã bảo thế là gì !...

Quả nhiên khi gặp nhau. chẳng một ai ngỡ; khách thì rất tự nhiên, mà chủ thì cười nói liên hồi, ra chiều thích thú, an nhiên tự tại lắm.

Rồi cơm được bung ra, khả dĩ ăn no bụng. Câu chuyện thơ văn cũng được đề cập, khả dĩ thêm hương vị cho chén trà mạn đàm...

Và rồi chủ nhân mời khách cùng ra đường :

– Chúng ta đi dạo phố một lát cho

tiêu cơm. Đến cầu sông Thương sẽ quay về ngủ cũng còn sớm chán !

Câu nói giản dị này đã tác động với ba chiều hướng khác hẳn nhau trong tâm lý rất phức tạp của bộ ba Hoài, Hoàng, Bính.

Chàng Tô thì mãn ý quá. Nhà văn thư sinh này chỉ phiêu lưu theo kiểu Dế Mèn. Bỗng nhiên được ngao du không mất tiền, lại được ăn ngon và hứa hẹn một giấc ngủ kỹ, thế là nhất rồi !

Còn Hoàng, chẳng vui chẳng buồn. Chương trình dự định đã sai bét cả, thôi đành lẽ phó cho Định Mệnh đẩy đưa. Đối với Hoàng, cái tỉnh lỵ Bắc-giang này quá quen thuộc. Cả đến con sông Thương nước chảy đôi dòng kia, đục phía nào trong phía nào, Hoàng cũng nhắm mắt mà thấy được. Lại thấy cả trong ký ức

những nhà ai nhà ai nơi xóm hát bên kia cầu ! Nhưng thôi, gió chưa lên hãy dạo mát đôi ba vòng rồi về ngủ cũng tạm ổn. “Đáo giang tùy khúc, nhập gia tùy tục” mà !

Tuy nhiên, Bính thì hận lắm. Nhà thơ này cứ tưởng thế nào chủ nhân cũng dãi một châu hát linh đình, gọi là đánh dấu cuộc hội ngộ “Tứ-bất-tử” mới đích đáng chứ ! Đi khắp thiên hạ, mòn gót giày gầy bánh xe, để tìm “tri kỷ”, mà “tri kỷ” lại bảo dạo phố rồi về ngủ sớm, trước 10 giờ tối, hỏi có ỨC không ?

Thế rồi lĩnh kính suốt đêm hôm ấy, Binh cứ ngồi dậy hút thuốc Lào vật hoài.

– Lắm muỗi quá, Hoàng nhỉ ?

– Ừ thì lắm muỗi. Ở đây gần rừng rồi mà ! Phủ Lạng còn khá đấy, chứ lên

chút nữa, như BỐ-hạ, Bắc lệ thì phải biết. Thiếu màn, không nhắm mắt được yên đâu !

– Thế mà Tô Hoài nó ngả lưng xuống là “kéo gổ” liền. Chịu thật !

– Thì đang sức ăn sức ngủ của người ta.

– Đành rồi ! Nhưng chúng mình khác. Làm thế nào cho qua được đêm nay đây ?... À, Bính với Hoàng liên ngâm một bài chơi đi. Thử lấy vần điệu làm binh lực phá cái thành Sầu này xem sao !

– Phá thì phá. Ra quân trước đi ! Cho nó “Lỡ bước...” một thể.

– Khó gì. Đây câu đầu :

Tô Hoài, Nguyễn Bính, Vũ Hoàng Chương.

– Vần này dễ, Hoàng nổi đây này :

Còì thét vào ga Phủ Lạng Thương

– Hay ! Tiếp câu ba luôn đi ; rồi Bính sẽ đổi cho thành câu bốn và ném câu năm ra liền.

– Thông thả ! Ý thì sẵn, nhưng vận dụng chữ nghĩa hơi khó. À, đây rồi :

Sở tại bàng quan châu xuống xóm.

– Chữ “bàng quan” nhẹ quá, nhưng chữ “Sở tại” thì hay, hay !... Bính đọc tiếp câu bốn câu năm nhé !

Nói vậy thôi, chứ Bính loay hoay mãi, hút đến cả chục môi thuốc Lào, và bị Hoàng giục đến lần thứ ba rồi Bính mới cười vang lên, và lấy giọng đọc :

Thi nhân bá ngọ chuyển lên đường.

Hai dòng trong đục thêm ngao ngán,

Hoàng trầm ngâm một phút :

– Dùng chữ “bá ngộ”, người ta tưởng mình là sư thì sao ? À mà... “Anh hùng mạt lộ bán vi tang¹” ; làm “sư-một-nửa” thì “bá ngộ” được lắm ! Nhưng “Hai dòng trong đục”, khó đối cho Hoàng quá ! Đề nghị sửa thế này này :

Dòng trong dòng đục thêm ngao ngán,
và Hoàng sẽ đối :

Chùm chín chùm xanh uống vắn vương.

Bính nhảy dựng lên :

– Tài lắm. Gợi cảm đến chết người ! Hoàng làm cho Bính càng hận vô tả. Nghe rõ từng tiếng đàn đáy đang “chùm chín chùm xanh” ở bên tai...

1 Thơ Khiển Sầu (tác giả khuyết danh) có hai câu : Nhi nữ đa tình nguyên thị Phật / Anh hùng mạt lộ bán vi tang. Tạm dịch là : Lẳng tính, cô em nguyên kiếp Phật / Cùng đường, cậu ấm nửa làm Sư.

Thế rồi cả hai cùng nằm xuống giường nghĩ nốt hai câu kết. Loanh quanh thế nào ngủ quên mất. Chắc chắn là Bính ngủ sau Hoàng.

Mãi đến khi cáo biệt Bàng-quân ra ga Phủ-lạng để “hồi đô” mới hoàn tất được bài Liên ngâm, trước sự ngạc nhiên của tác giả “O Chuột” và “Dế mèn phiêu lưu ký”.

Chép lại toàn bài như sau :

*Tô Hoài, Nguyễn Bính, Vũ Hoàng
Chương*

Còì thét vào ga Phủ-Lạng-Thương.

Sở tại bàng quan châu xuống xóm,

Thi-nhân bá-ngộ chuyển lên đường.

Dòng trong dòng đục thêm ngao ngán,

*Chùm chín chùm xanh uống vắn
vương*

Năm mươi qua đêm chờ sáng vậy ;

Còn xe Phong hỏa xẻ màn sương !

Cái hận “thiên trường địa cửu” nói trên, ngay chiều hôm sau là đã rũ được. Thật ra, đó chỉ là hận của Bính. Chú Tô Hoài thì khi chia tay ở khởi điểm (ga Đầu Cầu) để lấy xe điện về Bưởi đã tỏ ra mười phần thỏa mãn. Còn hẹn với Hoàng lần sau tiện dịp cứ đem theo.

Nhưng về phần Hoàng, chẳng đến nỗi hận như Bính, đã đành ; thế mà vẫn cảm thấy nó thế nào ấy. Làm Đầu-tầu mà đi giang hồ hão như vậy, cũng đủ mang tiếng “chí lớn tài sơ” rồi còn gì !

May sao cặp Hoàng-Bính vừa đi đến bờ Hồ thì Chu-Ngọc ở đâu hiện ra, đầu

chải bóng chứ không bù xù như mọi khi, lại cả giấy cũng bóng lộn nữa.

– Hai “ông” biến đi đâu mà từ chiều qua đến giờ tìm đảo thiên đảo địa khắp nơi không thấy?... Đi ! Lên xe cho mau. Anh em đang đợi ở nhà Chu thị.

Ngọc còn nói nhiều nữa lúc bộ ba đã nhảy lên hai chiếc xe kéo, trực chỉ xóm Khâm-thiên,

Tuy vậy, Hoàng đã có nhiều kinh nghiệm với anh chàng Ngọc này quá rồi. Hấn mời đi nghe hát, đừng có vội “tưởng bở”.

Y như rằng ! Hấn và Vũ Trọng Can đã “cháy” ở nhà Chu-thị từ hai hôm. Sáng nay ông Can đã lấy được của Bắc-kỳ kịch-đoàn (do Claude Bourrin) một số tiền về tác quyền mấy vở thoại kịch mà ban này

đem đi lưu diễn các nơi. Vừa đúng cơ hội người ta quay về Hà-nội nghỉ chân thì ông Can tìm đến đòi... thanh toán.

Nhưng số tiền cũng chẳng lớn bao nhiêu. Trang trải hai hôm trước thời còn dư chút ít, mà nằm ỳ lại đêm nay thì nhất định thiếu mất rồi. Dở dang quá !

Bắt được Hoàng ở Bờ Hồ, Ngọc như bắt được cửa. Lý do là trong số mấy anh em nhà văn lêu têu, chỉ riêng Hoàng có “công ăn việc làm” đều đặn : mỗi tuần lễ xuống Hải-phòng dạy hai ngày tại một tư thực lớn ; mà hai ngày tức là 16 giờ, tính thành tiền được ngót ba chục bạc rồi. Giá tiền một châu hát chỉ bảy hay tám đồng thôi, làm gì không trả được. Không sẵn tiền đem theo cũng không hề chi ; nói một câu là “bà chủ” cho khát liền. Nhất là khi “bà chủ” lại nhiều cảm tình với bọn văn nhân như Chu-thị.

Dầu sao, hôm nay đã thứ bảy. Nội nhật ngày mai Hoàng phải có mặt ở Cảng để thứ hai thứ ba còn dạy học chứ !

Quả nhiên mọi việc “đâu vào đấy” cả ! Giữa trưa hôm sau – chủ nhật – Hoàng từ biệt Dì Năm, đem theo luôn cả Bính và Ngọc xuống Cảng. Riêng Vũ Trọng Can, còn có hẹn với nhà xuất bản nào ở Hà-nội không biết, nên đành chia tay.

Xuống đến Cảng là vững. Chỗ “làm ăn đứng đắn” của Hoàng kia mà ! Huống hồ nhà thơ Lan-Sơn, bạn thân của Hoàng tại đó, lại sẵn một Gia-ca thất ; có túng quá thì “hát nhà hát nhà” chứ sao ! Đủ lệ bộ hết. Trống, phách, đèn, đóm... tha hồ.

Nguyên ủy cũng ly kỳ lắm. Nhà thơ tác giả “Anh với Em” trẻ tuổi mà tài cao ; mới 20 tuổi đầu đã thi đỗ ông Phán tòa Đốc-ly. Rồi cưới được người mình yêu.

Hạnh phúc nhất thiên hạ, Biết đâu ông Trời ghen ghét; giữa đường đứt gánh phu thê, nhà thơ lãng mạn này bỗng hóa thân một bông lan ủ rũ. Mà ủ rũ ghê gớm, một hai những tưởng hương chim cánh rụng trong... hang. Nhưng rồi Nàng Tiên của Động Nâu mơn trớn thế nào mà Lan dần dần phục hồi được sinh lực, hay nói cho đúng hơn, lòng yêu đời. Lan đã tục huyền với một danh ca tỉnh Đông, và tổ uyên ương nơi đồng chua nước mặn lại có bàn tay ngà sẵn sóc.

Hoàng xuống Cảng từ đầu năm 1941, thời thường vẫn là thực khách của hai vợ chồng rất “nghệ sĩ” này.

Một ngày kia, Lan tâm sự :

- Mình sắp trở thành “bác trai” đây.
- Hà ?

– Đùng ngạc nhiên... ! Cô nàng cứ đòi ra mở nhà hát. Lý luận rằng : Trước kia ở đây chỉ có xóm Quán Bà Mau độc chiếm thị trường, mặc dầu khá xa trung tâm thành phố; bây giờ xóm Quần Ngựa lác đác có mấy nhà mở, đông khách vô cùng, vì lẽ nó gần lại khang trang hơn. Cô nàng bảo đó là dịp tốt. Sẵn vốn liếng – tiền bạc, giọng ca, xuân sắc, và cả đàn em nữa – tội gì không ra thi thố với đời ?

– Thế cái nhà dột trong ngõ hẹp này anh trả lại à ?

– Không, chỉ cô nàng phải lên trên xóm Quần Ngựa trông nom thôi chứ. Còn mình thì đi đi về về...

– Một chốn đôi quê, một nhĩ?

Nói thế thì nói, chứ Hoàng không chính thức góp ý kiến gì cả. Lan trở thành “bác giai”, càng vui chứ có sao đâu ?

Còn Nguyễn Bính và Chu-Ngọc thì đích thật là số đỏ. “Nhà hát-nhà” của Lan-Sơn vừa khai trương được hai tuần xong đang hồi thịnh đạt. Bận làng văn từ Hà-nội xuống, cứ việc thị lập “Hành đô”. Gió nổi lớn càng hay ; bằng không, Hoàng Lan sẽ chia nhau gánh chịu phí tổn, mỗi người một nửa “chủ nhà hát” không phiền hà gì. Còn làm mối cho bạn cô nọ cô kia là khác ấy chứ !

Dẫu sao, Hoàng cũng phải lo chu tất mọi chuyện. Hiện chưa có được ngay; phải khất lại đến giữa tháng mới ký “bông” ở trường học được, thì cũng là hát “cháy” rồi còn gì !

Huống hồ Bính lại bảo :

– Cây nhà lá vườn mãi, chân chết. Phải xuống Quán Bà Mau một phen mới vơi nổi cái sầu vạ cổ này.

Thế là đám “cháy” lan rộng ra mãi,
dập tắt sao cho được bây giờ ?

Bởi thế, Hoàng mới hạ bút một bài
Muối Núi, tạm lấy “ Cháy ” làm nhan
đề :

Từ đêm Chu-thị cháy nhà,

Cháy vào Hà-nội cháy ra Hải-tân.

Cháy xa thôi lại cháy gần,

*Một phen dụng hỏa, mấy lần cầu
phong !*

Cháy hoài cháy hủy,

Gió không nhiều, âm ỉ cháy lan man.

*Dụng hỏa công tài nghệ lẫn Chu-
Lang,*

*Trí dũng vượt Trường Lương cầu Sạn-
đạo.*

Tam nguyệt Hàm Dương tro lạnh lẽo,

Tứ vi Bàn Cốc khói lửa thưa.

*Thuyền, cầu, hang, cung điện hồi mấy
ngàn xưa²*

Đây cuộc cháy hãy còn to thập bội !

Ấy ba gã tuềnh toang cùng một hội,

*Chẳng đường hẻm lau khô, cũng
không cần gió nổi,*

Cháy từ đêm Hà-nội cháy loang ra...

Lửa chơi, ai dập cho bà ?

✱

2 Riêng câu này đặt theo kiểu “Gối Hạc”, thật bất ngờ. Bính thích nhất, và mỗi khi ngâm đến lại cười lớn : “Đặt cái gì Thuyền Cầu Hang, vô nghĩa chi cực, thế mà cũng thú vị chi cực !” Đúng ra, Thuyền trở vào trận Xích Bích (đốt thuyền). Cầu vào việc đốt Sạn đạo. Hang trở vào việc Khổng Minh đốt cha con Tư Mã Ý tại Bàn-cốc. Và Cung điện trở vào việc Hạng Vũ đốt Phòng-cung tại Hàm dương, ba tháng lửa mới tắt hết.

Hoàng xuống Hải phòng đã được bốn hôm. Đám “cháy” lan rộng có cơ nguy khốn, thì may quá — một cái may bất ngờ... Ngọc đi lên tiêu thế nào lại vào đúng đường dây của một ông chủ rạp hát đang muốn làm việc nghĩa. Việc nghĩa theo nghĩa bóng. Nghĩa là : Trình diễn một buổi kịch long trọng lấy tiền giúp vào việc chẩn tế các nạn nhân bị thiên tai, quanh vùng Hải-tân thì phải. Tuy tham dự vào nghĩa cử cao đẹp này, ban kịch của bộ ba Ngọc-Hoàng-Bính vẫn được hưởng thù lao tương xứng. Thứ nhất là được người tổ chức đưa trước một số tiền để sửa soạn các thứ : diễn viên, y phục, bài trí v.v...

Chu-Ngọc vui như trẻ con được cho kẹo, nói cười huyên thuyên :

– Kịch thì sẵn rồi. Một kịch xuôi – Thế-Chiến-quốc – của Trần Tử Anh³ và một kịch thơ – Bóng Giai Nhân⁴. – của Nguyễn Bính. Chỉ còn lo mấy chuyện lật vặt. Nhưng có hai việc phải làm ngay. Việc thứ nhất : chọn một danh xưng cho ban kịch mới. Chẳng lẽ gọi là Ban kịch Bộ Ba, hay Ban kịch Ngọc Hoàng Bính !

– Khó gì ! Hoàng góp ý kiến – Chúng ta đã nổi gió từ Hà-nội bốc xuống đây, thì cứ đặt phăng là Ban Kịch Hà-nội và lấy Tháp Rùa làm huy hiệu ấn tín cho nó hách một thể.

– Đúng ! Còn việc thứ hai là : ... đòi khỏi nơi này gấp. Nằm lâu quá ê ẩm cả

3 Trần Tử Anh, tác giả vở kịch xuôi “Thế Chiến Quốc” là một sinh viên con nhà giàu, chứ không phải trong nhóm “thơ văn lêu têu”. Chỉ có Chu-Ngọc quen mà thôi. Mãi sau Hoàng mới gặp ở Hà-nội.

4 Vở kịch thơ Nguyễn Bính lúc bấy giờ cho biết là đã hợp tác với thi sĩ Yến Lan ; nhưng Yến Lan ở miền Trung, Hoàng chưa hề gặp.

xương cốt ; chúng ta phải ra Đồ-sơn tắm biển mấy hôm cho sạch sẽ mát mẻ đôi chút, rồi mới bắt tay vào việc được.

Bính không phản đối, nhưng xem ra muốn nằm lỳ ở Quán Bà-Mau hơn là đi tắm biển. “Trưởng giả quá !”... Bính vừa nói vừa bĩu môi.

Tuy nhiên, người cầm tiền bây giờ là Chu-Ngọc. Hoàng tạm thời nhường lại cái chức Đầu-tầu cho y. Bính có nhõng nhẽo với Hoàng cũng vô ích. Huống chi Hoàng đang muốn “nhổ neo”. vì ở Đồ-sơn, Hoàng cũng đã lưu lại nhiều cảm tình, vô số người đang muốn gặp để kéo đi ngồi nghe sóng biển, mơ dựng những lâu đài bằng cát cho tương lai...

Thế là bộ ba tạm sống được 48 giờ lành mạnh ở bãi biển, ra cái điều cũng

“vui vẻ trẻ trung”, không thua gì thiên hạ đâu !

Nhưng đến giờ thứ 49 thì... đành... hàng. Chịu không nổi nữa cái vẻ mặt đưa đám và cái giọng ngâm thơ đứt ruột của Bính. Chùng như suốt bao đêm hát “cháy”, Bính chẳng tìm được cặp mắt nào gọi là hơi xanh xanh một chút cả. Cô nào cũng nông cạn, vô duyên đến phát khóc lên ! Cặp mắt đã vậy, tấm lòng thì :

Lòng em như chiếc lá khoai

Đổ bao nhiêu nước ra ngoài bấy nhiêu⁵.

– Bính nó khổ quá ! – lời Chu Ngọc
– Thôi bọn mình “bốc” về Hà-nội đi.
Cho nó nằm một chỗ nào thật vững, rồi
chúng mình còn lo công việc chứ.

⁵ Thơ của Nguyễn Bính, đã đăng báo, và đã in, trong tập nào Hoàng không nhớ rõ.

– Được lắm ! – Bính cướp lời – nhưng không về Hà-nội mà ghé Hải-dương kia !

– Sao lại Hải dương ? – cả Ngọc cả Hoàng cùng hỏi dồn – Hải dương thì khác gì Hải-phòng ?

Bính nháy mắt :

– Bí mật chưa thể tiết lộ. Hai ông hăng cú biết là đưa Bính xuống tỉnh Đông cái đã. Tới nơi rồi khắc biết lý do.

✱

Chu-Ngọc, một nhân vật khá đặc biệt trong giới Văn lâm. Nhưng thật ra, Ngọc chẳng hề viết một bài văn nào, chứ đừng nói đến xuất bản thành sách. Thế mà Ngọc quen hầu hết anh chị em trong

làng, và chẳng bị một ai ghét bỏ hay phủ nhận. Ngọc khoe với Hoàng rằng đã từng viết nhiều bài báo, phê bình phim “Cánh đồng Ma”, lý luận xác đáng và phong phú đến độ thiên hạ mặc nhiên coi Ngọc như một chuyên viên-sâu-khấu. Rồi Ngọc tự phong mình cái danh hiệu “Đạo diễn”. Thì Hoàng cũng biết vậy thôi. Và lẽ dĩ nhiên, Ngọc sẽ là Đạo diễn của ban kịch Hà-nội ; sẽ phụ trách dựng hai vở kịch : “Thế Chiến Quốc” và “Bóng Giai Nhân”.

Trong bộ ba Ngọc, Hoàng, Bính, Ngọc là người thực tế nhất ; không gặp đâu hay đó như Hoàng, không đau khổ vớ vẩn như Bính. Cho nên khi xe lửa tiến vào ga Hải-dương, Ngọc tính toán rất kỹ :

– Qua đêm nay, mai tôi về Hà-nội sớm. Bảo cho Lê Trọng ..., biết để hẩn liệu thủ vai Ngô Thì Nhậm trong vở “Thế

Chiến quốc” ; Ngọc-Đĩnh sẽ thủ một vai quan trọng khác : vai Đặng Trần Thường. Những vai còn lại, ít quan trọng, thế nào trong 24 giờ cũng tìm ra. Chỉ lo vở “Bóng Giai Nhân” ; vì đó là Kịch Thơ, về hình thức sân khấu còn xa lạ đối với khán giả, nhất là khán giả của nơi đồng chua nước mặn vốn là một cửa biển, thích hợp chuyện kỹ nghệ thương mại hơn chuyện thơ phú văn chương. Nhưng cũng may ở điểm kịch “Bóng Giai Nhân” chỉ có ba vai rưỡi...

– Sao lại... rưỡi ?

– Thì cái vai Giai nhân đó. Chỉ là bóng thôi, chỉ xuất hiện trên sân khấu, dạo qua aáo lại mấy lần thôi ; chứ có nói một lời hay ngâm một câu thơ nào đâu. Khoản ấy đỡ mệt cho mình lắm nhé...

– Nhưng còn ba vai kia ?

– Đều là vai nam cả. Bính, tác giả, sẽ sắm vai Lý Đạt, thợ đúc gương. Hoàng thì sắm vai Tráng sĩ đi tìm mua gương báu. Ổn quá rồi. Chỉ còn việc về Hà-nội tìm người thủ vai Đạo sĩ nữa là xong. Mà, vai này nhẹ ; Kim nó thủ được đấy.

– Kim nào ?

– Trần Huyền Trân⁶ ấy mà.

– Ủ, cứ cho là được đi.

– Vậy ông Bính chỉ chỗ hiện nay vở kịch để ở đâu. Tôi về Hà nội lấy đem xuống đây ngay, nội nhật ngày mai thôi. Ông và ông Hoàng sẽ tập dượt với nhau đi, càng xong sớm càng tốt. Mà... mà... Bính là tác giả tất phải thuộc ít nhiều chứ ? Ngay ngày mai, trong lúc vắng tôi, hai ông có thể cứ bắt đầu tập dượt theo

⁶ Trần Kim, bút hiệu Trần Huyền Trân, bạn thơ rất thân của Nguyễn Bính.

phép “truyền khẩu” được rồi.

– Diễn kịch chứ đi ăn cướp đâu mà gấp thế ?

– Còn khó hơn đi ăn cướp nhiều. Không gấp sao được Nhưng nói vậy thì nói chứ ; ai dám ra lệnh cho các ông !

Từ nãy đến giờ, độc có Hoàng đối đáp với Ngọc ; còn Bính chỉ âm ừ; vì bao nhiêu tâm trí còn để cả vào việc “tìm lối Thiên Thai”. Bỗng nhiên, Bính dừng bước, ngó quanh ngó quẩn, xác định phương hướng, rồi reo lên :

– Đây rồi.

Thì ra, hôm còn ở Cảng, Bính đã tỉ tê thế nào chả biết với Lan-Sơn phu nhân, nên được giới thiệu ngay nhà bà Nghị ở xóm Đầu Ghi..., nơi xuất thân, trước khi về làm vợ một thi sĩ nổi tiếng, đã

từng được Thế-Lữ ca ngợi trên tuần báo “Phong Hóa” từ năm xưa năm xưa, cái thuở ban đầu của phong trào Thơ Mới.

Nhà bà Nghị quả nhiên sang thật. Tủ chè sập gụ, câu đối hoành phi bóng lộn. Các em đào nương lố nhố đến cả chục, đủ cỡ tuổi, từ trắng tròn đến trắng khuyết, trắng tàn lụi, trắng vô ảnh vô tung...

Đích thân bà Nghị ra nói chuyện, mời uống trà, và hát một bài cho quý khách nghe. Giọng hát vững thật ; không trách từ 30 năm trước bà đã nức tiếng danh ca, khiến cho ông Nghị viên tỉnh Đông này say như điệu đờ, phải cưới làm “đệ nhị phòng”.

Nhưng điều đáng kể nhất là cô con gái của ông Nghị bà Nghị : Cô Hoài. Một con người ngọc, thanh sắc lưỡng toàn,

lại thông thạo chữ nghĩa, tiểu thuyết của Khái Hưng, của Ngọc Giao, của Thanh Châu v.v... ném tứ tung ngũ hoành khắp giường ngủ, bàn phấn.

Kịp đến khi người ngọc ra ngồi gieo phách thì — nếu Hoàng không lầm — cả bộ ba đều bị tiếng sét ái tình giáng xuống cân não...

Hồng Hồng Tuyết Tuyết,

Mới ngày nào chưa biết cái chi chi⁷...

Giọng của người ngọc tất phải là giọng ngọc rồi, có khen cũng bằng thừa.

Tiếng sét ban đầu truyền điện ra càng mạnh. Thế này thì không khéo cả ban kịch Hà-nội với huy hiệu Tháp Rùa cũng bị đánh tan mất !

7 Hai câu hát nói của cụ Dương Khuê ; các đào nương ai cũng thuộc và hay hát bài hát nói đó nhất.

Nhưng còn may là Chu-Ngọc đang mải tính toán việc dựng kịch, nên chỉ bị sét đánh ngất ngư. Nằm ngay đầu sóng ngọn gió là Hoàng với Bính ; lại thêm ngọn đèn thần ở giữa hai ngọ khách này, khiến cho tiếng sét bổ xuống, gặp lửa càng phản kích sang hai bên. Hoàng và Bính nhận ra tiền thân họ Lưu họ Nguyễn. Chỉ phiên nổi động Tiên có độc một nàng Tiên mà thôi ! Ác thế chứ !

Ác nhất là mai đã lại Chủ nhật rồi. Mà Chủ nhật tức nhiên Hoàng phải có mặt ở Cảng để thứ hai còn đi dạy học. Vả chẳng còn phải về ký “bông”, trang trải mọi thứ và giữ chút đỉnh làm vốn liếng. Ít ra cũng tối thứ ba mới tái đáo Thiên Thai được. Hận không ?

Hình như Bính đã biết rõ những điều ấy hay sao mà coi bộ đắc ý lắm.

Xóm Ghi không có điện – điện hiểu theo nghĩa đen – không có quạt máy ; nóng quá đi mất ! Lại cái đèn “măng-xông” treo giữa nhà càng tỏa ra một nhiệt lượng kinh khủng. Người ngọc với mặt hoa mà nhể nhại mồ hôi thì đứt ruột cho kẻ si tình biết mấy ! Cho nên Bính cứ phải “.. anh hầu quạt đây⁸” luôn bên cạnh. Chả biết “lòng anh” có “mở với quạt này” không, nhưng “lòng em” thì vẫn... “như chiếc lá khoai” thì phải. Nghĩa là Cô Hoài vẫn có vẻ khủng khiếp thế nào ! Ít nói quá. Chỉ cười chiếu lệ thôi.

Hoàng đang hận về cái mực trưa mai phải tạm thời “xuống núi”, nhìn thấy cảnh đó càng nóng mắt, đã tính bảo cô ta vào nhà trong đi nghỉ cho được việc.

8 Chỗ này, mượn tạm thơ Huy Cận ; trong bài “Ngậm ngùi” : Ngủ đi ! Hãy ngủ! Anh hầu quạt đây. / Lòng em mở với quạt này...

Nhưng chưa kịp mở miệng thì bà Nghị đã ra xin phép cho cô con gái cũng trở gót phòng loan. Đồng thời cũng ra lệnh cho đám “con nuôi” quạt màn để “các ông ấy” yên giấc.

Đêm nay hẳn tác giả “Lỡ Bước Sang Ngang” phải hút thuốc lảo vặt nhiều hơn cái đêm “Bắc-giang năm muỗi”...

Theo đúng kế hoạch, sớm hôm sau Chu Ngọc lên đường từ lúc gà gáy.

Hoàng ngủ lỳ đến 11 giờ và toan ngủ nữa. Nhưng Bính lôi dậy cho kỳ được. Để Hoàng còn ra xe đi Hải-phòng chứ ! Tủ tể quá !

Hoàng biết vậy, liền chỉnh đốn y phục, ăn uống qua loa, rồi chậm rãi nói chuyện với “ông bạn” :

– Còn nhớ chuyện Công Cẩn với

Khổng Minh cùng mưu hạ Nam quận chứ⁹ ?

– Lạ gì ! Nam-quận do Tào Nhân trấn thủ, tường đồng vách sắt mà !

– Cái việc trấn thủ mặc người ta. Hã nói việc mình. Tôi, Khổng Minh nhường cho cậu, Công Cảnh, đem binh tấn công trước. Hạ được Nam-quận thì cậu giỏi và tôi mừng cậu. Nhưng nếu thất bại thì đến lượt tôi đấy nhé ! Đừng có than trời !

Bính đồng ý ngay, coi bộ hùng lắm. Và Hoàng lặng lẽ ra xe. Mặc cho Bính độc chiếm giang sơn. Yên trí rằng tối nay Ngọc sẽ từ Hà-nội xuống ; còn Hoàng thì ít nhất cũng phải hai ngày sau. Càng nghĩ đến chuyện “nhường Nam-quận”, càng thấy mình dại quá. Tuy nhiên, tính

9 Truyện “Tam Quốc Chí”, hồi thứ 51 : Tào Nhân đại phá Đông Ngô binh ; / Khổng Minh nhất khí Chu Công Cảnh.

Hoàng vốn dĩ “gặp đâu hay đó” ; về đến Cảng là quên ngay.

Thế mà không hiểu sao, suốt ngày thứ hai, Hoàng nóng ruột vô hạn. Dạy học chẳng đâu ra đâu. Tối hôm thứ ba thì đành dạy nốt buổi sáng, rồi ký “bông” và ra xe liền. Mấy giờ buổi chiều đã nói khó với một bạn đồng nghiệp nhờ thay tạm...

Lên đến Hải-dương mới 2 giờ trưa. Hoài còn đang ngủ, mà... không có ai ngồi quạt bên cạnh mới lạ chứ ! Ô hay, Bính đâu ? Ngọc đâu rồi ? Vắng tanh thế này là nghĩa gì ?

Nhưng, kìa... Hoài đã thức giấc, ngồi dậy quần lại tóc. Cái dáng vẻ của người ngọc lúc này sao gợi cảm thế ! Bắt gặp một mỹ nhân vừa ngủ dậy mà thấy đẹp được, xúc động được, mê được... mỹ nhân ấy mới đích thật là “mỹ nhân” ...

Cho nên Hoàng quên phắt cả hai ông bạn. Quên luôn cả chính mình đang ở đâu. Và... rồi cũng... tiến đến ngôi quạt hầu bên cạnh !...

Mãi đến chiều, Hoài mới đưa cho một mảnh giấy nhàu nát, chẳng biết lời từ đâu ra !

– Cái ông tóc quăn quăn ông ấy bảo hễ anh xuống thì trao tận tay anh.

– Thế còn ông kia ?

– Thì anh cứ xem trong giấy nói gì đã !

Hoàng tuân lệnh. Thư rằng :

“Tôi mắc công việc ở Hà-nội, mãi sáng thứ hai mới xuống Hải-dương. Lại bán được một tập thơ hộ Nguyễn Bính. Nhà xuất bản Hương-Sơn ấy mà ! Biết

rằng ông còn ở Cảng đến chiều tối mới lên đây, tôi và Bính đành về Hà nội từ sáng sớm, để còn lãnh tiền tập thơ ấy chứ ! Đợi ông thì mất đứt một ngày còn gì. Vậy ông tiếp được thư, cũng liệu mà lên gặp chúng tôi ở Hà-nội ngay nhé! Công việc đang tiến hành. Ký tên: Chu-Ngọc.”

Lên ngay ? Lên ngay!... Nhưng lên thế nào được ! Giữa trưa xông vào nhà hát của người ta. Lại tri kỷ vụn cho đến bây giờ. Sắp lên đèn cả xóm rồi. Nói mới dễ nghe nhỉ ?

Huống hồ lại đã mất công quạt cho người đẹp mấy tiếng đồng hồ rồi. Ít nhất cũng phải “neo thuyền” ở đây một đêm chứ !

Mặc dầu là nghe hát... một mình !...

Có điều lạ là hôm nay Hoài vui ghê

lắm. Cứ nhảy như sáo ấy thôi. Điều này thì Nguyễn Bính hạ Nam quận chắc không xong. Vả lại nếu thắng trận thì có thiên lôi cũng chẳng “kích” được Bính ra khỏi tỉnh Đông, chứ đừng nói Chu Ngọc ! Bán được thơ lại càng có điều kiện nằm lì ở đây chứ. Ừ... ừ..... ! Nhất định không xong rồi.

Thế là Hoàng cao hứng. Gọi trống phách đèn đóm cứ tung bùng. Và bảo em Hoài rằng :

– Thôi! Hát mãi những bài cũ, chán chết ! Đem giấy bút ra đây, anh viết một bài mới, xem có hay hơn bất cứ bài cũ nào không ?

Và sau đây là bài Mưỡu-Nói do chính Hoài đã hát đêm ấy cho độc một người nghe :

Bấy lâu đáy bể mò kim
Là nhiều vàng đá, phải tìm trăng hoa !
Sông Hoài thuyền ghé lân la
Giai nhân danh sĩ là ta với mình.
Nhu hoài nhất phiến,
Gió Say này quạt đến... cháy vắng Ô.
Ai thể hoa ước quạt những ngày xưa ?
Hoa ngại nắng, quạt sâu mưa, ngàn vạn
kiếp !
Rao chén, hồn hoa cười phấn điệp,
Duyên để, xác quạt nhớ tiền thân.
Mộng Trang Sinh ngủ lại bến sông Tần,
Muôn cánh quạt xa gần chen cánh
bướm...

*Ta chẳng có hẹn núi, thể sông, tình trao,
duyên ướm,*

Chỉ hoa nông quạt đượm cứ hoài say.

Say Hoài, quạt chẳng đời tay.

✱

Cũng phải thêm rằng bốn câu Mưỡu chỉ có một câu thật sự của Hoàng : câu thứ 3. Còn câu 1 câu 2 là “Tập Kiều” và câu 4 mượn tạm của Nguyễn Bính¹⁰.

Nguyên do đêm đầu tiên gặp em Hoài, Bính đã cùng với Hoàng đặt liên tiếp hai bài “Hát Hăm”, mỗi bài 4 câu. Như thường lệ, Bính nhập cuộc là ra 10 Hát ả-đào vốn là một lối “văn chơi”, không phải là văn “dạy đời” hay “cứu nước” ; do đó trong bài, tha hồ vay mượn cổ nhân. Thí dụ bốn câu Mưỡu có thể lấy nguyên văn Truyện Kiều cũng cứ được. Hai câu thơ (thất ngôn hay ngũ ngôn) cũng tha hồ tập cổ. Tuy nhiên ở bài này của Hoàng, chỉ mượn hai câu trong Truyện Kiều là nguyên vẹn thôi (Tập Kiều).

quân ngay ; mặc dầu chỉ là một câu “tập cổ” :

Bán sinh phong cốt lãng tăng

Hoàng tiếp :

*Nhu hoài nhất phiến sao bằng gửi
đây.*

Bính không ngần ngại :

Tĩnh Đông mà có Mái Tây,

Hoàng phải nghĩ một phút mới hoàn tất được :

Hồ vơi cung Bắc lại đầy gió Nam,

Đó là bài “Hăm” thử nhất, còn bài thứ hai thì chính là 4 câu Mưỡu như trên đã chép. Hoàng ra quân trước :

Bấy lâu đáy bể mò kim

Bính rất thuộc Truyện Kiều, nên tiếp ngay :

Là nhiều vàng đá, phải tìm trăng hoa !

Hoàng nói thành câu thứ ba, mà điều kiện bắt buộc là phải có chữ Hoài :

Sông Hoài thuyền ghé lân la

Bính được dịp cười ha hả ; vì Bính chỉ có việc lấy câu thơ vẫn ngâm hàng ngày ra, lựa vần nối luôn, ý lại cũng hợp mới thú chứ. Câu thơ ấy gốc ở câu nói trong Tam Quốc Chí : “Thiên hạ anh hùng, Sứ quân dữ Tháo” ; và Bính vẫn tự khen là “tuyệt” ; phải khuyên son đủ 8 chữ:

Giai nhân danh sĩ là mình với ta.

Nhưng nếu cứ “khiêng” cả câu này vào bài “Hăm” thi lạc vần, nên Bính đảo lại:

Giai nhân danh sĩ là ta với mình

Hoàng đề nghị đổi quách ra thành :

Nào ai danh sĩ, ai là giai nhân ?

Bính không chịu, bảo rằng tách rời giai nhân ra khỏi danh sĩ là “nhảm” là “vô tình”, v.v...

Bính ơi Bính, đêm nay chẳng biết “cậu” đang tự hủy. diệt ở xóm nào ? Tôi ngồi nghe hát một mình – và em Hoài hát đấy nhé! không thể quên được cậu, nên trong bài Hát, tôi đề nguyên vẹn 4 câu Hăm của tôi và của cậu làm Mưỡu ; không sửa một chữ nào ! Quý nhau đến thế đấy, cậu ạ !

Ý nghĩ này cứ chìm nổi mãi theo giọng ngọc của “giai nhân”, khiến cho Hoàng chả biết có phải là “danh sĩ” hay

không – chợt cảm thấy tất cả cái đẹp cái say của tình bạn “giang-hồ-vật”.

Vũ Hoàng Chương

Sài-gòn, 1-4-1971

(Trích tập TA ĐÃ LÀM CHI ĐỜI TA ?)

VŨ BẰNG

Nguyễn Bình, một thi sĩ suốt đời mắc bệnh tương tư

Hình như đa số các nhà văn đều theo một công lệ đã được vạch sẵn từ bao giờ không biết : là mỗi khi nhắc nhở đến một bạn đồng nghiệp nào khuất bóng thì hết lời ca ngợi và không quên nhắc đi nhắc lại là mình có cảm tình hết sức nồng hậu với nhà văn, nhà thơ đó.

Tôi muốn ăn ngay nói thẳng hơn một chút. Về Nguyễn Bình, tôi phải thú

thực liền : tôi không có cảm tình với anh trong những buổi đầu gặp gỡ. Tôi nhớ rõ như mới ngày hôm qua : chúng tôi gặp nhau lần đầu vào một ngày mưa dầm, tháng bảy. Mưa suốt đêm suốt ngày. Tôi ru rú ngồi sửa bài trên một căn gác nhỏ. Thâm-Tâm, Trần Huyền Trân và Ngọc Giao đưa Nguyễn Bính đến thăm tôi, cả ba đều ướt. Gặp ngày mưa, lòng mình đã chán chường, lại thấy ba ông bạn đến thăm vào chính lúc mình không chờ đợi, tôi không thú mấy. Trần Huyền Trân, Ngọc Giao và Thâm Tâm là bạn quen biết trước, đến bất ngờ như thế không sao, nhưng Nguyễn Bính, đối với tôi nhất kiến vi kiến, tôi cảm thấy hơi khó chịu.

Đã thế, tôi lại thấy Nguyễn Bính không có cái duyên đối với riêng tôi. Ngay từ câu xưng hô đầu tiên mà tôi cho là lỗi lĩnh. Bính nói :

– Bính còn có vài bài thơ chưa đăng ở đâu, để hôm nào rảnh, gửi anh, đăng lên “Tiểu thuyết Thứ bảy” hay “Phổ thông Bán nguyệt san” tùy ý.

Lúc đó, còn trẻ, tôi hơi khó tính. Thấy một người đàn ông con trai tự xưng tên mình lên với người quen như thế, tôi cho là không được. Ngay các cô thiếu nữ tự xưng tên mình như thế, tôi cũng đã không “thương” được rồi. Có lẽ chính tôi lỗ lĩnh vì có thành kiến về cách xưng hô như thế, nhưng đó là sự thực tôi cảm giác về Nguyễn Bính.

Sau đó ít lâu, tôi tìm đọc một vài bài thơ của Nguyễn Bính đăng trên “Hà-nội báo” xem ra thế nào thì tôi vẫn duy trì ý kiến của tôi ; không có cảm tình với Bính cả về người lẫn thơ. Tôi phải thú thực tôi là một người xem thơ không sành. Qua mấy bài thơ Nguyễn Bính tôi được đọc,

tôi thấy anh làm về chỗ không phải là thơ. Thơ, theo tôi quan niệm, phải kết tinh ý nghĩ trong ít lời ít chữ, nhưng những chữ, những lời ấy mỗi mỗi phải là hình ảnh, đọc lên phải là nhạc gợi lên nhiều ý nghĩa sâu xa, lắng đọng. Nói một cách khác, tôi chỉ chịu những bài thơ “khó khăn” một chút, chỗ làm dễ dàng, đọc dễ dàng thì tôi không tán thưởng. Dem ý kiến ấy ra bàn với Thanh Châu, Ngô Hoan, các anh cũng tán thành ý kiến ấy của tôi, do đó tôi lại càng coi thường Nguyễn Bính...

Cho đến một ngày kia, dự một cuộc hội thảo về thơ mới, thơ tự do ở “ngoài kia”, tôi mới thấy hơi nao núng về quan niệm thơ của mình và bắt đầu ngờ Nguyễn Bính là một nhà thơ có tài thực, chỗ không phải là một anh soạn về.

Hôm ấy, cuộc hội thảo gồm có nhiều

tay tiểu tử sản trong hàng ngũ kêu là “trí thức”. Nguyễn đình Thi đưa vấn đề thơ mới ra hỏi ý kiến anh em – vì Nguyễn đình Thi là một nhà thơ bình vực thơ tự do, thơ mới “đến kỳ cùng”. Một số lớn anh em nói huých toẹt là “không thể thương được loại thơ kỳ cục đó”. Tôi nhớ Phan Khôi lừng khà lừng khùng có nói sỗ như sau :

– Tôi không có ý kiến khen chê gì hết, nhưng tôi chủ trương nên đổi tên thơ tự do ra làm thơ văn xuôi xuống dòng thì hơn.

Một anh khác nói :

– Thơ mà không có nhạc, nói lằng nhằng lít nhít thì gọi là thơ làm gì cho nhục chữ thơ đi. Tôi thấy rằng muốn làm thơ gì cũng được, nhưng phải ngâm nga mới được, đọc lên một vài lần tôi phải

thấy réo rắt, uyển chuyển và làm cho tôi nhớ để khi nào buồn tôi ngâm ngợi cho tôi nghe hay người khác nghe thì mới có thể gọi là thơ.

Nguyễn đình Thi uất quá, xin một ý kiến tối hậu của “ông cụ”. “Ông cụ” bảo :

– Thế tôi hỏi chú câu này nhé. Chú đã nghe thấy ăn mày họ kêu đường chưa ?

Mọi người ngạc nhiên không biết ông cụ nói gì. Mãi sau mới biết :

Ăn mày muốn lôi kéo người ta, làm cho người ta rung động để cho tiền cũng phải làm thơ. Thơ của họ thế này : “Lạy ông đi qua, lạy bà đi lại... cho tôi đồng tiền bát gạo... Con cá nó sống vì nước, con sống vì của ông của bà...”

Chê Nguyễn Bính, người ta vẫn thuộc thơ Nguyễn Bính

Cuộc hội thảo hôm ấy làm cho nhiều anh em buồn cười. Riêng tôi, còn nhớ rất lâu mỗi khi chợt nhớ đến những bài thơ tự do của Xuân Sanh, Đoàn Phú Tứ, Nguyễn đình Thi... Ở thơ như thế, có lẽ không phải là thơ thực, nhưng là một cái gì kỳ cục lạ thường. Và ý kiến nọ dặt ý kiến kia, tôi nghĩ rằng nếu lý luận như thế, sao vè của Nguyễn Bính lại không thể là thơ được ? Mà thơ của Nguyễn Bính người ta đọc, người ta nhớ, người ta ngâm sao lại không thể bảo là thơ hay được ?

Bàn về nghệ thuật viết tiểu thuyết, ông Hàn Georges Duhamel đã viết : “Ồi chao, viết tiểu thuyết, ông muốn dùng ngôi thứ nhất, ngôi thứ nhì, ngôi thứ ba, tùy ý, ông muốn viết theo kỹ thuật mới

hay cũ, tùy ý luôn ; độc giả chỉ cần có mỗi một điều là tiểu thuyết của ông cảm dỗ tôi, làm cho tôi thích thú, thế là được, ngoài ra họ không cần gì cả, ngay cả sự ích lợi hay triết lý cao siêu mà ông muốn gói ghém trong tiểu thuyết.”

Có lẽ về thơ cũng thế. Từ đó để ý hơn một chút nữa, tôi thấy rằng trong các bè bạn tôi, một số rất đông vẫn chê thơ Nguyễn Bính là vè, là thơ dễ dãi, thơ “rẻ tiền”, tự nhiên, có hôm không biết lòng nao nao buồn vì cơn cố gì buột miệng ngâm vang thơ Nguyễn Bính mà chính vào những lúc ngâm nga như thế thì họ quên khuấy mất họ là những người chê bai Nguyễn Bính hăng say nhất : Tôi có thể nói rằng sau truyện Kiều, sau thơ Tản Đà, có lẽ thơ Nguyễn Bính được nhiều người tìm đọc và ngâm nga nhất.

Có cô con gái ở vườn lên làm công

cho người ta, lãnh tiền, lấy việc mua một tập “Lỡ bước sang ngang” của Nguyễn Bính là công việc “cần phải làm đầu tiên”. Buổi trưa oi bức, mẹ đưa võng ra con ru bằng thơ Nguyễn Bính ; đi kháng chiến, đeo ba lô đi trong rừng ngâm thơ Nguyễn Bính luôn. Hai anh chị cán bộ đêm trăng ngồi ngoài sân thơm ngát mùi hoa bưởi trao tình cho nhau bằng thơ Nguyễn Bính; chị lái đò, cô hàng xén, bà bán rau cải, cô nữ sinh được ngày nghỉ về thăm nhà ở bên kia cầu Bến Lức, mấy ả phong lưu những đêm thiếu bạn... chẳng vẫn thường ngâm một mình:

Lạ quá làm sao tôi cứ buồn,

Làm sao tôi cứ khổ luôn luôn,

Làm sao tôi cứ tương tư mãi,

Người đã cùng tôi lại ước nguyện ? !

Chị từ lữ bước sang ngang.

*Trời giông bão, giữa tròng giang lật
thuyền.*

Xuôi dòng nước chảy liên miên,

Đưa thân thể chị tới miền đau thương.

Mười năm gởi hận bên giường,

*Mười năm nước mắt bữa thường
chan canh.*

Mười năm đưa đón một mình,

Đào sâu chôn chặt mối tình đầu tiên.

Mười năm lỏng lạnh như tiền,

Tim di hết máu cái duyên không về.

*Tương tư thức mấy đêm rồi,
Biết cho ai biết, ai người biết cho.
Bao giờ bến mới gặp đò,
Hoa khuê các, bướm giang hồ gặp
nhau ? !*

Có thể nói rằng hầu hết các nhà văn nhà thơ, dù chê Nguyễn Bính, dù không ưa Nguyễn Bính cũng đều nhớ đại khái mấy câu thơ sau này của Bính nó làm người ta không muốn nhớ mà phải nhớ cũng như ta nhớ tục ngữ, ca dao vậy :

*Nhà em có một vườn trâu,
Nhà anh có một hàng cau liên phòng.*

*Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông,
Một người chín nhớ mười trông một
người.*

*Trời mưa ở Huế sao buồn thế,
Cứ kéo dài ra đến mấy ngày.
Xa xôi ai nhỏ mà thương nhớ,
Mà nhớ mà thương đến thế này !*

*– Gió mưa là bệnh của trời,
Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng.*

Bệnh tương tư của Nguyễn Bính

Có lúc ngồi suy nghĩ về thơ Nguyễn Bính, tôi cố tìm hiểu tại sao Nguyễn Bính lại được ưa chuộng thế. Anh “ ăn ” vì hai đặc điểm.

1) Anh đã nói lên tiếng nói chân thật

của lòng với lời lẽ bình thường của dân gian, không cầu kỳ, không kênh kiệu.

2) Anh đã nhắm đúng vào một cái bệnh chung của loài người là cái bệnh tương tư : trai gái tương tư nhau, người dân mất nước tương tư quê hương, người con gái lấy chồng tương tư dòng sông cũ, người đàn ông không được yêu tương tư người thương lý tưởng, người bị tình phụ tương tư người đã phụ mình... Có thể nói tất cả văn thơ thời tiền chiến của Bính đều nhắm vào bệnh đó và anh nổi bật cũng vì bệnh đó. Sở dĩ được như thế, chính vì anh là người mắc bệnh đó thật, vì ai đã biết Nguyễn Bính đều không chối cãi được điều này : bắt gặp ai anh cũng mê, mê người thương mình, mê luôn cả người không thương mình, mê người có thể yêu thương được mà mê luôn cả những người mà mình không có

quyền yêu thương. Yêu quá lỗ, mê quá xá rút cuộc không làm gì được thì tương tử. Người đàn bà trong “Lỡ bước sang ngang” mà Bính gọi là chị Trúc là một thí dụ đàn bà mà Bính không có quyền yêu nhưng lại cứ yêu. Chinh Trúc Đường – một người anh con chú con bác với Bính trên con đường tản cư về Khu Tư với tôi, xác nhận rằng chính “chị Trúc” mà Bính nói đó là vợ anh – tức là chị Trúc Đường – nhưng vì danh giáo không thể yêu như thế nên Bính tủi hờn sâu khổ mà tạo nên những bài thơ “Lỡ bước sang ngang”.

Có lúc tôi đã hỏi Trúc Đường :

– Thế Bính có biết rằng anh biết rõ là Binh yêu chị ấy không ?

Trúc Đường trả lời tôi :

– Biết chứ. Chính nó nói thực với tôi

là khác. Nhưng tôi mặc kệ, bởi vì cái tính nó si mê như vậy, ngăn cấm nó có khi nó đi tự tử. Mà tôi mặc kệ cũng không phải là không có cơ vì tôi biết chắc rằng Bính cũng chỉ tiến đến cái mức mê vớ mê vẩn thế thôi...

Câu chuyện mê chị Trúc chỉ là một điển hình.

Yêu những người mà đa số người cho là không đáng gửi tình yêu, Bính cũng si mê như thế. Bây giờ còn có những người bạn giao du với Bình lúc anh dời Bắc vào Nam và từng chung sống với anh thuật chuyện rằng có hôm Bính dành trọn ngày để làm một cái khung kính lồng một cái hình của một người kỹ nữ một đêm mà anh quen biết và chính anh cũng biết sẽ không có còn bao giờ có cơ hội để mà gặp nữa. Rồi làm thơ thương nhớ, tương tư, y như thể là bạn gái cố

tri, ăn đời ở kiếp, có khi lại tủi thân khóc một mình hỏi tại sao người yêu không đến với mình để ban cho mình một lời thương, một nụ cười :

Xé bao nhiêu lụa rồi,

Em không cười nửa tiếng.

Đổi bao nhiêu lửa trời,

Em không cười nửa miệng.

Bảo là gàn thì Nguyễn Bính quả là một thi sĩ gàn : đầu thì bù, ăn mặc xốc xa xốc xếch, đi thì nhìn lên trời mà nhìn ngang ăn nói bướng không chịu được, nhưng khó chịu nhất là bập vào cô nào anh cũng mê và tưởng tượng là người ta cũng yêu anh lắm. Cái mối tình “Tú Uyên” cũng là một thứ tình vẩn vơ như thế. Nguyên hồi ấy, Nguyễn Bính ở chung một gác trọ với Thâm Tâm và Trần Huyền

Trân. Cả ba cùng là tay mơ, có tiền đi hát. Vớ vẩn, Bính quen biết một cô đầu đội đèn, tên là Ngọ. Thi vị hóa cô ả, Bính đặt tên là “Tú Uyên” bịa là nàng theo đạo Thiên Chúa và làm thơ xin Chúa cho lấy được nhau :

Lậy Chúa con xin Chúa một giờ,

Mười hai giờ ngộ của tình xưa.

Hai đứa con đây Uyên và Bính,

Thường hẹn hò nhau những buổi trưa.

.

Chuông ngộ từng hồi chuông ngộ đổ,

Từng hồi chuông ngộ đổ chơi vơi.

Con nghe chuông đổ rồi con khóc,

Cứu rồi linh hồn con, Chúa ơi !

Theo chỗ biết của riêng tôi thì chính Thâm Tâm và Trần Huyền Trân đã xếp đặt và thần thánh hóa cô Ngọ để cho Bính say mê làm một trò cười, nhưng chính Bính, có lẽ đến lúc chết cũng vẫn không biết thế và vẫn cử yêu người đẹp Tú Uyên.

Về cái bệnh tương tư vớ vẩn của Nguyễn Bính, thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã có lần nói lên những ý nghĩ tương tự tôi vừa nói trên kia. Nhưng dầu sao, ta cũng phải nhận rằng chính cái bệnh ấy đã giúp một phần lớn cho sự phát triển thi tài của Bính, để giúp cho Bính nói ra được một khía cạnh của lòng u uẩn muôn đời của con người.

Nhưng mề đay nào mà chẳng có hai mặt ? Vì cứ yêu vớ vẩn, bạ ai cũng tương tư như thế nên Nguyễn Bính nhiều phen đã thành ra chính nạn nhân của bệnh tương tư của mình. Đó là trường hợp lúc

Bính đời Bắc vào Nam sống nhờ nhà một ông công chức ở Rạch-giá. Có lẽ tại Bính thực thà tin rằng “mình có trái tim thì không ai có quyền cấm mình yêu, ngăn mình nhớ” nên ông công chức nọ ghen với Bính... Thêm nữa, bà vợ ông công chức cả ngày ru con hay ngồi rửa chén, rửa đĩa lại cứ ngâm xa xả thơ của Bính nên ông công chức nọ không chịu được, phải mời Bính ra khỏi nhà.

Đây là cái đoạn đời cực khổ nhất của Bính : anh phải ra ở đình Nguyễn Trung Trực, ngủ ở sàn gạch, không có một cái sơ mi lành lặn để mặc, mặc quần cụt, đi guốc lê la ở Rạch-giá, điều thuốc không có mà hút, chén cơm nhiều khi không có mà ăn. Tất cả gia tài của Bình thu vào mấy cuốn sách và một hai cái áo gói vào một tấm giấy nhật trình. Cả tháng không tắm, Bính mỗi buổi sáng thức dậy lại ra một

cái cầu tre ở trước đình Nguyễn Trung Trục vục tay xuống sông rửa mặt và lấy năm đầu ngón tay làm lược chải đầu.

Đoạn đời này, thi sĩ Kiên Giang hiểu rõ Bính hơn ai hết vì chính anh đã sống với Bính và “cưu mang” Bính. Chính Kiên Giang đã viết về Bính trong thời kỳ ấy như sau :

“Sau khi biết tình cảnh của Bính, tôi bàn cùng Bính nên tìm một nơi nào khác mà ở để còn viết lách. Cả hai đồng ý thuê một ngôi nhà của ông giữ sân banh Rạch-giá. Ngôi nhà này chỉ hơn được cái nóp một chút thôi, nghĩa là xiêu vẹo, tiêu tụy như một ngôi nhà hoang. Người ta phải dùng một cây đòn lớn để chống đỡ hàng cột giữa, hàng ba, hàng nhì. Chỉ có ba hàng cột mà hàng nào cũng xiêu cả thì không hiểu có nên gọi cái nhà này là cái nhà không? Thôi cứ tạm gọi là Lều Thơ

cũng được.”

Đặc biệt nhất là Nguyễn Bính khổ cách mấy cũng không phàn nàn. Hình như anh thành thực quan niệm rằng cái kiếp nhà thơ là phải nghèo, phải khổ : đó là một định luật không nên oán thán. Anh chỉ oán thán lòng người tàn ác, cam đành hưởng thụ vinh hoa phú quý ở bên cạnh những đồng bào cực khổ, nghèo nàn, hoặc những người bạn ngày nào bây giờ sung sướng đã quên mất người bạn thuở còn hàn vi, đói rách với nhau :

Tù độ về đây sống rất nghèo

Bạn bè chỉ có gió trăng theo.

Những thằng bất nghĩa xin đừng đến,

Hãy để thêm ta xanh sắc rêu !

.

*Trọc phú ti toe bàn thế sự,
Đĩ già tập tễnh nói văn chương.
Đã coi đồng bạc to hơn núi
Còn học đòi theo thói Mạnh thường
.*

*Chao ôi, giả dối, ôi mai mỉa,
Sống chật phồn hoa, một lũ Mường.
Chị ơi, tất cả là vô nghĩa,
Chả nhiều điều nào phủ giá gương.
Tay trắng bạn bè đều tránh mặt,
Sa cơ thân thích cũng khinh thường ;
Sông lạnh thấy đâu người gọi gió,
Trắng tà tìm mãi kẻ mài gương...*

Mài gương vẫn không hết tương tư

Phân tách Nguyễn Bính, nhiều người bạn còn sống bây giờ quan niệm Nguyễn Bính chỉ là một người có tinh thần cách mạng chứ không phải là một người hành động. Tinh thần cách mạng ấy bắt nguồn từ chỗ mới ra đời anh đã thấy cảnh giàu nghèo bất công và người ta có thể nói rằng cái tinh thần ấy đã bàng bạc trong vở kịch đầu tiên của anh viết với Yến Lan một thi sĩ miền Trung nhan đề là “Bóng giai nhân”.

Chính Nguyễn Bính đã trình diễn vở kịch này lần đầu tiên ở Hải phòng cùng với Thâm Tâm, Trần Huyền Trân và Vũ Hoàng Chương, Trần Huyền Trân thủ vai đạo sĩ, Vũ Hoàng Chương vai tráng sĩ, còn Nguyễn Bính thủ vai mài gương trong kịch.

Đến cái người mài gương, tượng trưng cho tinh thần cách mạng, Nguyễn Bính cũng vẫn không quên được cái bình tương tự cổ truyền : thỉnh thoảng trong kịch lại có một “bóng giai nhân” hiện lên không nói năng gì, nhưng ai cũng biết cái anh mài gương kia nung nấu chí báo thù chỉ là vì hình bóng giai nhân đó.

Tôi không hiểu trong đời sống thực, Nguyễn Bính, sau thời kỳ ở Rạch-giá ra bùng theo kháng chiến là vì lòng yêu nước hay là vì bóng một giai nhân nào, nhưng anh em đều nhận thức rằng đến giai đoạn này thì thơ Nguyễn Bính chuyển hướng.

Không phải chuyển hướng về từ nhưng về ý.

Thơ Nguyễn Bính vẫn dài dòng như cũ, từ vẫn đẹp như cũ, nhưng ý thì khác

trước. Thay vì những vần nhớ nhung, than khóc, bắt đầu từ thời kỳ ra bưng kháng chiến chống Pháp năm 1947-48, Nguyễn Bính bắt đầu làm những bài thơ hùng mạnh như “Xuân vãn tha hương”, “Hành phương Nam”, “Đồng Tháp Mười”, nhưng thực ra trong đời sống thực, Nguyễn Bính không có mấy lúc được vui vẻ thanh thoi vì anh không chịu sống trong khuôn nếp, sống theo qui luật. Há chẳng phải Bính vẫn thường nói với các bạn bè thân ở ngoài bưng rằng lẽ lối chỉ đạo văn nghệ ở “ngoài này” đã bóp méo hứng cảm của thi sĩ ?

Sau hiệp định Genève, Nguyễn Bính để lại một người vợ miền Nam ở lại Sài-gòn trở ra Bắc cùng với một số cán bộ văn nghệ tập kết, nhưng vốn là một người “sống ở trên mây”, “có nhiều chất thơ trong người”, Nguyễn Bính vẫn

cứ bất mãn như thường. Điển hình cho lòng bất mãn này có người thường đọc lại mấy câu thơ sau đây của Nguyễn Bính trích trong bài “Tiếng sáo diều” :

Kịp ngày cải cách quê tôi,

Nỗi oan cha muốn kêu trời, trời cao.

Đêm dài mờ mịt trăng sao,

*Cánh đồng quê, tiếng sáo diều bật
tăm.*

Bụi đầy miệng sáo nín câm,

*Dây treo chuột cắn, khung nằm mỗi
sông.*

Trong thời kỳ này, ở đây thỉnh thoảng do nguồn tin này, thỉnh thoảng do nguồn tin khác, tôi nghe thấy nói Nguyễn Bính đau, rồi xuất bản tạp chí “Trăm Hoa”, rồi “tỉnh giấc chiêm bao” cuộc đời Bính

như bèo trôi trên nước phù sa, nhưng tôi không lấy làm ngạc nhiên quá mức.

Một người như Bính là một thứ Tản Đà thu nhỏ lại, chỉ để ngồi uống rượu, làm thơ, hút thuốc lảo vặt và nói ngông nghênh, kênh kiệu, tô điểm cho đời thêm đẹp và thảnh thơi lại gảy lên trong lòng người ta một khúc nhạc đầm ấm, lâm ly thì quả không chê vào đâu được ; nhưng Tản Đà mà làm báo, Nguyễn Bính lại tổ chức Văn hóa Cứu quốc Rạch-giá, và làm chính trị, thì chỉ có thất bại và bất mãn, thêm nữa thi ca lại mất một tên tuổi đã từng tạo được những câu thơ đẹp như là những ca dao của ngày xưa để lại.

Nhà em có một giàn giàn.

Nhà anh có một hàng cau liên phòng.

Thôn Đoài thì nhờ thôn Đông,

*Cau thôn Đoài nhớ giàu không thôn
nào ?*

Bảo rằng cách trở đò giang,

*Không sang là chẳng đường sang đã
đành,*

Nhưng đây cách trở đầu đình.

Có xa xôi mấy mà tình xa xôi !

Thế là tàn một giấc mơ,

Thế là cả một bài thơ nảo nùng.

Tuổi son, má đỏ, môi hồng,

Bước chân về đến nhà chồng là thôi,

Đêm qua mưa gió đầy trời,

Trong hồn chị có một người đi qua.

Thay vì những câu thơ đẹp nồn nà
như thế mà lại đi sáng tạo những câu thơ
tuyên truyền như :

Chim kia có cánh thì bay,

Con ơi, có nước thì mày phải thương.

Thà rằng chết ở chiến trường,

Còn hơn chết ở trên giường thê nhi.

Hỡi ai dòng giống Lạc Hồng,

Hãy hy sinh hết cho nòi giống ta

Hãy nên vì nước quên nhà,

*Coi thường thân sống mới là trượng
phu.*

Lang thang tìm một hướng đi,

Nguyễn Bính thất vọng lại trở về thất vọng : rút lại, đến những ngày cuối cùng anh lại trở lại làm người thi sĩ của thời tiền kháng chiến và lại tương tư rồi cứ tương tư như thế cho đến chết :

Trông vời viễn núi xa xanh,

*Tưởng trông rõ mái nhà mình phương
Nam.*

Tưởng chừng người vợ tao khang,

*Đường nhìn lên thấy sao nàng nhớ
anh*

Trong mơ con bú chưa rồi,

Lưỡi con đưa đầy đôi môi còn thèm.

Giật mình con bỗng thét lên,

Hai tay chơi với quơ tìm mẹ đâu!

*Biết bao tâm sự mấy chờ mong,
Bến cũ dò xưa chuyện thủy chung¹¹.*

Một cuộc đời rút lại còn mấy tập thơ

Lúc Nguyễn Bính mất đi, có người thương xót anh, bàn rằng anh là một người “ra-tê¹²”, một người không may trên đường văn nghiệp, vì “cái mới đã đến rồi nhưng chưa ở lại hẳn, còn cái cũ vẫn còn ở lại, chưa chịu dứt ra mà đi ; hơn thế, Bính lại chưa thật thấy hết cái bản chất cách mạng của cái mới cho nên

11 Mấy câu thơ này trích tập “Đêm sao sáng” của Nguyễn Bính do “Văn Học” xuất bản ở Hà-nội năm 1963. Ba năm sau khi xuất bản tập thơ này, Nguyễn Bính mất ở Hà-nội (20-1-1966).

12 raté : thất bại.

ông không đủ lửa thật cháy để truyền vào thơ ông”.

Suy luận về đời thơ Nguyễn Bính như thế cũng có phần nào đúng ; nhưng đúng hẳn về phương diện văn nghệ thuần túy thật quả là tội cho Nguyễn Bính. Cả một đời không được hưởng thụ một chút gì, chỉ lang thang, vất vưởng đi tìm một lối đi như một người mù rồi đến chung cục thì lâm, quay lại với cái “tôi” của chính mình thì đã muộn. Phải chí Nguyễn Bính biết được cái mạnh và cái yếu của mình, giữ lấy cái mạnh và không chạy theo cái yếu thì đời thơ của Bính chắc còn phong phú hơn nhiều, chớ đâu cả một cuộc đời vất vả lao đao chỉ thu vào có chừng ngót một trăm bài thơ in thành vài tập mỏng một vở kịch và một truyện dài không quá tám chục trang in ?

Nói như thế không phải là trách cứ, nhưng đó là cả một sự xót xa. Nguyễn Bính, một thi sĩ bình dân nhất, có nhiều thơ được truyền tụng nhất, nhưng chung thân không may mắn một lúc nào. Bây giờ các bà, các cô nội trợ, các sinh viên, nữ sinh, các anh em chiến sĩ ngâm thơ thép súng nhưng khi buồn vẫn hát bài thơ phổ nhạc “Cô lái đò” của Bính, có lúc nào sức nhớ rằng người đã giúp các bạn ngâm những câu thích thú cho lòng đó, người đã vì nợ áo cơm phải trả đến hình hài đó, chỉ là một thứ François Villon sa đâu là nhà, ngã đâu là giường, chỉ ao ước có một tình yêu thành thực mà không bao giờ có, không bao giờ được ? không ai thêm ban cho ?

Ở chòi hẹp, nhưng hồn trùm vũ trụ,

Trái tim đau nhưng thương cả loài người...

*... Mắt quầng lại, đêm đêm rờn rã
thức,*

Da xanh xao vì muỗi thật nhiều.

Này của riêng, soát lại có bao nhiêu,

*Chiếc khăn tắm, bộ áo quần trong
nóp.*

Ba năm rồi chưa xỏ chân vào quốc,

Ăn cơm thiu vì ẩm ướt mưa đêm.

Có phải vì thế, muốn làm thơ kháng chiến đến chừng nào, Nguyễn Bính vẫn không thể bật lên mà cho đến bây giờ, người ta còn thương Nguyễn Bính, yêu thơ Nguyễn Bính chỉ là vì những câu thơ chứa chất một tấm lòng tương tư não nùng, lê thê có từ ngày xưa và sẽ còn tồn tại mãi đến ngàn sau.

Trăm năm đã lỡ hẹn hò,
Cây đa bến cũ, con đò còn không ?
Tình cờ gặp giữa phố đông,
Em đi ria rit tay chồng tay con.
Nét cười âu yếm môi son,
Áo bay nhấc buổi trăng tròn sánh vai.
Chín năm bão tố mưa ngày,
Nước non để có hôm nay sáng trời.
Em đi hạnh phúc hồng tươi,
Anh nhìn tận mắt cuộc đời đẹp thay !
.
Anh về viết lại thơ anh,
Để cho bến mắt cây xanh đôi bờ,
Cho sông cho nước tự giờ,

*Chẳng còn lỡ chuyện con đò sang
ngang¹³.*

Sài-gòn, tháng Bảy 1969

Vũ Bằng

13 “Tĩnh giấc chiêm bao” đăng trong báo “Trăm Hoa” xuất bản tại Hà-nội ngày 9-12-1956.



giới thiệu :

MỘT CÁCH BUỒN PHIÊN

tập truyện LÊ VĂN THIÊN

bìa NGỌC DŨNG — 130 trang —
giá 70 đồng

QUÊ HƯƠNG LƯU ĐÂY

truyện dài HOÀNG NGỌC HIỀN

bìa NGUYỄN TRUNG — 176 trang —
giá 120 đồng

NỖI BUỒN ƯỚC VỌNG

tập thơ HOÀI TUYẾT TRANG

bìa DUY THANH — 64 trang — giá
100 đồng

TRONG NỖI BUỒN VÀNG

tập thơ HẠC THÀNH HOA

bìa DUY THANH — 96 trang — giá
120 đồng

Muốn mua xin gửi đúng giá sách, bưu phiếu hoặc tem thư gửi theo lối bảo đảm, về ông Nguyễn đình Vượng, số 38 đường Phạm Ngũ Lão, Sài-gòn, kèm theo tên họ và địa chỉ rõ ràng. Sách sẽ được gửi bảo đảm tới bạn ngay. Cước phí sẽ do VĂN trả.

Các tỉnh : Đà-nẵng, nhà sách Lam Sơn ; Huế, các nhà sách lớn ; Qui-nhơn, nhà sách Khánh-Hưng ; Nha-trang nhà sách Huy Hoàng ; Ban-mê thuật, nhà sách Văn Hóa ; Mỹ-tho, nhà sách Do Quang ; Vĩnh-long, nhà sách Minh Trí ; Sa-đéc, các nhà sách khắp tỉnh...

MỘNG - TUYẾT

Bóng Giai nhân và Nguyễn Bính

“ Mùa này, trời miền Nam, mưa đang
rơi nặng hạt

Cố nhân còn đâu ! ”

Tôi nhắc lại câu cuối cùng của bài
“Để nhớ Nguyễn Bính” hồi mấy năm
trên¹⁴.

Một nhà nho miền Bắc nhận xét thời
tiết miền Nam qua hai câu:

14 Xem : “Để nhớ Nguyễn Bính những ngày ghé bến Hà-tiên”,
cùng tác giả, VĂN số 60 ngày 15-6-1966, tr. tr. 52-58. (Ghi
chú của Tòa soạn VĂN)

Tứ thời giai thị hạ

Nhứt vũ tiên thành thu

Cái mưa đầu mùa của phương Nam
này là như thế đó :

Bốn mùa nóng bức trời đang hạ

Một trận mưa dào chợt thấy thu

Hôm nay trời đang nóng nung người
của thịnh hạ, đột nhiên vào thu sau một
cây mưa chiều mát rượi rửa sạch bụi hè
cho cây cho lá.

Một chút thu man mát, man mát vừa
đủ để gây nhớ cho lòng người.

Lòng tôi lúc nào cũng mang nặng
một nỗi sầu nhớ miên man vô tận nhưng
mà hãy gác nó lại đi. “Vết thương còn
chảy máu phải băng bó nó lại, đừng
kích thích nó khi nào nó lành miệng rồi,

chạm vào nó mới thấy một cái thú chua chát. Nó không còn nhức nhối làm cho ta thét lên; nhưng còn đủ đau để làm cho ta rên rĩ...” (Thư gửi người đàn bà không quen biết, Nguyễn Hiến Lê dịch André Maurois, nhà xuất bản Nguyễn Hiến Lê, 1971)

Tôi vâng theo lời khuyên đó mà liễu lĩnh chấp nhận lời yêu cầu của ông Thư ký Tòa soạn VĂN¹⁵. Một lời yêu cầu mà tôi chẳng dám nhận trước đây.

Lại nhớ Nguyễn Bính, những kỷ niệm vụn vặt có đủ để cho tôi ghi lại nữa không ? Còn về khía cạnh thi sĩ của Nguyễn Bính thì đã bao nhiêu nhận xét rồi, và tôi cũng đã từng nghĩ về một khía cạnh nào đó của nhà thơ này rồi !

15 Tòa soạn VĂN xin được công nhiên ngỏ lời cảm tạ bà Mộng-Tuyết. Về bài viết này và về nhiều tài liệu mà bà đã có lòng cho mượn.

Bóng giai nhân và Nguyễn Bính

Tôi bắt chợt cái tiêu nhan bài này của nhà văn lão thành Vũ Bằng, vì nhờ nó mà tôi mới nhớ đến vở kịch thơ “Bóng Giai nhân” và vài ý nhớ mơ hồ nho nhỏ.

Trong đàm tài liệu cũ đã bị mất mát gần hết còn sót lại một mớ bút tích của các nhà văn bạn bè xưa. Trong đó có 2 bản; cả hai đều in trên giấy lụa Dó đẹp có những lông tơ óng mỡ như nhung trên màu vàng cổ điển của nước Việt-nam vương giả.

Một là tài liệu của Tự lực Văn đoàn trong có đủ chữ ký của toàn nhóm.

Một là cánh thiệp mời của Ban kịch Hà-nội in chữ đen trên nền lầu Khuê văn màu đỏ :

Ban Kịch Hà-nội (trình diễn)

Thế Chiến Quốc

Bóng Giai nhân

tại Nhà Hát Tây Hà-nội

tối 10 octobre 1942

để giúp quỹ Đông dương Học xá

Chỗ ngồi danh dự H

Giá đặc biệt 25 đồng

Nét đặc biệt của cánh thiệp gấp đôi này là mở ra 2 trang trong bày ra một bức vẽ đàn thanh thủy mặc :

Một bóng giai nhân áo xanh hoa lý pháp phối cầm chiếc quạt e lệ đứng với

một nét lục liễu rủ bóng bên nhịp cầu son cùng với một vùng cỏ biếc, do nét họa của Họa sĩ Nguyễn Đỗ Cung. Toàn thể bức tranh đẹp và trang nhã lạ lùng.

Một cái vé xem kịch mà được sửa sang công phu do một họa sĩ thời danh, cách đây 30 năm đã 25\$ thì phải biết buổi diễn kịch đó có tính cách trang trọng đến ngần nào.

Ngày Nhất-Linh tới chơi Đại Ân Am gặp lại tài liệu trên anh đã bồi hồi cảm động, như gặp lại toàn thể anh em trong nhóm Tự lực Văn đoàn, lúc đó đã kẻ còn người mất, kẻ bên kia người bên này.

Thì Nguyễn Bính, ngày ở gác Nam phong trên bến Hồ Đông gặp lại tấm thiệp Bóng Giai nhân, chàng thi sĩ tha hương lúc đó cũng ngạc nhiên thích thú.

Nguyễn Bính điều tra mãi xem ai đã gọi cho tôi.

Bính gấp lại vở kịch và tấm thiệp ngoài sự ngạc nhiên, còn làm cho Bính nhớ lại ngày vàng son cũ, Bính cao hứng đeo gổ al2m gươm để độc diễn vở kịch lại cho chúng tôi xem. Khi đóng vai người tráng sĩ cầm gươm báu, bứt một sợi tóc thối ngang lưỡi gươm để thử sức bén ngọt của thanh gươm đã đúc bằng thép tốt mà vì muốn cho được thiêng, người thợ rèn đã phải dùng máu của đứa con độc nhất của mình để luyện nên chất thép lạnh ngời đó.

Bính múa gươm và say sưa ngâm cao, trút cả nỗi hận đời vào câu :

Bao giờ họ Đỗ nên xa mã...

Kể ra thì Binh cũng khéo tay lắm.

Bính đã đẽo thanh gươm gỗ, cũng như Binh đã cưa một đoạn tre già rồi dùng dây đồng buộc làm chân để chế tạo thành một cái điều để hút thuốc Lào. Vì ở Hà-tiên không tìm đâu ra được điều cho nên Binh phải tự tìm cách chế tạo lấy. Bính khoe mãi về hai công trình đó, vì hình như Bính rất ít làm việc thủ công.

✱

Suốt đời Bính, người nghệ sĩ lang thang cũng như trong vở kịch, người tráng sĩ họ Đỗ cầm thanh gươm mới ra lò với lời căn dặn phải giết ngay người nào mà tráng sĩ gặp được trước tiên trên đường “hành hiệp”.

Nhưng mà éo le thay, gặp trước tiên lại là một hình bóng giai nhân uyển

chuyển thuật tha đáng để cho người ta chiêm ngưỡng, chứ không phải là một nét hiên ngang của người dũng mãnh để cho tráng sĩ khỏi phải ngần ngại sử dụng lưỡi gươm báu mới rèn xong.

Ngoài đời Nguyễn Bính đã gặp biết bao nhiêu là “bóng giai nhân” như trong kịch – Vâng chỉ toàn là những bóng giai nhân lảng vảng chập chờn – Éo le và chỉ để cho Bính yêu đơn phương da diết.

Tử Oanh, người con gái lầu hoa đến người bến Tầm-duong Dung bé bỏng, đều đã cho thi sĩ lấy đau thương thất vọng làm đề tài. Đã có bao nhiêu tâm tư đã chan hòa trên trang thơ chua xót than van, oán hận do những bóng giai nhân đó dệt nên.

Bao nhiêu bóng giai nhân đã đi qua trong đời thi sĩ, có lẽ chỉ có người “cố

nhân” mà Bính gọi là “Hương” đã để lại vết hằn sâu đậm nhất trong đời tình cảm của Nguyễn Bính.

Cho nên chàng phải mượn hình dung người tráng sĩ lỡ thời mang “giày cỏ”, vác “gươm cùn” lưu lạc vào Phương Nam này.

✱

Thuở đó đã có một nhà văn nổi tiếng giang hồ mơ ước :

“Chị Hoài không phải là người chị ruột tôi. Đây chỉ là một người chị tôi mượn của cuộc đời bừa bộn những oan trái. Tôi đi xin được người chị hiền ấy ở đâu và tự thuở nào thực cũng khó mà chỉ cho rõ được. Tôi chỉ biết rằng từ ngày bắt gặp được chị ở giữa một cái ngã tư lộng

gió của cuộc đời sống bạo ngược này, lòng tôi có thấy ấm và đỡ vắng hơn trước nhiều. Và ngẫm đến những thói đường lẳng nhăng dờ dang một cách rất đẹp đẽ từ trước đến giờ, tôi phát một lời ước : “Giá mà ta có một người chị ruột như vậy ?” Giá mà thế thì sao ? Thì cuộc đời hiện tại của tôi đã chẳng là cuộc đời tôi bây giờ nữa...” (Nguyễn Tuân, Tóc Chị Hoài, Xuất bản Lượm lúa vàng, Hà-nội 1943).

Đã có biết bao danh nhân thế giới nhờ tay bóng quần thoa tán trợ mà nên sự nghiệp đã khiến cho Nguyễn Tuân ao ước có một tâm hồn phụ nữ hiểu mình. Nhà văn này đã gặp chị Hoài trong một thời gian nào đó. Rồi chị Hoài đã biến đi mất cho nên nhà văn cứ phải ước mơ có được một người chị, một tâm hồn phụ nữ biết săn sóc, biết an ủi, biết thưởng thức

tài tình của mình. Còn Nguyễn Bính đã có được một chị Trúc, một người chị tinh thần mà Nguyễn Bính đã mượn làm đối tượng để gởi gắm tâm sự mỗi khi mệt mỏi. Tưởng rằng người chị đó cũng là một thực chất để mà nhận tâm sự của đứa em giang hồ bất đắc chí. Nguyễn Bính đã được chút an ủi đó rồi !

✱

Trải bao phen cay đắng lận đận vì yêu, gởi gắm tâm tình không đúng chỗ. Dù sao Nguyễn Bính cũng đã dừng chân dưới một mái nhà tranh với một người giai nhân bằng xương bằng thịt. Người con gái tròn tròn thấp thấp của Đồng Tháp miền Nam đã được Bính nhớ thương vời vợi trong “Đêm sao sáng” :

Trông với viễn núi xa xanh

*Tưởng trông rõ mái nhà mình phương
Nam*

Tưởng chừng người vợ tao khang

*Đương nhìn lên thấy sao nàng nhớ
anh...*

Người vợ tao khang mà Nguyễn Bính đáng lẽ phải mang về Bắc để làm quà cho chị Trúc một người em dâu thì buồn thay, Bính phải dời miền Nam này với lời ước hẹn :

Yêu nhau xin nhớ lời nhau

Lấy câu xum họp làm câu hẹn hò...

Nhưng mà cái hẹn đã không bao giờ thành. Khói lửa đã cách ngăn đôi bờ yêu đương vô thời hạn, Nguyễn Bính đã mang mối hận chung thiên với nỗi nhớ thương dằng dặc :

Trời còn có bữa sao quên mọc

Anh chẳng đêm nào chẳng nhớ em.

Một người vợ tao khang “ ở lại ” đã được thi sĩ tha thiết nhớ bằng những lời lẽ chân thành như vậy tưởng cũng an ủi được phần nào nỗi xa vắng nhau rồi !

Vậy bây giờ vợ Bính ra sao ? Và đứa con mà Bính để lại là trai hay gái ? Năm nay cũng đã ở tuổi quân dịch, nếu là trai mà ngày ra đi người cha còn mang hình bóng trẻ thơ măng sữa :

Trong mơ con bú chưa rồi

Lưỡi con đưa đẩy đôi môi còn thèm.

Gần đây, bây giờ, ở đây, người ta nhớ Nguyễn Bính, người ta tưởng niệm nhà thơ thất tình thất chí của những vần thơ tài hoa mộc mạc đáng yêu. Bạn bè có

sống chung với Bính ít nhiều đều nhớ thương Nguyễn Bính.

Vậy một “bóng giai nhân” đã ngưng đọng thực thụ trong đời Bình, người vợ tao khang, nghe nói cũng từng viết văn (theo Kiên-Giang) thì cô gái biết viết văn, người bạn đã chia xẻ một quãng đời với Bính, sao lại chẳng có ít nhiều góp vào trang tưởng niệm cho được hoàn toàn đầy đủ hơn.

Và bây giờ vợ Bính, con Bính ở đâu, có đọc thấy những dòng thăm hỏi này hay không nhỉ ?

Mộng-Tuyệt thất tiêu muội

Tiết Đoan ngọc — Tân Hợi

ĐÀO TRƯỜNG PHÚC

Nguyễn Bính : những mùa xuân tha hương

Hỡi ôi trời đất vô cùng rộng

Nào biết tìm đâu một mái nhà !

(ĐÊM MƯA ĐẤT KHÁCH)

Viết về Nguyễn Bính, một số người đã vô tình hay cố ý — gián tiếp chia dòng thơ của ông ra làm nhiều “chặng” ; chẳng hạn, những bài thơ sáng tác trước khoảng 1945, những bài thơ Sáng tác trong khoảng 1945 - 1954, và

những bài thơ sáng tác sau ngày Nguyễn Bính tập kết ra Bắc, nghĩa là từ 1954 cho đến khi ông mất (đầu năm 1966). Một sự phân chia (thật ra hơi mơ hồ và chủ quan) như thế, cùng với những nhận định đặt căn bản trên đó nhằm mục đích làm sáng tỏ những suy niệm về thế giới thơ Nguyễn Bính, nếu chỉ được nhìn dưới một góc cạnh cá biệt, và chỉ đóng vai trò cung cấp chút ít tài liệu phê bình trên vài phương diện chuyên môn nào đó (thí dụ như về kỹ thuật sáng tác và những diễn biến của chủ đề tác phẩm) thì cái vai trò ấy đã ngừng và phải được ngừng ở ngay trong những giới hạn của nó. Như thế, hầu hết các nhận định đã có (mà đôi lúc chỉ đạt tới giá trị như những tạp ghi) không hề giúp chúng ta một số căn bản để đi đến một cái nhìn toàn diện về Nguyễn Bính, tác giả và tác phẩm, về cái thế giới thơ Nguyễn Bính với tất cả

những chiều và những chuyển biến. Thật ra, một cái nhìn như vậy, không phải một sớm một chiều mà có được, cũng như nó đòi hỏi những công trình phân tích và tổng hợp của nhiều người, nó đòi hỏi để được kết hợp và hình thành bởi cả sự chính xác lẫn những ngộ nhận. Trường hợp Nguyễn Bính chính là một trong số những trường hợp dễ hàm chứa rất nhiều mâu thuẫn, trên bình diện tác động, và do đó, trên bình diện giải thích. Hơn nữa ngay vấn đề đang đề cập này cũng có thể được gọi ra nhiều khía cạnh tranh luận. Trong những cuộc phân tích văn học những năm gần đây, người ta có khuynh hướng cố gắng du nhập một số phương pháp khoa học với mục đích tìm tới các hệ quả tài liệu chính xác. Nghiên cứu về một tác giả, như thế, có thể áp dụng và kỹ thuật của phân tích định lượng, như từ-ngĩa-định-lượng

(sémantique quantitative) và cả phân tích nội dung : tìm những tần số của các thành phần văn pháp và ngữ pháp, phân loại những phạm trù về nội dung để tìm sự kết hợp những câu chủ đề (phrase-thème)..., và từ đó, đi đến một bảng tổng kết về phương thức sáng tác và lãnh vực sinh hoạt của tác giả... Những kỹ thuật như vậy lẽ dĩ nhiên cũng cho chúng ta không ít hệ quả tài liệu đáng chú ý, nhưng nỗ lực khách quan hóa đến tối đa của chúng liệu có, tự nó, thực sự giúp cho một người đọc đi vào thế giới của một tác giả hay không, khi mà cái thế giới ấy phản kháng lại từ căn bản những phạm trù mà người ta muốn ấn định cho nó ? Chẳng hạn, nếu áp dụng các phương pháp trên, làm sao giải thích sự bất tương dung của hai quan niệm : Nguyễn Bính của Lữ Bước Sang Ngang “khác hẳn” Nguyễn Bính của Hành Phương Nam ;

— hay trong cái sâu thẳm của thế giới thơ Nguyễn Bính, sự dị biệt ấy không hề có, không thể được đặt ra ? Với quan niệm thứ nhất, người ta phải nghiên cứu thơ Nguyễn Bính bằng những phương thức phân tích tài liệu và nội dung tương tự như việc đối chiếu những giả thuyết về niên đại Chinh phụ Ngâm khúc, về mối tương quan Đoạn trường Tân thanh và Hoa Tiên, v.v... Với quan niệm thứ hai, nói một cách giới hạn và giản dị, người ta sẽ sống với Nguyễn Bính, cũng như với Nguyễn Du, Đặng Trần Côn, những nhà thơ. Vậy thì đúng ra, tính cách bất-tương-dung nói trên cần phải được biến thành tính cách hỗ tương của những chú giải, nhận định.

Trong phạm vi bài viết nhỏ này, chúng tôi muốn cố gắng khởi từ những giả thiết vừa trình bày, phác một vài nét

sơ lược về một khía cạnh đáng lưu ý của thể giới thơ Nguyễn Bính.

✱

Có hay chăng một thứ định mệnh ràng buộc Nguyễn Bính với những chuyến đi ? Đó là những chuyến đi vừa thơ mộng, vừa cay đắng, những chuyến đi thất bại. Đó là những chuyến đi cô quạnh, nếu có một kẻ đồng hành nào thì cũng chỉ là kẻ đồng hành tình cờ, gặp nhau trong nỗi cô đơn của mỗi người để chia xẻ một chút gió bụi buồn của giang hồ, rồi lại chia lìa nhau suốt đời. Đó là những chuyến đi chất chứa đầy nhớ nhung, đầy chua chát, đầy tan nát. Đó là những chuyến đi tượng trưng đầy đủ nhất cho định mệnh của một thi sỹ giang hồ, của thi sỹ và giang hồ. Trong không

khí và trong bản chất những chuyển đi của Nguyễn Bính, không có cái hơi thở “ly khách” của Thâm-Tâm :

Người đi, ở nhĩ, người đi thật

Mẹ thà coi như chiếc lá bay

Chị thà coi như là hạt bụi

Em thà coi như hơi rượu say

Ở đó, cũng không có cái hơi thở phiêu bạt của Nguyễn Tuân “đi để mà viết. Viết để lấy cái mà đi”, không có cái hình ảnh “tôi từ chinh chiến cũng ra đi” của Quang Dũng, không có cái hùng khí “Lên đường” của Hoàng Cầm, cái thơ mộng “tôi ở đơn vị về, cưới nhau xong là đi” của Hữu Loan...

Trong bảy tập thơ đã xuất bản trước ngày kháng chiến (Lỡ Bước Sang Ngang

; Tâm Hồn Tôi ; Hương Cổ Nhân ; Người Con Gái Ở Lầu Hoa ; Một Nghìn Cửa Sổ ; Mười Hai Bến Nước ; Mây Tần) ; cũng như trong một số thơ chưa in thành tập, Nguyễn Bính nói nhiều đến những chuyến đi ấy, và ông đã sử dụng nhiều hình ảnh, đối tượng, và cả biểu tượng để trình bày cái “chất” đặc biệt của mối tương quan giữa đời ông và những chuyến đi liên tiếp suốt từ những tháng ngày tuổi trẻ. Mối tương quan nói trên không phải là một mối tương quan được chọn lựa, được sửa soạn, hoạch định. Nguyễn Bính không nói rõ ràng về sự khởi nguyên của mối tương quan đó. Những chuyến đi không thực sự được hình thành từ một chí hướng cố định. Trong tập thơ đầu tiên, Lữ Bức Sang Ngang, có lúc Nguyễn Bính đề cập đến cuộc khởi hành của ông như sự thể hiện đầy nhiệt tình một giấc mơ tuổi trẻ ; và ngay cả sự đề cập này

cũng có vẻ mơ hồ :

Rồi men tráng lệ chân thành ấy

Tự đẩy in thêm bóng một người

Bóng một nhà thơ đầy nguyện vọng,

Giàu lòng tin tưởng bước tương lai.

(LÁ THƯ VỀ BẮC)

Nguyễn Bính không nói rõ về một sự chuyển biến (nếu có) từ cuộc khởi hành trên đến những chuyến đi liên tiếp sau này. Trong Lữ Bức Sang Ngang, vì thế, người ta cũng không thể quyết đoán về một diễn trình bắt đầu từ một khởi điểm nào đó. Cái hơi thở đầy nhiệt thành, tin tưởng của Lá thư về Bắc, của lời ước hẹn “Còn chuyện phương ra để lúc về” của viễn ảnh “Là khúc khải hoàn thân gió bụi”, sẽ đóng vai trò gì trong mối tương

quan giả định mà người ta muốn thiết lập giữa chủ thể của nó với một chủ thể khác của Khăn hồng, của lời tâm sự “Em đi mất tích một mùa xuân, đi để chôn vùi hận ái ân”, hay xa hơn nữa của người lữ khách trong Giòng Dư Lệ, “bởi sinh lạc kiếp giang hồ ; dám đâu toàn tính xe tơ giữa đường” ? Có lẽ người ta chỉ có thể tạm chấp nhận một lối giải thích cho mối tương quan giả định ấy, căn cứ vào những diễn đạt trong toàn thể những tác phẩm kế tiếp khác của Nguyễn Bính. Chẳng hạn trong tập thơ thứ hai, Tâm Hồn Tôi :

“... Con dan díu nợ giang hồ

Một hai những tưởng cơ đồ làm nên

Ai ngờ ngày tháng lưu liên

Đã không gọi chút báo đền dưỡng sinh

Lại mang ân ái vào mình

Cải yêu làm tội làm tình cái thân

Bó tay như kẻ hàng thần

*Chán chường như lũ tàn quân là
thành*

(Mẹ cha thì nhớ thương mình

*Mình đi thương nhớ người tình xa
xôi).*

(THƯ CHO THẦY MẸ)

hay trong những bài thơ chưa được
in thành tập, cùng một số di cảo :

... Xuân sang xao xuyến lòng tôi quá

Tôi đã xây tròn sự nghiệp chưa ?

.

ở mãi kinh kỳ với bút nghiên

Đêm đăm quán trọ thức thi đèn

Sót sa một buổi soi gương cũ

Đã lệch bao nhiêu mặt chữ điền...

(SAO CHẴNG VỀ ĐÂY —

Dân Báo xuân Ất Dậu 1945)

.

Chị ơi ! Trôi nổi là thân tôi

Cánh bướm bạt gió trôi hồ hải

Than ôi, không có giá liên thành

Để đổi cho trón viên Ngọc ấy

Xứ người lần lửa gót phiêu linh

Quê cũ cha anh hết trông cậy

Tắm thân bảy thuốc chữa ngang tàng

Khói lửa bốn trời đã bốc dậy

*Con thuyền dầu lạc hướng phương
nào*

Vẫn nhớ ai người nơi tuyệt tái... »

(BÀI THƠ VAN RAY - Di cảo)

Như thế, mặc dù một diễn trình đã không thực sự được thiết lập và nghiệm chứng, bằng sự phân tích nội dung tác phẩm của Nguyễn Bính cũng như bằng sự đối chiếu những tài liệu rải rác, thiếu sót để tiến tới một bộ tài liệu hoàn bị về hành trạng tác giả (một thứ notice biographique détaillée mà với sự cộng tác được hệ thống hóa của một số người có đủ thẩm quyền và điều kiện, không phải không thể thực hiện được) — Nguyễn Bính, dưới mắt chúng ta, xuất hiện như hình ảnh tiêu biểu của một thi sỹ giang hồ. Cái chất thi sỹ đích thực và toàn vẹn của Nguyễn Bính đã phát lộ (và làm nảy

sinh) sự diễn đạt trung thành và bình dị những cảnh trạng đời sống và những chuyển điệu của tâm hồn ông. Sự diễn đạt ấy, mà người ta vẫn thường móc nối một cách vội vàng với những kỹ thuật sáng tác của Nguyễn Bính (để kết luận rằng ông là một nhà thơ bình dân với những dòng lục bát rất gần với ca dao chẳng hạn) — chắc chắn cần phải được lưu ý và phân tích kỹ càng hơn, hầu cung cấp một yếu tố quan trọng trong việc trình bày những khía cạnh đa tạp của cái thế giới thơ đặc biệt đó. Điều chắc chắn là khuynh hướng hướng-nội, cùng với sự diễn đạt những bóng tối của tâm hồn (những mơ mộng, ưu uất, sự thất vọng, nổi cay đắng, chua chát...) bằng những hình ảnh, biểu tượng, ẩn dụ hoàn toàn Đông phương, bằng lối sử dụng từ ngữ, cú pháp, âm điệu một cách khoáng hoạt, dung dị (theo chúng tôi thật ra sở trường

này của Nguyễn Bính được biểu lộ đầy đủ nhất trong những bài hành theo thể thất ngôn và cổ phong, những bài tràng thiên độc vận) — tất cả những thứ đó đã góp phần tạo nên cho Nguyễn Bính một chỗ đứng đặc biệt và rất đáng kể trong hàng ngũ những người làm thơ cùng thời với ông, giữa một giai đoạn có thể coi là quy tụ nhiều nhà thơ quan trọng nhất của thời cận đại. Và chính qua sự diễn đạt nói trên, nếu đã thấy nổi bật cái “chất” thi-sỹ-giang-hồ, như một thứ men phiêu lãng, nồng nàn và cay đắng, có lẽ còn phải ghi nhận, từ đó và chính trong đó, cái chất thiết tha, ngậm ngùi, của tình hoài hương, phảng phất, man mác, phả vào không khí thơ Nguyễn Bính một thứ hương thơm đặc biệt. Không phải chỉ được tìm thấy trong những bài thơ “Xuân Tha Hương”, “Xuân vẫn tha hương” ..., v. v., cái chất hoài hương ấy

hầu như mơ hồ thấm đượm trong mỗi câu thơ của Nguyễn Bính, và thứ hương thơm đặc biệt này có lẽ mới thực sự là yếu tố để chúng ta phân biệt ông với những nhà thơ đồng thời. Nếu trở lại vấn đề đã nêu lên trong phần khởi đầu bài viết này, câu hỏi giờ đây được đặt ra sẽ là có thể chấp nhận hay chẳng, như một thành phần cấu tạo cái nhất-thống-tính của thơ Nguyễn Bính, chất liệu tiềm ẩn và chung thủy mà ta vừa nhắc tới, tình hoài hương ?

*

Nói một cách vắn tắt, (trong khuôn khổ hạn hẹp của một bài viết) người ta sẽ tìm thấy một cách dễ dàng những thể nghiệm của mối tương quan giữa đời sống của một nghệ sĩ và tác phẩm của ông ta,

hay đúng hơn, thế giới tác phẩm của ông ta ; nhưng từ một số thể nghiệm đó, đi thẳng tới một kết luận về sự cấu tạo nhất thống tính của thế giới tác phẩm, lại là một hành động va chạm nhiều thử thách và có thể nhiều ngộ nhận nữa. Điều giản dị này không phải lúc nào cũng được lưu ý đúng mức, bởi vậy nó luôn luôn đòi hỏi những dè dặt và những giới hạn trong công việc đối chiếu các giả thiết. Ở đây, chẳng hạn, Nguyễn Bính là một nhà thơ giang hồ. Đó là một dữ kiện. Đó không phải là yếu tố thiết yếu độc nhất, lại càng không phải là điều kiện đủ để làm nảy sinh trong thơ ông cái chất hoài hương mà chúng ta đã nhắc tới. Mặt khác, giữa dữ kiện ấy và chất hoài hương này, nếu có một tương quan, chắc chắn đó không thể là sự trùng hợp tình cờ, vô thưởng vô phạt. Vậy thì, qua mỗi mâu thuẫn giả định được bao hàm như một cái bẫy,

phải tiến tới một cố gắng dung hợp hợp lý và chính đáng.

Nếu cái chất thi sĩ của Nguyễn Bính đã khiến cho người đọc (như đã nói trên) khó có thể thiết lập qua sự diễn đạt đặc biệt trong thơ ông một diễn trình chính thức của một đời sống trôi nổi, ít ra cái đời sống ấy đã phản chiếu trên hình thái phiêu lãng của chính nó những giấc mơ không vẹn toàn, những mưu tính thất bại, đổ vỡ, một tuổi trẻ tan nát. Không cần và không thể đòi hỏi sự minh bạch xác định qua những từ ngữ “cơ đồ”, “sự nghiệp”..., chúng ta vẫn tìm thấy đầy đủ ở Nguyễn Bính tất cả những yếu tố trên, trình bày một cách trung thực và bình dị. Sự trôi dạt vô định mà tác giả không hề coi như niềm hãnh diện thầm kín (như trường hợp Nguyễn Tuân), sự trôi dạt được kết hợp đôi lúc với những nổi

thất vọng về tình yêu chẳng hạn, đã hé lộ bằng hơi thở cay đắng đặc biệt, những góc cạnh sâu thẳm của nó, như nỗi cô đơn và sự hoài niệm một quê hương cũ, một quê hương có thể chỉ là ảnh tượng của dĩ vãng, chỉ là biểu tượng hay ảo giác của một sự nung nấu, đùm bọc, và tái tạo. Tâm trạng Nguyễn Bính như thế, đã chỉ gặp gỡ những cảnh trạng của chinh đời ông như gặp gỡ những yếu tố khai triển mới. Hiện tượng trong đó hình ảnh quê hương được khuếch tán và biểu tượng hóa trong tiến trình ý thức và phi ý thức không phải lạ lùng gì đối với một số trường hợp văn học. Những chuyến đi chứa đầy hoài niệm quê hương của Nguyễn Bính có những phảng phất tương tự với nỗi xót xa mà Thomas Wolfe diễn tả trong các tác phẩm tiểu thuyết (nhất là cuốn sau cùng, *You Can't Go Home Again*). Nhìn dưới một khía

cạnh khác, sự lang thang buồn bã ấy còn mơ hồ phản chiếu hình ảnh một kẻ exilé của Hemingway, của Camus, không bao giờ nguôi ngoai niềm khát vọng thiết tha và chua chát về một quê hương thanh bình và toàn vẹn. Nhưng khuynh hướng lãng mạn của Nguyễn Bính, thể hiện qua những dòng thơ nhiều tính chất kể lể, đã khiến cho cái chất hoài hương ấy có một vẻ thâm kín, quẩn rữ đặc biệt, như một hơi gió dịu dàng ve vuốt, vỗ về tâm hồn đã tan nát tất cả những ước mơ êm đềm cũ. Phảng phất từ hơi thở nhẹ nhàng nhất của tác phẩm đầu tiên, mỗi tinh hoài hương mỗi lúc một đắm thắm hơn trong những chuyển điệu của hơi gió thâm kín đó.

Người về chỉ những người ta

Gió mơ hồ nhắc người xa quê về

(CHỜ MONG - Lỡ bước sang ngang)

Điểm có thể ghi nhận ở đây là, từ tiếng gọi êm ái, xa xôi của hơi gió thanh bình ấy (dù nó giải thích sự biểu hiện ý thức hoài hương trong giới hạn đầu tiên bằng một khuynh hướng rất gần với khuynh hướng hoài cổ, bằng những hình ảnh “Thời xưa”, bằng tâm trạng của “một người du khách, ở Ngự Viên mà nhớ Ngự Viên”...) thật ra những biểu tượng của Lỡ bước sang ngang, và chính cái biểu tượng đó, phải chờ để được nối liền với không khí lạnh lẽo, cô quạnh của những Giời Mưa Ở Huế ; Xuân Tha Hương ; Xuân Vẫn Tha Hương ; Hành Phương Nam, v.v...

Chính trong không khí lạnh lẽo, cô quạnh ấy, mới được thể hiện một cách sâu xa nhất, cả tâm trạng chán chường, khinh bạc của người thi sỹ giang hồ, lẫn

cái chất hoài hương và vai trò bù đắp trong sinh hoạt phi ý thức đã nói trên. Những dấu hiệu chuyển biến trên bình diện này có thể được dễ dàng nhận thấy, chẳng hạn từ

Rượu uống kỳ say bữa bất thường

Buồn như tên lính ở biên cương

Đêm ba mươi Tết trời mưa bụi

Sực nhớ quê nhà rượu uống sông

(MÙA ĐÔNG NHỚ CỔ NHÂN –
Hương Cổ Nhân)

đến : ... *Mỗi độ xuân về em lại thấy*

Buồn như tên lính ở biên cương

Thời chưa gặp đỏ, nằm sống mãi

Snông cả ân tình, rượu cũng sông »

(XUÂN VÂN THA HƯƠNG)

Nỗi cô đơn, tình hoài hương, tâm trạng lưu đầy, cùng một lúc phả vào thơ Nguyễn Bính trong giai đoạn sau này của đời ông một hơi thở chua chát, thê lương, và đốt nóng lên trong dòng thơ ấy ngọn lửa khao khát của một ngày về. Từ nỗi sâu xa xú của một kẻ “trôi giạt dăm mong gì vướng vít, sóng đời thua hẳn cả thơ ngây”, và mỗi mùa xuân lại là một dịp để tự nhắc nhở rằng quê hương càng ngày càng thăm thẳm xa, như những ngày vui đã mất hay không bao giờ tới, Nguyễn Bính gần như đã tìm thấy một thái độ đương đầu với cái định mệnh buồn bã mãi miết đẩy ông vào những chuyến đi vô định, trong đó, ngọn lửa vĩnh cửu kia chỉ còn có thể sưởi ấm từng giây phút tâm hồn cô quạnh.

Nợ thế chưa trả tròn một món

Sòng đời thua đến trắng hai tay

Quê nhà xa lắc xa lơ đó

Ngoảnh lại tha hồ mây trắng bay.

(HÀNH PHƯƠNG NAM)

Nỗi cô đơn của Nguyễn Bính, của một kẻ tự lưu đầy trong những chuyến lang thang tìm kiếm quê hương bằng những bước rời xa quê hương, như thế, trở thành gần như một nỗi cô đơn thu kín và tuyệt vọng. Tâm trạng “Chung Kỳ vị ngộ” của Mây Tần nếu có được pha thêm chút men chua chát khinh bạc của Mười Hai Bến Nước

.. Bình Khang nấn ná chờ Luân Lạc

Một phía giang hồ mấy đắng cay

Đời còn tri kỷ ra chẳng nữa

Đến phải tìm trong bến nước này.

(GIÒI MƯA Ở HUẾ)

Cũng vẫn không thay đổi gì hơn
trong những bài thơ tiêu biểu nhất của
những ngày “lưu lạc phương Nam”

*... Một thân quán trọ sâu phong tỏa
Đốt ngọn đèn lên bóng rợn tường*

*Cửa quan chẳng mở, đầu Viên bạc
Tri kỷ không ai, mắt Tịch cuồng.*
(XUÂN VÂN THA HƯƠNG)

*... Tâm giao mấy kẻ thì phương Bắc
Ly tán vì cơn gió bụi này*

Thà cứ ở đây ngồi giữa chợ

Uống say mà gọi thế nhân ơi !

Thế nhân mắt trắng như ngân nhũ

Ta với nhà người cả tiếng cười.

Người ơi hể người ơi !

Người sang bên ấy sao mà lạnh

Nhịp trúc ta về lạnh mấy mươi.

(HÀNH PHƯƠNG NAM)

Trong nỗi cô quạnh ấy, ngọn lửa khát vọng của ngày về quê hương vẫn không tắt trong lòng Nguyễn Bính, ngọn lửa thấp sáng giữa cõi phi-ý-thức đó đôi lúc đã khiến cho chính ông có những ảo giác về một ngày về. Lời ước hẹn và giấc mơ của những bài thơ chất chứa lòng sầu xa xứ

*... Em thường cầu nguyện thường van
vái*

Một sớm thanh bình mặt Đại dương.

Bao giờ em được về quê cũ

Dâng chị bài thơ Xuân cổ hương ?

(XUÂN VẪN THA HƯƠNG)

cho đến những ngày cuối của đời ông, vẫn chỉ có thể lạc vào vùng ảo giác đó, không để cho Nguyễn Bính suy ngẫm lại một lần chót rằng sự trở về của ông, như chuyến bay mỗi mồn của những cánh hạc hoài hương mà R. Tagore đã nói đến trong bài thơ cuối cùng của GITANJALI, chỉ thực hiện được bằng sự tự giải thoát khỏi cái định mệnh lưu đày đeo đuổi suốt một đời người.

Sau ngày tập kết ra Bắc (1954), không

thấy Nguyễn Bình gửi đến người đọc bài thơ “Xuân Cổ Hương” của ông. Những vần thơ viết sau khoảng thời gian nói trên, không kể sự pha lẫn trong đó cái hơi thở đầy dụng ý của thứ văn chương được hướng dẫn chỉ cho chúng ta bắt gặp một cách mơ hồ một vài hình ảnh thăm thẳm của hoài niệm:

... Đêm dài mờ mịt trăng sao

Cánh đồng quê tiếng sáo diều bật tằm

Bụi đầy miệng sáo nín câm

*Dây treo chuột cắn, khung nằm mỗi
xông*

(TIẾNG SÁO DIỀU - Giai Phẩm

mùa Thu, tập I - 8 - 1956)

Giai đoạn cuối này của Nguyễn Bình, mà người ta thường mệnh danh là

giai đoạn “Tĩnh giấc chiêm bao”, theo tên một bài thơ của ông đăng trong tạp chí TRĂM HOA số ra ngày 9-12-1956, có lẽ phải được coi như khúc quanh đánh dấu sự đổ vỡ cái ảo giác cuối cùng của tâm hồn ông, về một chuyến trở về thất bại, hay đúng hơn, một chuyến trở về nguy tạo. Cái bản chất thi sỹ khi bị đóng khung trong những giới hạn phi-văn-nghệ, lẽ tất nhiên đã làm sáng lên, một cách lộng lẫy và xót xa, ngọn lửa vĩnh cửu của nỗi hoài hương, của niềm cô quạnh, của lòng khát khao cũ, giữa một môi trường mới. Theo những tài liệu về các sinh hoạt sáng tác cuối cùng của Nguyễn Bính, thì trong tập thơ “Đêm Sao Sáng”, xuất bản tại Hà-nội năm 1963, “ông đã ký thác một phần tâm sự riêng tư vào những câu thơ gửi về những người thân yêu nhất của ông đang ở miền Nam, mà ông đã chia ly từ chín năm trước đó” :

“... Trông vời viễn núi xa xanh

*Tưởng trông rõ mái nhà mình phương
Nam*

Tưởng chừng người vợ tao khang

*Đường nhìn lên thấy sao nàng nhớ
anh*

(ĐÊM SAO SÁNG Văn học Hà-nội
- 1963)

Tình hoài hương của Nguyễn Bính, như thế, vẫn không biến đổi gì từ cái bản chất đặc biệt phảng phất trong mỗi câu thơ, từ Lỡ Bước Sang Ngang đến những bài thơ cuối cuộc đời ông. Nguyễn Bính trước sau vẫn chỉ là một thi sỹ giang hồ, một thi sỹ tha hương. Và sau những bài Xuân Tha Hương, Xuân Vãn Tha Hương, Xuân Lại Tha Hương, những người yêu thơ Nguyễn Bính lẽ ra có quyền chờ đợi

một bài thơ trường thiên độc-vận tiếp theo nữa. Nhưng, ngày 29 tháng chạp Ất-Ty (20-1-1966), trong lúc mọi người sửa soạn đón mùa Xuân Bính Ngọ, Nguyễn Bính đã thở hơi cuối cùng, tại một làng quê Nam-định, nơi ông cất tiếng khóc chào đời 47 năm trước đó. Cuộc trở về quê hương của Nguyễn Bính, như thế, trong chuyến đi chót này, đã bị bỏ dở dang hay đã thực sự thành hình ?

Đào Trường Phúc

8-1971

ĐÃ PHÁT HÀNH:

**Muốn hiểu rõ các danh từ mới, như
bổ xung, môi trường, mỹ hóa, cốt cán,
thiên địa chiến, du kích chiến v.v...**

**Các chánh khách, sinh viên, học
sinh, giáo sư, ký giả...**

tìm đọc :

NÓI CÓ SÁCH

do VŨ BẰNG biên soạn

Trong Tủ sách Nghiên cứu

NGUYỄN - ĐÌNH VƯỢNG xuất bản

PHẠM VĂN SONG

Đọc lại “Đám cưới bướm”

Giới thiệu :

Nguyễn Bính là một thi sĩ nổi tiếng thời tiền chiến. Thơ ông đặc sắc và nổi bật ở điểm nhẹ nhàng, trong sáng, lối diễn tả tình ý và từ ngữ đượm vẻ mộc mạc chất phác của ca dao. Tiêu biểu cho tính chất này là bài “Đám Cưới Bướm” dưới đây, trích trong tập “Một Nghìn Cửa Sổ”, một tập thơ ít người biết vì được xuất bản trong thời Nam bộ kháng chiến chống Pháp...

Nguyên văn bài thơ :

*Thuyền thơ cập bến thơ rồi
Rước con bướm trắng sang chơi vườn
hồng
Có cô em bé chưa chồng
Bướm có bằng lòng tôi mối manh cho
Kết hoa mười mấy bến đò
Kết hoa trắng cả hai bờ sông trong
Hong ơi ! Bướm cười hoa hồng
Mười mấy ngày rông pháo nổ liên chi.*

Nhận định :

Người ta thường nói Nguyễn Bình là một thi sĩ chịu nhiều ảnh hưởng của ca dao. Ở bài này chúng ta thấy ngay câu đầu đã bắt nguồn từ ca dao. Đọc câu đó chúng ta thấy phảng phất câu ca dao sau đây:

*Thuyền than lại đậu bến than*¹⁶

Ta thấy thơ Nguyễn Bính không những bắt nguồn từ ca dao mà lại chịu ảnh hưởng của ca dao trong cách diễn tả nữa. Câu đầu làm theo thể Hứng thường thấy ở ca dao. Câu hứng đó là một ẩn tượng gợi tứ thơ, làm khởi điểm cho bài thơ. Thật ra bất cứ nhà thơ nào khi làm một bài thơ cũng đều do một cái hình ảnh nào đó... đột nhiên nảy nở trong tâm hồn, đó là tứ thơ, rồi từ cái tứ thơ đó nhà thơ mới lần lần khai triển ra thành một bài thơ. Nhưng phần nhiều các nhà thơ ít ai viết cái thi hứng hay là điểm phát xuất của bài thơ đó ra. Một lẽ là vì cái nguồn thi hứng đó chỉ là một ẩn tượng quá mờ mông lung, mờ ảo khó mà tả rõ ra

16 Nguyên tác bài ca dao như sau : Thuyền than lại đậu bến than / Gặp cô yếm thắm ôm quàng ngang lưng /- “Tôi van với cậu rằng đừng / Tuổi tôi còn bé chưa từng nguyệt hoa / Tôi về gọi chị tôi ra / Chị tôi đã lớn nguyệt hoa đã từng.

được, hai là vì cái câu hứng đó nếu viết ra có khi mới xem qua dường như không ăn nhập gì với bài thơ cả. Phải tinh ý và phải có trực giác mới hiểu được cái hứng đó. Vậy cái hứng đó ở đây là gì ?

Thuyền thơ cập bến thơ rồi

Thuyền với bến vốn có mối duyên khấn khít : Bến chờ thuyền mà thuyền cũng mong đợi bến. Nhưng ở đây là “bến thơ” và “thuyền thơ”. Qua câu đó ta thấy có một sự gặp gỡ, một sự hòa hợp nào đó rất tương xứng mà cũng rất đẹp nữa : chẳng hạn như một tâm hồn thi sĩ chợt bắt gặp một tú thơ hay. Hoặc một tâm hồn từ lâu đang ấp ủ một bóng hình lý tưởng, chợt bắt gặp một tâm hồn khác cũng đang hoài bão một hình bóng yêu đương, rồi hai tâm hồn đó nhận ra nhau chính là hình ảnh lý tưởng để rồi cùng

hòa hợp với nhau trong một mối tình đẹp :

*Rước con bướm trắng sang chơi vườn
hồng*

Đây là một cuộc gặp gỡ đẹp : bướm vốn là khách tình si của hoa mà nay được chuyển đồ thơ đưa sang bờ mộng ước thì còn gì đẹp hơn !

Có cô em bé chưa chồng

Bướm có bằng lòng tôi mãi mãi cho ?

Nhìn đóa hoa hồng và cánh bướm xứng đôi vừa lứa quá, ai lại không muốn cho hai đứa gặp gỡ nhau, thành duyên đôi lứa với nhau. Câu 8 biến thể (vần gieo ở chữ thứ 4 thay vì chữ thứ 6), một lần nữa ta lại thấy tính chất ca dao của thơ Nguyễn Bính. Nhưng sao cải biến thể của Nguyễn Bính ở đây lại duyên

dáng và dễ thương thế ! Thật chẳng khác nào một thôn nữ vốn đã xinh tươi nay lại được chiếc đũa thần của bà tiên trang điểm thêm.

Hỏi bướm có bằng lòng không, đó chỉ là hỏi để mà chơi thôi chứ ai lại không biết rằng họ đã bằng lòng nhau “đứt đuôi” đi rồi còn gì nữa. Quả thật vậy, chưa thấy bướm trả lời là bằng lòng hay không mà ta đã thấy hôn lễ được chuẩn bị rồi :

Kết hoa mười mấy bến đò

Kết hoa trắng cả hai bờ sông trong.

Đám cưới của bướm có khác Đám cưới người cũng kết hoa, nhưng ở đây là đám cưới của bướm nên phải kết hoa thật là nhiều mới đúng, kết hoa suốt cả “mười mấy bến đò kia”. Nhưng sao lại hoa trắng mà không là hoa hồng, hoa đỏ,

hoa vàng, hoa tím ?... Nhất định phải là hoa trắng vì hoa trắng và nước trong gợi cho ta thấy cái gì trong sạch. Vì tình của họ thanh cao, tinh khiết quá, nên phải dùng hoa màu trắng kết dọc hai bên bờ sông nước trong veo như thế mới xứng với tâm hồn trong trắng của họ.

Đám cưới thật là tung bừng náo nhiệt với tiếng pháo nổ vang suốt cả mười mấy ngày (mười mấy ngày ròn pháo nổ liên chi). Tiếng pháo đó đã làm cho xa gần đều hay tin là họ lấy nhau. Mỗi tình đẹp để đó đã thành đề tài cho mọi người bàn tán, nhất là các cô hoa hồng (đồng loại với cô dâu) chắc họ thèm thuồng địa vị của cô dâu lắm nên họ cứ mãi khao với nhau về đám cưới đó:

Hồng ơi, bướm cưới hoa hồng

Mười mấy ngày ròn pháo nổ liên chi

Câu 8 lại biến thể. Một lần nữa cái biến thể vẫn duyên dáng. Câu 8 biến thể ở đây có tác dụng làm cho mỗi tình hoa bướm đượm nhiều vẻ ngây thơ chất phác, nếu làm đúng luật thì câu thơ hóa ra nghiêm chỉnh, trang trọng không hợp với mỗi tình. thơ đại của hai người. Vậy những ai đã thắc mắc về hình thức mới và cũ xin đừng lo ngại nữa, cái đẹp vốn có muôn ngàn khía cạnh, chưa ai khai thác hết đâu. Đã mấy nghìn năm rồi chưa ai nói hết cái đẹp của vầng trăng, của ánh sao, của làn môi, của khóm mắt... Điều cần thiết là phải biết cách nói lên và nói cho đúng chỗ mà thôi.

✱

Có một buổi chiều nào đó, sau khi đã tắm rửa mát mẻ, cạo hết râu ria, xua

đuổi hết những tư tưởng hắc ám ra khỏi tâm hồn, rồi đem bài thơ này ra đọc lại, ta sẽ thấy tâm hồn lâng lâng tươi mát như làn gió chiều nhẹ nhàng, như cánh bướm lượn vườn hoa và cũng trong lành như dòng nước mùa thu trong vắt.

Phạm Văn Song

NGÀY THÁNG NGAO DU

của **Bùi Giáng**

(Cuốn sách chỉ dẫn phương pháp
thiết thực chiêm bao, bài trừ viễn mộng)

AN TIÊM xuất bản, giá 250 đ

Thơ NGUYỄN BÌNH

Thể theo yêu cầu của một số đông bạn đọc, chúng tôi trích đăng dưới đây bốn bài thơ của Nguyễn Bính.

Hai bài đầu do ông Phạm văn Song, giáo sư các trường Trung học Sa-đéc và Nguyễn đình Chiểu Mỹ-tho sưu tầm giùm.

Hai bài sau, có ghi rõ xuất xứ nơi cuối bài.

Riêng bài “Sao chẳng về đây”, muốn hiểu rõ xuất xứ, xin bạn đọc tìm xem bài “Hai giai thoại về Nguyễn Bính” của ông

Tế Xuyên, đăng trên tạp chí “Văn Học” số 100 (1-1-1970) tr-tr. 32-35.

Tòa-soạn VĂN

Ngô sơn vọng nguyệt

Trúc Khê :

– Non Ngô dưới bóng trăng rằm

Duyên may hợp bạn tri âm bữa này.

Huyền Trân :

Rượu vào chưa rót men say

Riêng lòng đã thấy rót đầy tình nhau

Nguyễn Bính :

Biết rằng gặp mãi nhau đâu

Duyên bè nước có bền lâu bao giờ !

Thâm Tâm :

Rượu say còn lảng trắng mờ

Tiệc sau e bóng người thơ lạc loài.

T.K. :

Bàn chi những chuyện ngày mai

Hứng vui thu lại nghìn đời: một đêm

H.T. :

Nghìn năm trăng sáng còn lên,

Đời ly biệt mới biết duyên tương
phùng

N.B. :

Uống cho say não, say nùng

Nghìn năm ai thoát khỏi vòng biệt ly.

T.T. :

Mai ngày mãi mãi dù đi

Gió thu còn giục hồn về Ngô-sơn

T.K. :

Chênh vênh núi nhỏ một hòn

Lưu danh hoặc sẽ nhờ ơn thi hào.

H.T. :

Lũng lơ trắng đã lên cao,

Ha ha, hãy uống trắng vào lòng ta.

N.B. :

Trắng lên trắng mãi không tà

Trắng lên, trắng mãi không già, trắng
non.

T.T. :

Tiệt tàn đến chén con con,

Năm năm vẫn nhớ trăng tròn đêm nay.

1940 (Rằm tháng 7)

(chép theo một bài tường thuật đăng
trong Phổ Thông Bán nguyệt san)

Sao chẳng về đây

*Lối đỏ như son đến xóm dừa
Ngang cầu đã điểm hạt mưa thưa
(Xuân sang xao xuyến lòng tôi quá)
Tôi đã xây tròn sự nghiệp chưa ?*

*Ở mãi kinh kỳ với bút nghiên
Đêm đêm quán trọ thức thi đèn
Xót xa một buổi soi gương cũ
Thấy lệch bao nhiêu mặt chữ điền...
Chẳng đợi mà xuân vẫn cứ sang*

*Phồn hoa thôi hết mộng huy hoàng
Sớm nay sức tỉnh sầu đô thị
Tôi đã về đây rất vội vàng.*

*Ở đây vô số những trời xanh
Và một con sông chảy rất lành
Và những tâm hồn nghe rất đẹp
Từng chung sống dưới mái nhà tranh.*

*Sao chẳng về đây ? mức nước sông
Tưới cho những luống cỏ hoa trồng
Xuân sang hoa nọ rồi hoa nở
Phơ phất vàng hây với cánh nhung.*

Sao chẳng về đây ? bắt bướm vàng
Nhốt vào tay áo đợi xuân sang
Thả ra cho bướm xem hoa nở
Cánh bướm vờn hoa loạn phấn hương.

Sao chẳng về đây ? có bạn hiền ;
Có hương có sắc; có thiên nhiên
Sống vào giản dị ; ra tươi sáng
Tìm lấy cho lòng một cảnh tiên.

Sao chẳng về đây ? lựa tứ thơ
– Hỡi ơi! hồn biển rộng không bờ
Chùm hoa sự nghiệp thơm muôn thuở
Thiên hạ bao nhiêu kẻ đợi chờ.

*Sao chẳng về đây ? nữ lạc loài
Giữa nơi thành thị gió mưa phai
Chết dần từng nấc rồi mai mốt,
Chết cả mùa xuân ; chết cả đời.*

*Xuân đã sang rồi ; em có hay,
Tình xuân chan chứa ; ý xuân đầy
Kinh kỳ bụi quá ! xuân không đến
– Sao chẳng về đây ? chẳng ở đây ?*

NGUYỄN BÌNH

(Xóm dừa ; cuối năm Thân)

Bài Hành Phương Nam

Gửi T. Kh.

*Hai ta lưu lạc phương Nam này,
Trải mấy mùa qua én nhận bay.
Xuân đến khắp trời hoa rượu nở,
Riêng ta với người, buồn vậy thay.
Lòng đắng xá gì muôn hớp rượu,
Mà không uống cạn mà không say.
Lời thề buổi ấy cầu Tư Mã,
Mà áo khinh cừu chưa ai may,
Người giam chi lớn vòng cơm áo.*

Ta trối thân vào lụy nước mây.
Ai biết thương nhau từ thuở trước,
Bây giờ gặp nhau trong phút giây.
Nợ thế chưa trả tròn một món.
Sòng đời thua đến trắng hai tay :
Quê nhà xa lắc xa lơ đó,
Trông tại tha hồ mây trắng bay.
Tâm giao mấy kẻ thì phương Bắc,
Ly tán vì cơn gió bụi này.
Người ơi ! Buồn lắm mà không khóc,
Mà vẫn cười qua chén rượu đầy,
Vẫn dám tiêu hoang cho đến hết,
Ngày mai ra sao rồi hãy hay.
Ngày mai sáng lạn vì non nước,

Cốt nhất làm sao tự buổi nay,
Rẫy ruộng châu ngọc thù son phấn
Mắt đỏ lên rồi cú chết ngay.

Hỡi ôi ! Nhiếp Chính mà bầm mặt
Giữa chợ ai người khóc nhận thây.

Kinh Kha quản lạnh sâu nghiêng
chén.

Ai kẻ đứng vàng, kẻ biếu tay ?

Mơ gì ấp tiết thiêu văn tự,

Giày cỏ gươm cùn ta đi đây.

Ta đi ? Nhưng biết về đâu chứ ?

Đã dấy phong yên khắp bốn trời,

Thà củ ở đây ngồi giữa chợ,

Uống say mà gọi thế nhân ôi !

*Thế nhân mắt trắng như ngân nhũ,
Ta với nhà người cả tiếng cười,
Người ơi ! Hề ! Người ơi !
Người sang bên ấy sao mà lạnh,
Nhịp trúc ta về lạnh mấy mươi.*

Đêm mưa đất khách

*Một thân lặn độn nơi trời xa
Năm nghe mưa rơi trên mái nhà.
Gió bắt vào thu, đầy tiếng lá,
Đời tàn mộng đẹp tiếc xuân qua.
Long đong mưa nhỏ gieo từng giọt,
Ắng lảng không nao một giọng gà.
Chờ nửa vầng trăng, trăng chẳng lại,
Đêm dài đằng đẳng đêm bao la.
Cũng may cho những người lưu lạc
Càng khỏi trông giăng đở nhớ nhà.*

Mấy tháng chưa nguôi sầu hận cũ.

Nằm đây chặn chiếu của người ta.

Đã đèn chết đuổi thân hồ hải.

Chung-Tử đi rồi lẻ Bá-Nha.

Khá thương nghìn dặm thân làm khách.

Nằm đọc Liêu Trai bạn với ma..

Run run song ngỏ bàn tay lạnh

Phảng phất giường đen, giải áo là.

Bữa mộng ân tình say đến sáng.

Bài thơ tâm sự nghĩ không ra.

Chuyến dò thân thể đưa toàn hận,

Bãi cát phù sinh đôi tháp ngà

Đổi thay góm mặt người thiên hạ,
 Ấm lạnh thương cho gái nồn nà.
 Đất khách Mai Sinh cười phụ bạc
 Đêm dài Hàn Tín mộng vinh hoa.
 Ở đã không đành đi cũng dở,
 Thân này há ngại chuyện xông pha.
 Sàng đầu kim tận từ hôm đó,
 Tráng sĩ vô nhan cực lắm mà.
 “Thời lai đồ điếu thành công dị,
 Sự khứ anh hùng ẩm hận đa”
 Hỡi ôi trời đất vô cùng rộng
 Nào biết tìm đâu một mái nhà !
 Có như mắt Tịch, xanh mà uổng.
 Đất khách cùng đường ta khóc ta.

Mưa mãi mưa hoài mưa dứt rứt.

Đêm dài đằng đẵng đêm bao la.

NGUYỄN BÌNH

(Trong tập THƠ MÙA GIẢI
PHÓNG,

Sống Chung xuất bản, Sài-gòn, 1949.
tr-tr. 37-40.)

ĐÃ PHÁT HÀNH:

CON SÂU

truyện dài DƯƠNG NGHIÊM MẬU

**tiếng kêu thất thanh của tuổi trẻ mồ
côi trên đất nước lửa đạn và xã hội phá
sản**

**hy vọng của tuyệt vọng trong tình
bạn, tình yêu, tình người...**

NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG xuất bản

Vũ Bằng

Thương nhớ Mười hai

10. Tháng Mười : nhớ mưa phùn gió bắc.

Không khóc như người tỳ bà
nữ bến Tầm Dương? Mà chỉ
rót rượu uống một mình rồi nằm khoèo
trên chiếu lạnh, mộng về Hà Nội, đi với
vợ trên con đường hò hẹn thơm thơm
mùi hoa sấu?

Không. Nói như thế là dối mình, dối

người. Tỉnh mộng rồi, người chồng ấy nằm khóc một mình.

Khóc thì yếu thật, nhưng anh ta khóc, khóc âm thầm - rồi khóc nức nở, khóc thảm thiết như chưa khóc thế bao giờ.

Là vì chính ngày tàn thu ấy, anh ta vừa được một người bạn viễn phương tìm đến báo cho biết rằng người vợ mà anh khắc khoải nhớ thương qua ngày ấy sang tháng khác đã lìa trần, và lúc gần mất chỉ nhắc nhở đến anh vì bản khoản không biết ở miền Nam no đói ra thế nào và sống chết ra sao. Nhớ đến những lời bạn thuật lại cho nghe, người chồng buồn đứt ruột: bao nhiêu kỉ niệm đã có khi lắng xuống bây giờ lại như nước bị khuấy lên.

Trong bóng đêm lạnh, có tiếng mưa

rơi trên giàn hoa thiên lí, anh khóc vợ, khóc chính mình, khóc không cho ai biết.

Và bao nhiêu những việc đã qua dần dần hiện ra mờ mờ nhàn ảnh trước đôi mắt lệ nhòa: cái đêm hẹn ước đầu tiên, gặp mưa rào trên con đường vắng tanh vắng ngắt đi vào Bách Thú; những lời trách móc phản đối của gia đình; bao nhiêu là hi sinh của người đàn bà quyết tâm theo một người chồng mang tiếng là hư hỏng bị cả họ hàng khinh khi; những ngày đầu chung sống thấp một ngọn đèn dầu ở trong màn viết một bài truyện lấy năm đồng bạc; những lời ong tiếng ve của ruột thịt bạn bè khi thấy vợ đem bán hết cả tư trang; rồi tiếp đó là những ngày thắt lưng buộc bụng, một nắng hai sương, xây dựng cơ đồ để mong mở mày mở mặt với người; những ngày tao loạn

vợ chồng con cái lang thang đi sát vào nhau trên sông Máng để cho gió thổi bay đi; những ngày hồi cư thức khuya dậy sớm, vợ chồng heo hút với nhau, chồng có khi cáu bẳn, chơi bời hư hỏng, nhưng vợ thì cứ chịu đựng, cứ thui thủi ở nhà dạy con và lo lắng miếng ăn giấc ngủ cho chồng từng li từng tí.

Thôi, thế là hết. Bây giờ thì còn ước mơ gì nữa, bây giờ thì còn đợi chờ gì nữa, bây giờ thì còn cầu xin gì nữa? Vợ chồng lấy nhau từ lúc còn hàn vi, đến lúc chết tưởng là được vuốt mắt cho nhau, ai ngờ đâu lại vô duyên đến thế! Đã buồn như vậy, lại còn rầu vì nổi cùng lúc hay tin vợ mất thì lại được biết là con nhớ bố mấy năm nay thăm dò mà không làm sao nhờ được én nhận trao tin, cháu nhớ ông chỉ cầu nguyện nhận được một chữ của ông gửi về để cho nguôi ngoai thương

nhớ nhưng chiến tranh tàn ác đã cắt hết cả đường dây liên lạc. Thương nhớ não lòng não ruột, nhưng biết làm sao hờ Khoái, hờ Lăng? Mà cháu Khanh, có phải sau khi ở Trung Quốc trở về, cháu đã có gia đình rồi phải không?

Nhớ lúc ra đi, đứa cháu ấy mới có bảy tám tuổi, theo bà ra bến nước tiễn đưa ông, nào đã biết chi là buồn. Mười tám, mười chín năm rồi... Bây giờ, ở miền Nam, người li hương nhớ đến vợ, nhớ đến con, đến cháu làm thế nào mà quên được những buổi tối tháng Mười ở Bắc có gió bắc thổi lành lạnh, có mưa rơi rầu rầu, ai đi đâu, ai làm gì cũng cố phiên phiên để về cho sớm quây quần với nhau chung quanh cái bàn ăn, dưới một ngọn đèn hồng ấm áp?

Lúc ấy, trời bắt đầu rét, gió bắc bắt đầu thổi, người ta chưa quen với khí hậu

nên cứ chiều đến, lúc lên đèn ăn cơm thì gia đình sum họp đầy đủ, người lớn trẻ con, mỗi người có vài ba câu chuyện nói với nhau, hưởng cái thú vui ích kỉ là sống đầm ấm trong khi ở bên ngoài có những người hối hả bước mau dưới trời mưa để về nhà. Khói từ nồi cơm và các thức ăn tỏa ra trong gian phòng nhỏ ở cầu thang đi xuống làm cho lòng người ấm thêm lên và cơm ăn cũng ngon hơn lên một chút.

Đây là mùa gạo ba giăng, cơm thổi lên ăn quên chết. Là vì riêng cái gạo nhựa mới ăn vào đã dẻo quá rồi, thơm quá rồi, người vợ lại cẩn thận chuyên đông của người quen thành ra không pha phách gì hết, ăn mới thực hoàn toàn thích khẩu.

“Cũng thì là một thứ thóc, cho vào cối xay, nhưng mỗi người hàng xáo sàng trấu cho tách rời khỏi gạo, khéo vụng

khác nhau. Phải làm sao cho gạo không lẫn trấu. Mà thế cũng chưa đủ: gạo sàng rồi phải giã trắng thì ăn mới ngon miệng chứ có trấu lẫn vào, hư cả chén cơm đi”.

“Vẽ chuyện! Gạo giã ngon, thì có lẫn một vài hạt trấu vào vẫn cứ ngon như thường”.

“Không được. Ăn một chén cơm ngon lúc hết mà có một vài hạt trấu lẫn vào, coi như bỏ. Vì thế những người hàng xáo thông thạo, lúc sàng gạo rất cẩn thận mà đến lúc giã gạo cũng không cầu thả: họ đếm từng chày, và đôi khi hô gạo bằng một vài cái mạ non. Xong rồi, phải giần cho thật kĩ để cám và tấm tách rời riêng khỏi gạo”.

“Trấu dùng để đun bếp hay trải chuồng lợn, cám thì cho lợn ăn, còn tấm sờ dĩ phải để riêng ra là vì ăn hơi sạn

sạn. Cái nghề hàng xáo cũng như nghề con gái may áo cưới cho người ta, anh ạ. Gạo ngon thì đem bán hay để dành cho chồng cho con, còn chính các bà các cô hàng xáo thì ăn cơm tấm”.

“Tại cơm tấm ăn ngon và lạ miệng”.

“Không phải. Nhưng bởi vì cơm tấm no lâu, đi chợ xa đỡ phải ăn quà. Mà bỏ đi cho lợn ăn thì phí”.

Đói no một vợ một chồng,

Một niêu cơm tấm dầu lòng ăn chơi.

Cách đây ba chục năm, ở miền Nam có sáu xu vào tiệm ăn, phổ ky đưa ra một đĩa xì dầu, một cái hột gà và một thìa mỡ nước không tính tiền ngoài đồ ăn ra, mà cơm thì nóng sốt, trắng tinh - vì kĩ nghệ xay thóc mở mang, không có nghề hàng xáo như ở Trung và Bắc - tôi gần như

không thấy ai ăn cơm tấm; nhưng bây giờ vì ơn nhờ kiệm ước, cơm tấm được coi là một thứ quà sáng vào hạng sang, thiên hạ ăn nha nhẩn, trông thấy người ta ăn mà mình đã thấy ngon rồi.

Nhưng ngon cách mấy đi nữa thì cũng không có cách gì so sánh được với gạo ba giăng tháng Mười. Cơm chín tới, cả nhà quây quần lại rồi bắc ra ăn với cá mương đầm Vạc vào hồi này đương béo kể đã là ngon, nhưng ngon thật là ngon thì phải kể đến cá mè vì tháng Mười chính là mùa của giống cá này - béo bùi nhất định là hơn đứt cá thu, mà ngọt thịt thơm hương dấm cuộc là cá trắm, cá mương không thể nào sánh kịp. Thực ra, cá mè không lạ gì lắm với miền Nam là đất có tới chín mươi ba thứ cá, tôm, cua, còng; ngon như cá trắm, cá chìa vôi, cá lăng, lạ như cá duồng, cá tra lóp, cá

sặc buồm, có tiếng như cá thát lát, cá chạnh lá tre, cá vỗ chớ, cá vỗ cờ... Cứ vào khoảng tháng Năm, tháng Sáu ở đây, các chợ có mà thiếu giống cá mòi, các bà các cô mua rả rích đem về, hoặc chiên lên dầm nước mắm, hoặc nấu ngọt hay kho lạt ăn bằng thích.

Nhiều người bảo: “Thích gì! Cá mòi đóng hộp quanh năm có bán, ăn vào thơm mà xương lại nhừ, không tanh, tội vạ gì mà mua về làm cho cực!”

Những người nói như thế là lầm. Cá đóng hộp kêu là sardines là cá trích, cá lầm, còn sardines của Mỹ và của Nhật là cá chuồn chuồn có râu ở mép và một cái vây dài ở lưng trông như cái cánh. Cá mòi (hareng), cũng thuộc vào loài cá biển, nhưng khác thế: nó đẹp, nhiều xương dăm, mình tròn, thường thường lớn bằng ba ngón tay là cùng. Đặc trưng

của nó là lăm mỡ; vào tháng Năm tháng Sáu, cá này béo gia dụng, mua một kí đem về lấy dao khứa ở hai bên sườn ra mà chiên lên có khi được tới một chén mỡ vàng như mỡ gà mái đẻ.

Ở Phan Thiết, tại cực nam Trung bộ, cá mòi là căn bản của một sản phẩm đặc biệt quý giá: mằm mòi - một sản phẩm từng làm đầu đề cho nhiều câu hát, câu hò tình tứ:

Cô kia bới tóc cánh tiên,

Ghe bầu đi cưới một thiên cá mòi.

Không tin giở thử lên coi,

Rau răm ở dưới, mằm mòi ở trên.

Con trai Bình Thuận nghe thấy cô gái Phú Yên đẹp quá, mê cứ tí đi, dẫn cưới cả một thiên cá mòi, thế thì đủ biết

mắm mòi ngon biết chừng nào, cá mòi quý là nhường bao.

Ở Bắc Việt, cá mòi không có nhiều như ở Nam và ở Trung. Cả năm, chỉ tháng Mười, tháng Một mới thấy giống cá này xuất hiện, mà đặc biệt là nó chỉ rộ lên mười ngày lại thôi rồi lại có, có vài ba bận rồi thôi hẳn, y như thể chim ngói và rươi vậy.

Tôi còn nhớ mỗi khi trời bắt đầu rét mà có cá mòi thì người ta gánh đi bán rao ầm ĩ cả hàng phố lên, y như thể có một thứ hàng gì lạ lắm. “Ai mua cá mòi ra mua”. Và cũng như rươi, cốm và chim ngói, quay đi quay lại chỉ một buổi sáng là những bà nội trợ sành ăn đổ ra mua hết nhẵn. Ở bên ngoài có gió rét mưa phùn, đóng cửa sổ lại mà uống một vài cốc rượu hâm cho nóng thì vừa lúc vợ ở dưới bếp đưa đĩa cá mòi lên cho chồng

đưa cay: không, dù anh là người không ưa món cá, sợ tanh, anh cũng phải nhận cá mòi ở Bắc khía cạnh, rồi xát nghệ, nướng lên trên than tàu, chấm nước mắm gừng, nhắm rượu ngon gia dụng!

Cứ nói thực ra thì có người đẹp miền Nam không lấy làm dzui lắm, nhưng tôi cứ phải chịu lấy cái tội “thiếu sự thể” mà nói rằng, vào đây, tôi cũng ăn cá mòi, nhưng cá mòi ở Bắc sao nó vẫn có cái gì ngát hơn, bùi béo hơn, mà cũng ngọt ngào hơn. Không biết có phải tại hiếm mà quý? Tại thương vợ quá, phàm vợ làm món gì cũng thấy ngon dỗi hẳn lên? Hay là bởi tại thời tiết hiu hiu lạnh, mang mang buồn, ăn vào thấy ngon hơn? Mà cũng không biết có phải tại con cá mòi ngoài Bắc nó li kì hơn con cá mòi ở Nam và ở Trung?

Sách “Giao Châu Ký” chép rằng ở

miền bể phía Nam có thứ cá vàng đến tháng Chín hóa ra con chim cú, trứng ăn vào bổ thận tráng dương, thịt chữa được các chứng phiền muộn, cảm lị, thì sách “Thoái thực kí văn” của Trương Quốc Dụng cũng ghi rằng cá mòi là do con chim ngói hóa ra, cái ruột con cá mòi là cái mẹ của con chim ngói.

Cuối tháng Chín ăn chim ngói cơm mới sau lễ Thường Tân còn đương thòm thèm thì chim ngói bói không còn lấy một con, mà bây giờ sang đến giữa tháng Mười lại vang rân tiếng rao cá mòi là con chim ngói hóa thân, mấy mà không cố mua ăn cho kì được để ngẫm nghĩ lại cái ngon của chim ngói và nhân tiện sánh cái ngon của chim ngói so với cá mòi ra sao.

Ăn một miếng cá như thế, muốn nói gì thì nói, cũng cứ phải nhận là thú vị

không tả được, mà vừa nhắm nhót vừa thấy thú vị trong lòng, ngon một cũng thành ra ngon mười, gia đình dù có túng thiếu ít nhiều cũng vẫn chan hòa một bầu không khí tươi vui ấm cúng. Chính lúc ấy, người chồng cảm thấy câu dân ca này đúng hơn cả bao giờ:

Khế rụng bờ ao, thanh tao anh lượm

*Ngọt như cam sành, héo cuống anh
chê...*

Mà người vợ, hình như cảm thông với chồng từ khóe mắt, từ tiếng cười, mặc dầu không thốt ra miệng cũng cảm thấy trong tim như có tiếng hát bé nhỏ vọng ra:

Nhà em có vại cà đồng,

Có ao rau muống, có đây chĩnh tương.

Dầu không mỡ vị cao lương,

*Trên thờ cha mẹ, dưới nhường anh
em.*

Một nhà vui vẻ êm đêm,

Đói no trong cảnh không thềm lụy ai.

Hay lắm. Cơm hôm nay thường
thường thôi, nhưng mà hay vì món cá
mòi.

Người chồng say chësh choáng, lên
trên gác đi nằm trước, vỗ vào cái chậu sứ
Giang Tây trống một gốc thanh tùng cổ
thụ mà hát một mình:

Bữa ăn có cá cùng canh,

Anh chưa mát dạ bằng anh thấy nàng.

Chập chờn nghe tiếng gió mưa ở
ngoài sân, người chồng loáng thoáng

thấy tiếng trẻ ở dưới nhà trò chuyện với nhau về một con chim yến “chú Lăng làm bay mất”, tiếng máy nước chảy lạnh canh xuống những tách chén chè sen đang rửa... rồi người vợ phàn nàn:

“Quên rồi, lúc nãy không ai nhắc tôi lấy chuối để cho cậu xơi tráng miệng! Chuối thế này mới là chuối chứ!”

Cốm, hồng, chuối trứng cuốc, cam... đó là thời trăn của tháng Mười, nhưng yêu nhất là quả quít tháng Mười sao mà nõn nường đến thế, sao cái vỏ nó mỏng đến thế, sao màu sắc tươi lạ tươi lòng đến thế. Tháng Chín thì quít đỏ tròn, sang đến tháng Mười thì quít chín. Trông những vườn quít trĩu trĩ những quả thắm một màu vàng xen vào những chùm lá xanh màu thiên lí, ai mà quên được những cô hàng đẹp như thơ, chít khăn vuông cười duyên với khách mà

nói nửa đùa nửa thật:

“Quýt đẹp như thơ, ngọt mua chua trả, ba quả một hào.”

Ờ thì mình cứ nhận là si, đã chết ai chưa, nhưng mà ăn nói duyên dáng như thế, cứ mua đi để... ăn dần, mình ạ! Yêu biết bao nhiêu người vợ tào khang thấy thế đã không giận người chồng trắc nết, mà lại còn cười họa theo với cô hàng và nức nở khen cô hàng xinh quá.

Nghe thấy thế, người chồng rờn rợn tưởng là vợ chơi chua, nhưng dò ý tứ mãi thì thấy không phải thế, thực ra chỉ là khéo biết chiều ý chồng mà thôi.

Không chiều ý thì làm sao người chồng “lên cơn” bảo đưa tiền để tiêu xài một cách phi lí mà cũng cứ chịu liền? Ấy là tại vì người vợ hiểu chồng quá đi rồi,

biết là có tiền cũng chẳng đi cô đầu cô đít hay là trai gái phiện phò đầu, nhưng lại đi lên Nghi Tàm hay tạt về Ô Đống Mác mua cái đôi, hòn non bộ hay một cây thế lẳng nhăng gì đó để ra ngắm vào ngắm rồi tưới, rồi sửa, rồi uốn, rồi bón, rồi hăm mất hết ngày.

Mùa thu vừa qua đây, cây khô lá vàng, vì thời tiết hanh hao, sang đến tháng Mười, có mưa dầm, cây cối tỉnh lại, không mua ngay gốc tùng La Hán của Nhiều Ban hay chạy lên nhà Ba Thá nói khó để lại cây bông nổ gốc to bằng cổ tay mà lá lẫn tăn như hạt thóc thì uống quá.

Sáng dậy, ra thăm mấy chậu cảnh, mấy cái đôi, thấy lá cây còn óng ánh nước mưa, lá tươi hơn hớn, hay những cái “rể nổi” trắng phau như có ai mới lau chùi, mình tự nhiên thấy nhẹ nhõm cả người

và tưởng như mình là một thứ người đạo cốt tiên phong sống hẳn ra ngoài vòng kiểm tỏa. Khoác một cái áo lạnh lên lưng, đi quanh quần trong vườn, “trả lại” cảnh này cho cây này, tĩa những lá thừa kia cho cây kia, mình thấy ngày giờ trôi đi nhẹ như mây, nhưng nếu ví thử cái máu giang hồ vọt nổi lên, không muốn bị tù hãm trong bốn bức tường mà lại đi ra ngoài hứng rét đội mưa để nghe tiếng chuyển mình của sông hồ đồi núi thì lại thấy trong lòng ngan ngát một sự say sưa khác hẳn.

Đó là cái say sưa thần thoại của Từ Thức nhập Thiên Thai nhìn ra bát ngát chung quanh toàn những hoa đào, mà lắng tai nghe thì trên trời dưới đất toàn là tiếng suối đàn róc rách.

Nhưng tháng này đâu đã có hoa đào? Mận mới bắt đầu nảy lộc xinh xinh màu

hoa lí, trà chứa ra hoa mà mộc thì cũng chưa hé nụ, nhưng hoa trầu, sang đến giữa tháng Mười, sao ở đâu ra không biết mà nở nhiều đến thế! Nhớ lại lúc còn kháng chiến, vai mang một cái ba lô, tay chống một cái gậy tre, lê gót trên con đường Chi Nê đi Đầm Dạ thẳng hướng lên Lạc Thủy, Châu Sơn dưới mưa phùn gió lạnh, phải nói có cả chục cây số đường đất trắng tươi hoa trầu. Hoa trầu rơi xuống kín cả đầu, cả vai người cán bộ, kín cả cỏ hai bên vệ đường, kín luôn cả đôi cây, vách đá ở chung quanh. Xa xa, bỗng nổi lên tiếng xi xô của mấy đồng bào Thổ đi làm việc buổi chiều về, hát lên những câu hát mình nghe không hiểu, nhưng biết là nói lên nỗi uất hận của những người căm thù đế quốc làm cho con lìa cha, vợ lìa chồng, anh lìa em, mẹ lìa con, tình nhân lìa tình nhân vì chiến tranh.

Ngày tháng Mười tàn vội vã, mặt trời vừa lặn thì bóng tối dãi ra khắp đồi núi lúc nào không biết. Chính vào lúc đó, đứng trên một trái đồi mà lắng nghe hơi thở của trời, ta thấy có một mùi hương kì lạ làm cho ta nhẹ nhõm hẳn lên, một mùi hương dịu dịu nửa như mùi dạ lan hương mà lại nửa như mùi hoa mơ, hoa mận. Giẫm lên hàng cây số hoa trấu đỏ và tắm hương của nó vào lòng, anh nhớ lại bộ tứ bình ngày xưa treo ở trong căn nhà lụp xụp phố Hàng Gai và thấy hiện ra rõ rệt, như trong một cuốn phim, cái cảnh mùa đông ở trong tranh vẽ một ông già mặc áo tay dài, vai mang bình rượu, đi với một tiểu đồng “đạp tuyết tắm mai”.

Nhớ lại như thế tức là nhớ lại cả một thiếu thời hồi cha mẹ song toàn, cứ vào những buổi tối tháng Mười thì cậu Hảo và chú Cả Tộ lại sang nhà ngồi nói

chuyện mua cái áo dạ Mông Tụ để may mặc vào những ngày giá rét sắp tới hay là rủ nhau đi ăn chả cá ở nhà Hi “chớ không nên vào cái nhà Sơn Hải mới mở ăn không thú lắm vì không có cái không khí mông lung sương khói”

Ở đây là xứ giơ tay ra thì có gạo, vớt nước lên thì có cá, ôi thôi, còn thiếu món cá gì mà chẳng có người làm: đầu cá nhắm không, hay cuốn thành gỏi, hoặc là ăn với bún, cách gì cũng vẫn cứ là ngon; muốn lạ miệng, thì dùng cá nướng trui, cá bọc vào đất rồi bện rơm lại mà hầm, như các ông sư hồ mang hầm thịt chó; nhưng có cô gái nào xót ruột thì nên dùng canh chua cá lóc hay lấy tạm cá tra sọc, cá sặc buồm, cá bi cô nấu với xoài xanh ăn cũng “đỡ” vô cùng.

Cá làm thành bao nhiêu món, cá tạo nên bao nhiêu là bài thơ, nhưng chỉ lạ có

một điểm là làm sao không ai làm chả cá để đến nỗi phải đợi sau khi di cư đến bảy tám năm trời mới có hai ba nhà làm món ấy để cho các ông ghiền món ăn này “xài đỡ”!? Đi chơi mười một quận đô thành, đi khắp cả các Vàm Đông, Vàm Láng, Vàm Tây, Bãi Xấu, Sóc Trăng, Bạc Liêu xưa kia nổi tiếng về nghề đóng đáy thả lưới, quảng chài để bắt cá bắt tôm mà cũng nổi tiếng luôn là có nhiều các chú:

Bạc Liêu nước chảy lờ đờ,

Dưới sông cá chột, trên bờ Triều Châu.

thật quả tôi chưa thấy một người Tàu nào làm chả cá trong khi bao nhiêu món ăn Bắc như phở, bánh dẻo, [Bánh cuốn ở Thanh kê là bánh dẻo.] thang, cuốn, thịt cầy, lươn, ếch, họ đều làm tốt để bán cho người mình thưởng thức! Tại chả cá khó làm? Tại có một bí quyết riêng ướp chả? Hay

tại vì cá anh vũ dùng làm chả không ở đâu có ngoài Bắc Việt? Điều đó chưa có người nào nghiên cứu nhưng hồi còn ở Hà Nội, mỗi khi ngồi tán chuyện gẫu với Hy-Chả-Cá¹⁷ mà thấy có những người Tàu ở Hồng Kông về đặt mua cả trăm cả ngàn “gắp”, với đủ rau, hành, nước mắm, bánh đa, cà cuống, mắm tôm, chanh ớt để đưa lên máy bay chở hỏa tốc về Hồng Kông ăn nhậu thì tự nhiên mình cũng thấy sướng tê tê vì người mình đã sản xuất được một món ngon đặc biệt mà chính ba tàu nổi tiếng là nước “kén ăn” cũng phải mua của ta để xài!

Nghĩ như thế rồi ăn một bữa chả thật ngon, được chủ nhân để dành cho vài chục gắp “lòng”, chan mỡ nước kê lách tách, rồi uống nước trà mạn sen, ăn một miếng trầu nóng ran cả người lên, đoạn

17 Chủ hàng chả cá nổi tiếng nhất ở Hà Nội.

đi ngất ngưỡng trong gió lạnh, tìm một cái xe bỏ áo tơi cánh gà trực chỉ Khâm Thiên hay Vạn Thái nghe một vài khẩu trống, không, anh phải nhận với tôi là cái bọn tiểu tư sản sống vô bổ và đầy tội lỗi thực đấy nhưng sướng lắm - sướng không chịu được. Có anh sẽ bảo:

– Nói giọng gì mà nghe thấy cái thói ích kỷ nó thấm vào đến tận xương, tận tủy! Thế chú mày không biết rằng ở quê cày bừa gặt hái vất vả, người nông dân chính vào cái cữ này khổ cực vô cùng, không mở mắt được, có khi phải làm việc suốt đêm đến sáng?

Đương nằm làm một điệu tự tay em tiêm “trôn quýt” đưa mời, mà nghe thấy ông bạn nói thế, ai mà không cảm thấy như bỏ cục tuyết vào cổ áo làm tê dại cả xương sống, xương sườn.

Người hưởng lạc cảm thấy nao nao trong lòng một giây lâu, nhưng sau đó lại tìm ngay được rất nhiều lí lẽ để tự bào chữa cho mình, tự an ủi, và tự tuyên bố là mình trắng án. Là vì nằm bắt óc nhớ lại hết các ca dao, tục ngữ, dân ca của đất Việt trời Nam, anh không thể nào kiểm ra được một câu nào nói lên là người dân quê khổ cực trong tháng Mười.

Tháng Giêng chân bước đi cày,

Tháng Hai vãi lúa, ngày ngày siêng năng.

Thuận mùa lúa tốt đặng đặng,

Tháng Mười gặt lúa ta ăn đầy nhà.

...

Tháng Mười buôn thóc, bán bông,

*Tháng Một tháng Chạp nên công hoàn
thành.*

...

Cỏ lúa dọn đã sạch rồi,
Nước ruộng với mười, còn độ một hai.

Ruộng thấp đóng một gàu dai,
Ruộng cao thì phải đóng hai gàu sòng.

Chờ cho lúa có đồng đồng,
Bấy giờ ta sẽ trả công cho người.

Bao giờ cho đến tháng Mười,
Ta đem liềm hái ra ngoài ruộng ta.

Gặt hái ta đem về nhà,
Phơi khô, quét sạch thế là xong công.

Thực ra, chính đến tháng Mười là người dân quê Bắc Việt tương đối rảnh tay, vì lúc bấy giờ là mùa gặt, thóc gặt về, đập sảy, phơi phóng xong rồi là yên.

Cho đến hết tháng Mười, họ chỉ còn lo quây vào cót để ăn dần, bán dần đi để lo trả công trả nợ, đóng sưu đóng thuế cho chồng, nhưng đây là những năm được mùa. Còn mất mùa thì sao?

Phải biết rằng trước đó, vào lúc lúa sắp chín, đã có biết bao nhiêu ngày, biết bao nhiêu đêm, người nông dân lo sợ mất ăn mất ngủ. Họ sợ những đêm chớp bể mưa nguồn, họ sợ những trận mưa to, khiến nước lũ kéo về làm lụt lội, và đêm đêm họ trông từng cái ráng trời, cái rế cây; họ hỏi sao, họ trông gió, họ nhìn trăng, vì nếu “có bể nào” thì tất cả thành công cốc! Không những là đói mà còn bao nhiêu thứ khổ cực, bêu riếu nữa!

Bây giờ gặp phải hội này,

Khi thì hạn hán, khi hay mưa dầm.

*Khi thì gió bão âm âm,
Đồng điền thóc lúa mười phần còn ba.
Lấy gì dâng nạp nữa mà,
Lấy gì công việc nước nhà cho đang,
Lấy gì sưu thuế phép thường,
Lấy gì bổ trợ đong lường mà ăn?*

– Nói thế là nguy hiểm. Tháng Mười gặt hái, vui vẻ như anh vừa nói là chỉ nơi đất đồng mùa. Ở những đất đồng chiêm như Nam Định, Thái Bình, Phủ Lý, tháng Năm là mùa gặt hái, còn tháng Mười, anh còn nhớ ra thế nào không? Từ giữa tháng Sáu, các cánh đồng chiêm biến thành những dải nước mông mênh trắng xóa. Làng mạc thành ra những cù lao nằm chơ vơ trong nước bạc, từ thôn này sang thôn nọ có khi phải đi bằng

thuyền nan. Và cái cảnh trời nước mông mênh như thế kéo dài cho tới trung tuần tháng Tám. Lúc ấy, nước mới bắt đầu rút lần lần. Đó cũng là lúc người dân quê bắt đầu lo bừa vụ chiêm. Thử tưởng tượng cuối tháng Chín đầu tháng Mười, trời đất hanh hao, tay chân bị nẻ mà phải lội nước để cày bừa những thửa ruộng lờm chờm những gốc rạ đâm vào chân. Mà nào chỉ có thể thôi đâu, đất đồng chiêm lại nhiều giống đĩa cứ bám riết lấy chân người cày ruộng mà cắn và hút máu!

Cày đồng đang buổi ban trưa,

Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày.

Ai ơi bưng bát cơm đầy,

Đẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần.

Đấy tôi lại đổ anh tìm được một câu dân ca nào nói lên được cái khổ cực của

người dân quê hơn là câu ca dao nói về việc cày bừa vụ tháng Mười!”

Nghe thấy thế người khách chơi đêm ở mặt, không biết nói ra thế nào. Nhưng biết làm sao được? “Trời cho mỗi người một lộc”, thôi, ta cứ biết hưởng thụ đã rồi muốn ra thế nào thì ra.

Về khuya trời rét ngọt, nằm trên một tấm nệm rồi trùm cái chăn lên trên mình, nghe các em lấy Kiều hay hát vo bài Tỳ bà, thỉnh thoảng lại làm một điệu, hăm một miếng táo hay một trái nho, rồi lim dim con mắt lại mơ mơ màng màng, tôi quả quyết với anh rằng cách mạng, đảo chánh, chống bất công xã hội... tất cả những cái đó anh đều cho là “đồ bỏ” không ăn nhằm gì hết! Những lúc ấy mình mới mang máng thấy rằng những người làm chánh trị họ tâm lí thật: cái bọn “tạch tạch sè” chẳng làm được mẹ

gì, còn những người cứu nước từ ngàn xưa như Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Huệ, Lê Lợi... đều xuất thân là những nông dân áo vải...

Thôi, biết rồi! Nghĩ lan man quá làm gì nó mất vui đi mà hại lây cả đến bữa thuốc xài toàn hộp con rồng, đã đậm mà lại bùi như lạc. Đến mờ mờ sáng, vác cái thân mệt nhọc ra về, bảo phu xe mặc cái áo tơi lên để cho hàng phố khỏi nhìn thấy mặt, có phải đã mấy lần người chồng ấy hé mắt nhìn ra ngoài đã thấy vợ đổ cái xe nhà ở gốc cây đa ba ngọn, đi chợ thật sớm mua con cá lá rau cho thật tươi, thật rẻ, để cho cơm lành canh ngọt, chồng con vui vẻ, gia đình ấm cúng, thuận hòa?

Ghét không biết chừng nào cái thiếu thời đầy tự ái! Mang tội lỗi cùng mình đến thế, người chồng đã chẳng biết thương người vợ mưa dầu nắng dãi mà lại còn lấy

làm hả hê vì đã sống đúng theo lí tưởng của một người chồng kiểu mẫu lúc bấy giờ: vợ phải chịu thương chịu khó, còn chồng thì muốn ăn chơi chè rượu gì, tùy ý, vợ không có quyền can thiệp.

Sau này, đến lúc có con, có cái với nhau rồi, bắt đầu biết thương vợ, anh ta có lúc đã nghĩ thâm thế nào rồi một ngày kia, gặp khi có bóng trăng hữu tình soi sáng trước sân, vợ chồng góp trăm mối lại để đem làm tâm sự thì sẽ thú hết cả tội lỗi với người thương về những lỗi lầm ngày trước... nhưng thôi, bây giờ thì còn biết thú tội với ai, thú tội cách gì, mà còn ai nữa để mà thú tội!

Nằm trong đêm, mở mắt nhìn vào cái tối tăm sâu thẳm, bao nhiêu đoạn đời sống bên cạnh vợ con, dưới mái nhà lạnh, hàng đêm lại hiện ra từng mẩu một, từng mẩu một, và chưa bao giờ anh lại thấy

ngao ngán cho mình như thế, chưa bao giờ lại thấy cái thân bé nhỏ của mình chồng chất nhiều nỗi sâu to đến thế!

Sài Gòn đẹp như mắt cô con gái đa tình! Ta yêu Sài Gòn quá, nhưng ghét sao mười mấy năm nay vẫn cứ giới nghiêm hoài không để cho người ta đi thông thả nghe tiếng của ban đêm một chút? Thôi thì muốn làm gì nhau thì làm, cũng cứ vùng dậy mà đi, đi, miễn là đi, nhưng đi đâu, mà đi làm gì, chưa biết. Thì ra lắm quá: mình cứ tưởng tượng giờ giới nghiêm thì chẳng có ma nào ở ngoài đường, hóa ra không phải. Giới nghiêm cho có lệ, chứ một hai giờ sáng, nhiều nhà hàng, tiệm nước vẫn có khách tùa vào, nhảy nhót ăn chơi, hả quá.

Nhớ lại có những đêm tháng Mười ở Hà Nội, vợ chồng còn sống cạnh nhau, cứ vào khoảng này thì mặc áo ấm dắt

nhau đi trên đường khuya tìm cao lầu quen ăn với nhau một bát tam xà đại hội có lá chanh và miến rán giòn tan, người chồng lạc phách đêm nay nhớ vợ cũng đóng cửa lại đi tìm một nhà hàng nào bán thịt rắn để nhấm nháp một mình và tưởng tượng như hãy còn ngồi ăn với người vợ thương yêu ngày trước, nhưng sao đi tìm mãi, đi tìm hoài không thấy một tiệm nào bán thịt rắn thế này?

Rõ mình là thằng điên! Rắn thì phải ăn vào trời rét, vì rắn lúc ấy mới béo mà nhả hết chất độc ở trong mình ra, cho đến đông chí thì vào thu hình trong hang; lúc ấy rắn ăn không còn bổ mà có khi còn độc nữa, thế thì sao tháng Mười ở đây, nóng chảy mỡ ra, lại có thể có thịt rắn để làm vui khách hàng kén ăn?

Người đàn ông oan khổ lưu li ngừng lên nhìn trời thấy mây đỏ đòng đòng mà

không khí đặc quánh lại như có thể lấy dao ăn để thái ra: trời này còn nóng mà độc lắm đây. Ai dại gì mà ăn thịt rắn? Muốn ăn thì phải về Đồng Tháp, chớ ở Sài Gòn người ta ăn những cái gì chứ đâu có ăn thịt rắn, đi kiếm chỉ mất công vô ích.

Hờ hờ, nếu không có thịt rắn thì ăn làm gì? Người chồng tức giận mà không biết tức giận cái gì, lại quay gót về nhà và tưởng như thấy ở mỗi góc đường tăm tối có những cầm thú đi hai chân chỉ rình giết người đi khuya và hình như ở xa xa có tiếng vượn lâm tuyền khóc rợn trắng khuya, “đâu đây u uất hỗn sơ cổ, từng bóng ma rừng theo bước đi”.

Người khách đi đêm ớn ớn lạnh. Anh ta nhớ lại lúc cùng đi với vợ trong đêm theo bước nhịp mà họ gọi đùa là “nhịp bước quân hành”: ờ, lúc ấy cầm thú ít,

yêu ma không có, đời đẹp như một bông hoa trinh trắng, không biết một ngày kia bắt chước Orphée xuống địa ngục tìm Eurydice, có bao giờ lại thấy như thế nữa không?

Ôi mộng, chỉ là mộng và chỉ là mộng mà thôi! Địa ngục thì bao giờ lại có hoa trinh trắng! Đến dưới một gốc đèn rầu rĩ, anh thấy cái bóng anh đi lù lù ở phía trước, đi cô độc trên đường dài.

Người chồng dừng lại, sợ chính bóng mình. Nước mắt anh lại ứa ra, và chảy dài theo lối đi lấp loáng một bông sao rụng.

Vũ Bằng

TIN THƠ

Các bạn yêu thơ nên đón đọc Thi-tập

TRỜI VIỄN PHƯƠNG

của **Trần gia Thoại**

Đây là một tác phẩm trích dịch những bài thơ nổi tiếng của các thi hào ngoại quốc : Ấn-độ, Ba-tư, Groenland, Hoa-kỳ, Irish, Nhật-bản, Pháp, Tây-ban nha, Trung-hoa và Ý-đại-lợi.

Sẽ phát hành trên toàn quốc vào đầu mùa đông sắp đến để các bạn có dịp tìm hứng thơ trong mùa lá rụng. Giấy thượng hảo hạng, 176 trang, giá bán 200đ.

Paul GALLICO

tình nghệ sĩ

truyện dài

[Kỳ 4. Xem từ VĂN số 186.]

Phân Hai

Cái gã tự nhận mình là Ông bầu Coq tên thật là Michel Pey- i, gã lớn lên giữa rác rến của thành phố Paris, tương tự như lời sống của thi sĩ Villon (**) [François Villon (1431-1465), thi sĩ Pháp, sống một cuộc đời lãng tử, mấy lần xuýt bị treo cổ. Nhờ sức mạnh của nguồn cảm hứng và sự chân thành của lời thơ, ông được coi là ông tổ của thơ trữ tình Pháp. (Ghi chú của người dịch).] thừa thiếu thời.

Cuộc đời của gã là một cuộc đời không có gì là êm ấm là tình thương cả. Gã không hề biết cha gã là ai. Năm gã lên sáu thì mẹ gã, một mụ đàn bà lang thang kiếm ăn trên vỉa hè bị mưu sát. Michel được một gia đình làm xiếc nuôi. Mẹ nuôi của gã, một cô đào thương hết thời, phải kiếm thêm sau khi trình diễn bằng cách rước khách phía sau lều vải ; cha nuôi của gã chuyên biểu diễn trò ảo thuật nuốt lửa, rượu chè be bét tối ngày.

Năm Michel mười hai tuổi, diễn viên nuốt lửa cha nuôi biểu diễn thi với một người của gánh khác, nhưng vì quá say tính lăm số lượng dầu hỏa có thể chứa hai bên thành má để phun ra khỏi miệng thành những ngọn lửa, ông ta nuốt dầu nóng vào, lửa bốc cháy và chết thảm. Bà vợ cũng đã hao mòn vì bệnh tật sống chẳng được bao lâu, thế là năm mười ba

tuổi Michel lại một lần nữa bơ vơ giữa dòng đời.

Năm mười lăm tuổi gã là một đứa trẻ man rợ, thành thạo mọi ngón hiểm độc lừa đảo trong các gánh hát rong, các gánh xiếc hạ cấp. Năm nay gã ba mươi lăm tuổi, bảnh trai một cách đều cẳng, mái tóc đỏ hoe và cứng, đôi mắt màu tro mở rộng trên khuôn mặt mét, chiếc mũi đã quặp đặc biệt đàn ông lại càng quặp hơn vì bị đấm dẹp trong thời gian gã thử học quyền Anh, chiếc miệng vật dục, tất cả tạo cho gã dáng điệu của một tên điểm đàn.

Suốt đời gã, chẳng có ai tử tế với gã, nên gã cũng đối xử lại với cuộc đời như vậy. Hoàn toàn trâng tráo, gã chẳng coi thần thánh, đàn ông, đàn bà, con nít ra quái gì. Suốt ba mươi lăm năm trường, gã nhớ chưa có lần nào yêu thương ai hay

tha thiết với cái gì cả. Gã coi đàn bà như những công dụng làm thỏa mãn sự thèm muốn của gã và sau khi dùng rồi thì vứt bỏ hay hành hạ. Tại sao gã lại thân lợm con nhỏ gầy ốm tả tơi như đồ trôi sông tên là Mouche, gã cũng không hiểu nổi. Gã đành nhấn mạnh là không phải gã quyết định thu nhận con nhỏ vào cái gia đình kỳ quái của gã, mà Carrot Top, lão Reynardo, mụ Muscat và xù Nicholas đã quyết định như vậy.

Mặc dù là chính gã ngồi đằng sau tấm màn một chiều sau sập điều khiển và nói bằng bảy giọng nói khác nhau, nhưng nhiều khi, lạ lùng thay, bảy con búp bê chúng hành động khơi khơi như những cá nhân riêng biệt ngoài sự kiểm soát của gã. Michel không bận tâm suy nghĩ nhiều về hiện tượng này mà chỉ biết đại khái như vậy thôi, không cần thay

đổi nếp sống quen thuộc của mình, hiện tượng này cũng làm cho gã có cái thú là lạ.

Vì sống với những người làm xiếc, Michel đã tập được nghề ảo thuật, nuốt kiếm, chạy nhảy trên dây, nhưng thuật nói bằng hơi trong bụng là ngón sở trường nhất của hắn.

Đời sống của lũ múa rối được khai sinh từ hồi Michel Peyro ở tù trong trại giam của bọn Đức trong thời chiến tranh và thời gian này có thể coi như giai đoạn trau dồi thêm cho những gì là bỉ ổi của bản chất con người.

Trong giai đoạn đen tối và xấu xa của đời gã ấy, gã đã đẽo gọt, mặc y phục cho bầy con múa rối và cho chúng xuất hiện trình diễn giúp vui cho bạn tù, và gã khám phá ra rằng càng ngày chúng càng

có khuynh hướng không chỉ chịu nói những chuyện tục tĩu, bị ổi để chọc cười bọn lính mà thật ra chúng còn muốn trở nên những cá nhân có đời sống riêng của mình.

Trong những lúc trình diễn gã ngồi nấp sau cái sập, Michel Peyrot không còn là gã nữa, nhưng là bảy con múa rối. Golo, tên Sénégalais vô lại, hiểu rõ điều mâu thuẫn này. Đối với hắn đó là vì có ma rừng giúp cho linh hồn gã thoát ra khỏi xác và nhập vào các đồ vật khác, những đồ vật này lúc đó mang linh hồn thật của gã. Nhưng còn có một biểu thị khác mà Michel Peyrot không hề biết tới, và điều đó là trong khuôn khổ của sự sáng tác, người sáng tạo không thể nào hoàn toàn độc ác được, gã không thể sống một đời chỉ toàn có xấu xa thôi.

Nếu Carrot Top, Gigi và tên khổng

lô Ali đang dựng lại cho gã tuổi thơ ấu gã đã bị tước đoạt thì Reynardo, Bác sĩ Duclos, mục Muscat là những phương tiện để gã có thể vượt ra khỏi sự tù túng của chính gã, Michel không hề biết tới điều này. Thường gã đùa rồn trâng tráo với những việc, những tình cảm mà lũ múa rối do gã khai sinh diễn tả, những việc, những tình cảm ấy hoàn toàn xa lạ với gã.

Nhờ tài trình diễn múa rối mỗi ngày một tinh vi, và khi chiến tranh chấm dứt gã trở về Pháp, Michel Peyrot nghiêm nhiên trở thành Ông bầu Coq, cùng với tên Golo. mà gã thấy nằm chờ chết đói trong trại giam, vừa làm đầy tớ, làm nhạc trưởng, làm lao công sân khấu, cả hai cùng lên đường.

Đêm rồi khi gánh hát dừng lại bên cạnh Port Neuilly ở Paris, chính cặp

mắt tinh đời và trâng tráo của Ông bầu Coq chợt nhìn thấy đôi vai rũ xuống, và bước đi mù quáng đến chỗ tự sát của đứa con gái khổ sở, tay xách chiếc va-li mây. Nhưng chính tên Carrot Top, thằng bé tóc đỏ, tai nhọn, đã cứu nàng, đối với Coq thì cả đến một lũ con gái tuyệt vọng xếp hàng, nhảy xuống dòng sông Seine gã cũng thấy kệ. Hắn hoàn toàn dừng đứng trước đàn bà và sự chết, cũng như đàn bà đi tìm cái chết. Nhưng gã thấy kệ Carrot Top và lũ múa rối muốn đối phó với đứa con gái ra sao tùy chúng, gã thấy cũng hay hay.

Nhưng khi màn kịch nho nhỏ của bấy con múa rối đã khởi sự, chúng tha hồ hành động theo ý muốn để bắt bớ với con bé, với bản năng bén nhạy của nhà trình diễn, gã nhận ngay ra giá trị của đứa con gái có thể tin cậy được, nó nói

năng thành khẩn với bọn múa rối trên sạp như nói với người thật vậy. Dù con nhỏ là ai và là cái gì đi nữa thì nó cũng có đức tính quý hóa là bắc cầu thông cảm giữa những trình diễn viên và khán giả quá xa cách và nó làm lòng người xem rung động. Gã để ý đến sự xúc động con nhỏ gây cho đám đông cục cằn toàn là phu lục lộ, giới thợ thuyền và những thằng lưu manh bao quanh sạp của gã. Nếu huấn luyện sao cho con nhỏ biết trình diễn nhịp nhàng tự nhiên với lũ múa rối của gã, để con nhỏ đứng trước quây, thì thật là ăn khách đó. Bằng không gã muốn đá đi lúc nào mà chẳng được.

Nhưng có một đặc điểm ở con nhỏ hấp dẫn đối với gã khi gã hé chiếc màn đen để ngó đôi vai so lại, đôi má hóp, đôi mắt đen sâu nảo, nước da trắng như tuyết, hai thái dương nổi gân xanh dưới

mái tóc đen cắt ngắn, hay đứng hơn gã xồn xang ruột gan, làm sự cay cú thù hận của gã thức dậy, những tình cảm này thì gã luôn có thừa. Đó là sự thơ ngây, trong trắng của con nhỏ. Đó là cái nét mà gã ghét cay ghét đắng nếu có ở người nào, dù người đó là đàn ông, đàn bà, con trai hay con gái. Nếu có đủ khả năng thì gã đã sẵn sàng làm như nhóp cả thế giới này rồi.

Ở băng sau, Mouche đã ngủ một giấc ngủ li bì của kẻ kiệt lực về tinh thần cũng như thể xác. Khi thức dậy trời sáng rồi, nàng thấy mình bơ vơ. Con hải hùng hồi hôm vùng trở lại, nàng tung cửa xe nhảy ra lảo liên nhìn quanh mình. Nhưng nhờ ánh nắng và ngoại cảnh nàng thấy bớt sợ đôi phần. Chiếc xe cà tàng đậu lại ở một chỗ rất bừa bộn đằng sau những chiếc sạp, những quầy hàng của một chợ

phiên khác. Ở xa phía sau, nàng nhìn thấy hai cột tháp song song của thánh đường Rheims bị phá hại [Trong kỳ đệ Nhị Thế chiến. (Ghi chú của người dịch)].

Gần đây có một máy nước, nàng ra đó rửa mặt, nước lạnh khiến đầu óc nàng tỉnh táo. Lúc nàng chui qua mấy sợi dây thép chằng ngang và mấy cây cọc chống đỡ một căn lều gần đây, bỗng nàng nghe tiếng khàn khàn quen thuộc gọi nàng :
“Ồ là, cô Mouche !”

Nàng len lỏi ra con đường họp hội chợ. Dích thị là tên Reynardo. Chiếc sạp mà nàng đã nhìn thấy dưới ánh đuốc đêm rồi đã được dựng lại. Trong ánh sáng ban ngày thật là sập sệ. Nhưng không chối cãi được Reynardo là con chồn lông đỏ trắng tráo có bộ mặt hay hay.

Nó huýt sáo kêu nàng và trể cằm xuống hỏi.

– Rửa mặt rồi hả, cô bé ?

– Rồi, Mouche đáp, rồi đáo để hỏi lại : Chú rửa chưa ?

– Chưa, nhưng đừng méc ai nghe. Chẳng rửa đã sao đâu !

Hắn vẩy đuôi rồi tụt xuống, Carrot Top lên thế, tên này cầm tấm giấy bạc một trăm phật-lăng bằng cả hai tay. Hắn nói.

– Ô, chào cô Mouche, ngủ ngon chứ ?

– Ngon lắm, cảm ơn.

Một sự sáng khoái quý hóa truyền qua cơ thể nàng. Tụi nó lại có mặt đầy đủ, những người bạn nhỏ thân yêu của

đêm rồi. Thật là thoải mái được đứng đây nói chuyện với chúng.

Carrot Top cất cao giọng nói :

– Nè, mua bánh, mua phó-mát mà ăn điểm tâm, hănn đưa cho nàng tấm giấy bạc. Ở cuối phố có hàng chạp phô đó [Épicerie, trong nguyên tác.]. Tôi còn mắc sửa soạn trình diễn. Còn bao nhiêu đem về trả lại nghe.

Nàng vừa quay đi thì thấy đằng sau có tiếng “suyt!” gọi. Nàng ngó lại thấy Reynardo nấp ở góc sạp, gật đầu vẫy nàng. nàng lại gần, hănn ghé mồm vào tai nàng, giọng hănn khàn khàn :

– Việc đếch gì phải thối lại nữa.

Mouche hỏi :

– Chú nói gì cơ, chú Reynardo ?

Con chồn lảng lơ lườm.

– Gọi tôi là Rey đi. Sì... Ai cũng biết thời buổi đắt đỏ, cái gì cũng lên giá. Cứ nói là ăn sáng tốn kém lắm rồi giữ luôn chỗ tiền còn lại. Nhưng phải nhớ là sáng kiến này do tôi đưa ra nghe. Mỗi người phân nửa đó nghe, cô bé...

Mouche lắc đầu lia lịa như muốn từ chối không muốn bị coi là cô bé.

– Nhưng, Rey... Thật mà ! Làm thế bất lương quá.

– Ha, ha ! con chồn cười. Làm sao được, có thể họa may mới có chút tiền còn dính túi chớ. Mà đừng nghĩ là cô được hưởng một mình đâu, còn tôi nữa đấy.

Khi Mouche đi ăn sáng về còn dư ba chục phật-lăng thì Carrot Top và Gigi,

con bé nhí nhảnh, đang có mặt trên sân khấu. Thằng nhỏ đang chải đầu cho con bé, cái mặt nhọn của nó làm tăng vẻ chăm chú, dăm chiêu. Chừng năm sáu người đứng bu lại coi.

Carrot Top ngược nhìn lên :

– Về rồi đấy à, cô Mouche ? Ăn quà sáng chưa ?

Mouche lễ phép trả lời :

– Dạ, cảm ơn. Tiền còn dư đây.

Carrot Top hồ hững gật đầu, cầm lấy tiền rồi lặn xuống dưới sạp, nó lại xuất hiện gần như liền ngay sau đó và nói :

– Tôi đang gỡ đầu cho con Gigi. Rồi tùm lum à.

Gigi rên rĩ.

– Xạo ! Hấn gỡ đầu thấy mồ !

– Rồi như tổ qua à ? Mouche hỏi –
Thôi để đấy cho tôi, cái việc này thì bọn
con gái thế nào cũng khá hơn.

Carrot Top lập nghiêm nét mặt.

– Đàn ông vẫn là thợ làm đầu tài ba
nhất...

Hấn cãi lại, nhưng vẫn nhường chiếc
lược lại cho Mouche, nàng nhẹ nhàng gỡ
mấy sợi tóc rối trên mái tóc màu vàng
của Gigi ra.

Gigi nhũn nhẽo :

– Tôi muốn tết tóc lại, để loè xoè
nó đâm cả vào mắt. Tết tóc tôi lại đi, cô
Mouche.

– Được rồi, Gigi, Mouche gặt đầu.
Để tôi tết thành hai dải vênh sang hai

bên tai, theo kiểu đàn bà xứ Breton nghe.

Tự nhiên, như thể không có ai nhìn mình, nàng khởi sự chải tóc, chia chúng ra từng lọn, rồi tết thành dải, vừa làm vừa hát bài về tết tóc, bài về mà từ bao nhiêu thế kỷ rồi những người mẹ thường hát cho các cô con gái nhỏ của mình nghe, để chúng khỏi cựa cựa lúc tết tóc. Ve vè vè ve :

« Trước là,

Một và ba

rồi

Ba và hai

rồi

Hai và một

BÂY GIỜ.

Ba và một

rồi

Hai và một...

Bài về thơ sơ, lập đi lập lại, có sức thôi miên và Golo từ sau sập tiến ra, kè kè ôm cây đàn, dạo nhẹ vài lần rồi hòa theo. Bác sĩ Duclos xuất hiện với một bản nhạc mà ông chăm chú đọc qua làn kính kẹp vào mỏ, trầm trầm đệm theo. Gigi vỗ tay bắt nhịp. Chỉ trong nháy mắt đã có một đám đông mê say, ngỡ ngàng bu lại quanh sập, thích thú theo dõi.

Khi mái tóc đã tết xong và được buộc lại, Gigi và ông bác sĩ Duclos rút lui, Carrot Top độc chiếm sân khấu, trình bày cốt chuyện vở tuồng sắp diễn. Hẳn yêu Gigi, nhưng bà mẹ cô ta là mụ Muscat tính tham lam, ép gả cô này cho bác

sĩ Duclos, vừa giàu có vừa hào nhoáng. Bạn của Carrot Top là Reynardo sai tên khổng lồ Alifanfaron đi bắt cóc Gigi, nhưng con chồn phản phúc này lại thông đồng với bác sĩ Duclos nữa, nên hẳn thu xếp cho tên khổng lồ bắt cóc mẹ Muscat, trong khi ấy hẳn tìm cách o bế con Gigi.

Tham dự vở tuồng mà không hề sửa soạn, Mouche được lũ múa rối chỉ dẫn để giải thích, hướng dẫn, vỗ về, la mắng, giữ bí vật cho tụi nó, đồng thời đôi khi tiết lộ cho khán giả, nàng thủ nhiều vai, lúc thì đóng vai đứa ở, lúc đóng vai thư ký cho Reynardo, lúc thì đóng vai chị bác sĩ Duclos, lúc thì đóng vai bạn của mẹ Muscat...

Nàng có tài thích ứng mau lẹ với hoàn cảnh, nhưng nhất là nàng có tài quên hẳn mình để hòa mình vào những việc đang tiến hành. Nàng hoàn toàn tin ở những

con múa rối, và nàng có tài truyền lòng tin tưởng ấy lại cho khán giả, bằng khoé mắt, bằng nụ cười, hay bằng một lời nói dịu dàng giữa nàng và lũ múa rối, nàng đưa khán giả vượt ra ngoài thực tại ê chề mà họ đang sống trong thế giới kịch nghệ, nơi tách khỏi những ràng buộc của cuộc đời và của cuộc mưu sinh vất vả.

Trước khi vở kịch kết thúc, những nhân vật liên hệ đã làm cho câu chuyện rối loạn lên khiến ông Nicholas phải xuất hiện để dàn xếp và cuối cùng, trước sự tán thưởng của mọi người, Carro Top sánh vai với Gigi, Bác sĩ Duchos với mụ Muscat, Ali với Mouche, gã khổng lồ đáng thương lăn lộn vật vã nên Mouche phải cặp hấn vào nách vì hấn đã yêu Mouche chết mê chết mệt.

Bữa đó số tiền Golo thu được đã trội hơn mọi lần khác. Bầu Coq và ban hát,

từ trước tới nay chưa bao giờ thu được nhiều đến thế, đêm đó hẳn thuê một căn phòng trong một khách sạn rẻ tiền và hẳn để Mouche ngủ chung với chị bồi trên lầu. Golo vẫn phải ngủ ở xe để coi chừng lũ múa rối. Gã cóc cần, gã vẫn thích được gần gũi tụi nó.

Đêm hôm ấy, ba người nhậu một bữa thịnh soạn ở quán có cả rượu vang đỏ, Coq uống rất nhiều. Rượu không làm hẳn dịu tính hơn, trái lại hẳn có vẻ gắt gỏng, thù ghét Mouche hơn.

Hắn ăn uống thô tục, coi như nàng không có mặt vậy, nhưng có một lần hẳn nhìn thấy đôi mắt to của nàng đang nhìn hẳn trong sự yên lặng nặng nề bao trùm lấy bàn ăn của ba người như một sự quái lạ giữa cái quán ồn ào, đầy khói ấy, hẳn ngược mắt nhìn lên khỏi đĩa ăn và gậy gõ với nạng :

– Hồi chiều nay lúc thăng Carot Top hỏi ý kiến bay là phải làm gì để chiếm được con Gigi và rủ bay cùng lên trực thăng trốn đi với nó, bay đứng thộn ra, mắt mở thao láo ra là cái thá gì. Tại sao bay không trả lời nó ?

Mouche không khó chịu về lời quở mắng, nhưng nàng bối rối là không biết mình có làm xáo trộn cái thế giới tân kỳ mà nàng vừa gia nhập không. Nàng thấy như mình là kẻ ở đâu bỗng đột nhập vào vậy.

– Tại vì, nàng thận trọng giải thích, Carrot Top không muốn ai khuyên mình phải làm chuyện gì cả. Nó bắt tôi hứa vớ nó trước khi cho tôi đi theo là không bao giờ xía vô công việc của nó. Và hơn nữa, nàng kết luận sau một lúc suy nghĩ, nó không thực tình thương con Gigi vì

Nàng hoảng hốt ngừng lời, vì bầu
Coq trống trống nhìn nàng, mặt gã giận
xám lại.

(Còn tiếp)

Paul Gallico

HOÀNG ỪNG dịch

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

kẻ sống đã chết

truyện dài

[Kỳ 10, Xem VĂN tử số 181]

Hữu bước đi thật nhanh, lòng chàng rối bời, bây giờ chàng mới thực sự cảm thấy những đe dọa quanh mình, trở lại nơi ngôi nhà ngoại ô cũng không được, muốn ở lại bình thường không còn là chuyện dễ dàng, ra đi cũng không phải là điều Hữu có thể hình dung được. Hữu nhớ tới Quang, tới cuộc nói chuyện giữa Quang và Bôi Anh trước khi hai người chia tay mỗi người một ngả. Quang giải thích: thực ra tôi không

có ý kiến, đi hay ở lại với tôi cũng vậy, tôi đi vì thấy để tôi vào cả, thấy tôi nói: không ở được, phải đi, chắc thấy tôi có những yếu tố để quyết định, tuy nhiên tôi không can dự. Bôi Anh lặng lẽ: mình muốn sống ở quê nhà. Với Quang, Bôi Anh dù sao cũng là những người còn ít tuổi, sống trong một hoàn cảnh khác, không có những ràng buộc. Hữu bước đi trong mưa, có lẽ mình là bạn của Dũng thật. Hữu mỉm cười với mình, ngửa mặt lên cho những hạt mưa nhỏ rơi trên mặt, kéo cao cổ áo, lấy thuốc châm hút, thầy giáo Hải nói với Hữu: lớp tuổi các anh được làm thành bởi ba khuynh hướng văn chương, một chút Tự lực, một chút Lê Văn Trương, một chút Hàn Thuyên, một con người lãng mạn cá nhân, anh hùng và xã hội..., những thứ mà tự nó đã mâu thuẫn, các anh không thể là người mác-xít được, có chăng chỉ là người đầu

hàng mác-xít, như cánh bèo các anh sẽ trôi dạt từ tả sang hữu, nhưng bản chất là hưởng thụ, các anh nói tới lòng yêu nước, điều ấy chỉ có giới hạn. Đám đông vốn là một sự hàm hồ, vô ơn. Người có suy tưởng đồng nghĩa với người thất bại trong hành động, anh không thể là tín đồ vi anh hoài nghi, có lúc anh thấy mọi điều đều vô nghĩa, đó là điều bất hạnh.

Bây giờ mình đi đâu. Ra khỏi nhà, Hữu thấy phản ứng của mình như hấp tấp trước sự đe dọa, nhưng bây giờ phải làm sao?

Hữu thấy mình như một tên tù vượt ngục, không còn có gì khác ngoài những gì còn lại trên người mình, không còn hành lý, không nơi ăn ở, những đồng bạc của chị Thanh. Ông Trâm, Hữu chợt nghĩ đến, mình có thể nghỉ tạm lại đó. Hữu đi long rong từ con phố này sang phố khác,

lúc sau Hữu dừng lại đếm tiền trong túi, Hữu không ngờ số tiền tới hơn một ngàn, phải ăn một bữa cơm cho ngon, Hữu trở lên phố Hàng Buồm và ghé vào trong một tiệm cơm tám giò chả. Người đàn ông bung đến chiếc mâm bày đồ ăn, chiếc áo vải chúc bầu trắng cứng nếp hồ. Một bát canh rau cần cốm, một đĩa thịt đông, một đĩa chả quế. Mùi thơm của cơm tám như phảng phất trong nhà ăn. Biết đâu đây không phải là bữa cơm cuối cùng trước khi bị bắt giam, hoặc chết. Người đàn ông đã trở lại với mâm cơm, chiếc liễn sứ có vung, bát canh thịt bò nấu cần bống hơi nghi ngút. Bữa cơm cho kẻ bị lòng bắt.

Về ông Trâm, Hữu nhủ thầm khi bước ra khỏi tiệm ăn, chiều đã xuống, mưa vẫn nhỏ hạt, đường phố ướt át khó chịu, những người qua lại co ro trong

những áo mưa láng bóng, một đôi người mặc áo tơi đội nón lá. Không khi hơi lạnh và cơn mưa như làm cho sinh hoạt chậm và chùng xuống êm ả. Chàng gọi một chiếc xích lô, bước lên và ra hiệu cho chạy xuống phía phố Huế. Những tấm che vây Hữu lại trong bóng tối nhòa nhuếch, chiếc xe chạy chậm chạp, tiếng phanh từng lúc làm Hữu giật mình ra khỏi những suy nghĩ mông lung. Xuống xe, trả tiền, đứng nơi cửa nhà nhấn chuông, khu phố vắng hoe, ngôi nhà bề ngoài như một ngôi nhà bỏ hoang. Người đàn ông bước ra vẻ ngần ngại, Hữu bỏ mũ và nói, người đàn ông chùng như nhận ra người quen, mở cổng dẫn chàng trở vào phòng khách, lúc sau ông Trầm trở ra về mừng rỡ.

– Thực tôi không ngờ được gặp lại anh, có tin của ông Nguyễn?

– Dạ, thưa ông không có.

Ông Trâm bắt tay Hữu thân mật, hai người ngồi xuống hai chiếc ghế gần bên nhau, ông Trâm gọi nước trà. Ông vừa sửa soạn những chiếc tách vừa nói:

– Sao công việc của các anh thế nào?

– Dạ cũng thường, ông có được tin gì của ông Nguyễn không ạ?

– Tôi vừa hỏi anh, bây giờ anh lại hỏi tôi. Có lẽ anh ấy dứt khoát rồi, tôi nhớ là anh ấy có nói: đi hay ở là cái lòng mình. Tôi cũng tin thế, những người ở lại đâu phải đều là con cháu bác Hồ. Người ta đi hơi nhiều chắc các anh lo, nếu mà phía Quốc gia họ giởi ra thì tôi tin số người đi còn nhiều lắm, nhiều người họ muốn đi nhưng đi không được, tự lo lấy đâu phải dễ, chỉ có các tín đồ Thiên Chúa giáo là

họ có tổ chức và quyết tâm hơn cả.

Người làm đã đưa ấm nước lên, ông Trâm giót nước ra tách mời Hữu:

– Chắc anh vẫn còn thắc mắc về câu chuyện hôm trước?

Hữu hơi cúi người xuống:

– Dạ thưa không, tôi định xuống làm phiền ông một chút...

Hữu ngừng lại như chờ đợi, ông Trâm ngừng lên, đôi mày nhú lại nhìn Hữu với con mắt mở lớn chờ đợi:

– Anh định nói với tôi chuyện gì, anh không định thuyết phục tôi ở lại đây chứ.

Ông Trâm cười vẻ kín đáo nhưng đầy nét đùa nghịch tinh quái.

Hữu đổi giọng bình thản:

– Tôi đang gặp khó khăn, họ làm phiền tôi, tôi muốn phiền ông cho ở nhờ lại mấy bữa trong khi chờ đợi.

– Tôi không hiểu ý anh?

Hữu ngồi ngay người trở lại:

– Chuyện đơn giản, tôi muốn được ông cho ở nhờ ít ngày, điều này có phiền ông?

Ông Trâm lắng nghe vẻ suy nghĩ bần khoản hiện ra trong nét nhin, Hữu hiểu rõ sự nghi ngờ nơi ông, chàng định nói rõ câu chuyện cho ông Trâm nghe, nhưng nghĩ lại chàng không nói. Không khí im lặng chờ đợi, Hữu ngả người ra sau ghế, khoảng tường vôi vàng cũ trước mặt. Tiếng chuông cửa bỗng rung liên hồi, người làm trong nhà đi vội ra, tiếng

cửa mở, một người đàn ông đứng tuổi từ dưới sân bước lên, chiếc mũ lưỡi trai, tiếng nói ồn ào:

– Tôi tưởng không còn gặp bác ở nhà, thế bao giờ bác mới xuống Phòng đây?

Ông Trâm đứng lên, giọng vui:

– Thưa anh, tôi nghe cháu nó nói anh đi rồi.

– Chưa...

Người đàn ông ngừng lại lau chân nơi tấm khố tải, ngừng lên gặp Hữu, ông hơi nhú mày, ông Trâm giới thiệu Hữu với ông Đạm, giọng ông Đạm ngạc nhiên:

– Xin lỗi anh, có phải anh là anh Trác phải không?

Hữu ngạc nhiên:

– Dạ phải, sao ông biết? Sao anh lại ở đây?

– Thế ra bác có quen à, hay thật.

– Không có, đây là người chúng tôi đang tìm kiếm.

Hữu lạnh người, đây là người chúng tôi đang tìm kiếm, như vậy ông ta là người thế nào.

– Tôi nghe nói anh đã trở ra ngoài, hóa ra chưa, Thật may,

Ông Đạm ngồi xuống, ông Trâm giọt nước ra tách mời. Hữu thắc mắc. Giọng Hữu chậm:

– Tôi không được biết, ông làm ở...

Ông Đạm mỉm cười vẻ bí mật nhìn Hữu. Ông Trâm nói chen vào:

– Ông Đạm hiện là người ở trong Ủy ban Bảo vệ Bắc Việt.

Hữu lặng im, chàng có thể yên tâm, đây không phải là người của Mặt trận, ông là người ở trong này, tất nhiên ông liên hệ tới những người đã tìm kiếm chàng. Hữu không hỏi nữa, chàng dò chừng. Không khí giữa ba người bỗng trở thành nghi hoặc và câu chuyện thành khó khăn, chừng ông Đạm cũng dè chừng với chính ông Trâm và ngược lại, Hữu hiểu điều ấy có là do sự có mặt của chàng ở trong ngôi nhà này. Như để ra khỏi không khí im lặng, ông Trâm hỏi:

– Thế bao giờ bác mới xuống Phòng. Tôi vẫn có ý đợi mấy người bạn.

– Tôi xuống dưới ấy rồi, nhưng công việc ở trên này thu xếp chưa xong... Bác vẫn còn tin.

Ông Trâm gật gù:

– Tôi tin, mấy năm trời kháng chiến sống với nhau, tôi hiểu những bạn hữu, cái thế của chúng mình nó khó lắm, khi dứt mà về bác hiểu là tôi khó biết chừng nào, người khác nhìn mình đâu họ hiểu, họ tưởng mình như một thứ Sở Khanh, đâu có hiểu mình bị tình phụ, đau thật, bây giờ có hoàn cảnh cho những người còn bị kẹt, tôi chỉ sợ không thể đi khỏi, cái mạng lưới, bác hiểu. Những người ở lại cũng là vấn đề đó chứ, những người ở lại đã hẳn gì là người mác-xít, bác thấy vậy không. Tới một lúc...

Ông Trâm ngừng lại, Hữu bỗng nhiên bị lôi cuốn vào một câu chuyện không đâu, câu chuyện mà như Hữu cảm thấy không phải là câu chuyện chính, vấn đề là sự có mặt của chàng. Hữu thấy mình như thừa giữa hai người trong câu

chuyện của họ. Hữu phân vân và muốn đứng lên ra khỏi, nhưng ngay đó Hữu lo âu cho chính việc chàng phải thu xếp. Ông Trâm chừng như biết ý chàng:

– Thế công việc của anh ở Thành thế nào, tốt chứ.

Hữu mỉm cười. Ông Đạm nhìn Hữu như dò xét:

– Chắc anh còn ở Thành lâu, nếu thông thả mời anh ghé lại chúng tôi chơi, tôi có chuyện muốn nói với anh, liệu có được không?

– Dạ vâng, để có dịp chúng tôi sẽ lại. Nhưng có lẽ chúng tôi cũng không còn lại lâu...

– Thực tiếc quá, giá chúng tôi gặp được anh sớm. Thôi, tôi xin phép bắc, với anh...

Vừa nói ông Đạm vừa đứng lên với tất cả sự vội vã. Ông Trâm đứng lên đưa ông Đạm ra cửa, ông Đạm bắt tay Hữu thân mật. Khi ông Trâm trở lại, Hữu nói:

– Ông có thể ra khỏi nhà cho tôi thừa một chuyện được không?

Ông Trâm hơi nhăn mày về suy nghĩ:

– Mình có thể nói chuyện ở đây?

– Tôi sợ không tiện...

– Nếu vậy thì được. Anh chờ tôi một chút.

Ông Trâm thay quần áo rồi cùng Hữu ra khỏi nhà, ông dặn người nhà những việc lặt vặt. Hữu bước nhanh, bỏ khu phố đi xuống phía nhà Hát lớn, trên con đường vắng, Hữu nói cho ông Trâm nghe câu chuyện riêng của mình; ông

Trâm chăm chú lắng nghe.

– Tôi muốn ông ra khỏi nhà vì sợ ông Đạm trở lại với những người khác, chắc ông ấy có liên hệ nhiều với phòng Nhì.

– Anh quả là một người nhanh trí, nhưng sao anh lại không nhờ họ giúp, như vậy không tốt hơn sao, đảng nào thì anh cũng đã bỏ những người ngoài khu.

– Không, tôi thấy không thể làm vậy, có thể tôi không ở với họ nhưng tôi không thể giúp Tây, ông hiểu cho tôi điều này.

Ông Trâm gật gù suy nghĩ, con đường vắng, lề đường sạch sẽ, mùa thu làm thấp bầu trời buổi chiều. Giọng Hữu đều đều:

– Những người trong tổ chức thực đã ngộ nhận về tôi, tôi lại vụng về trong

quyết định, thực tôi không muốn xa Hà Nội dù cho sau này tôi có thể không là người cán bộ trung kiên, tôi muốn sống là một người bình thường, nhưng với tình cảnh này tôi phải quyết định, tôi sẽ đi, nhưng tôi không thể phản bội tinh thần kháng chiến, người ta muốn dùng tôi trong việc tiêu diệt những đường dây, tôi không làm được việc đó, vì trong những người này thực có những người mà họ đã cùng tôi chia xẻ những khó khăn, gian khổ... Tôi nghĩ ông hiểu tôi vì ông đã từng ở trong hàng ngũ những người quốc gia kháng chiến.

Ông Trâm suy nghĩ, bước chậm, lúc sau ông nói:

- Vậy tôi có thể giúp gì được anh?
- Ông giúp tôi chỗ ở tạm kín đáo, tôi không muốn bị chết giữa hai làn đạn,

như vậy tôi có thể thu xếp để vào Nam được an toàn.

– Tôi sẽ lo cho cậu. Bây giờ mình đi.

Hai người đi dọc theo bờ sông Hồng trở lên bến Nứa, ông Trâm hút những hơi thuốc dài, ông có dáng vẻ của một người từng trải, dáng đi thung dung, chiếc khăn quần có màu hạt dẻ tươi vắt về phía sau lưng, vàng trán rộng và những sợi tóc dài vuốt về phía sau, buổi chiều lạnh khiến có lúc ông ho, những lúc vậy ông ngừng lại giữ tay lên ngực. Vượt lên bờ đê cao những cỏ dại hoang vu, Hữu thấy những nhịp cầu Long Biên màu xám nhô lên, qua ô Quan Trưởng hai người vượt qua gầm cầu, khu bến xe bỏ không. Ông Trâm đứng lại trước một ngôi nhà thấp nằm thụt hẳn vào trong so với dãy phố. Ông Trâm nói:

– Đây là nhà một người em họ của tôi, nhà vắng cũng không có ai, anh có thể ở đây được.

Ông Trâm đưa tay mở chiếc cổng gỗ đi vào khoảng sân, nghe tiếng động, một con chó lớn từ phía trong chạy ra nhảy cao mừng rỡ với ông Trâm, Hữu hơi lùi lại một chút, ông Trâm gõ nhẹ vào cửa rồi cầm quả đấm mở, gian nhà nhiều bóng tối, Hữu bước theo vào, nền nhà những viên gạch Bát Tràng lớn màu đỏ sẫm. Một người đàn bà vắn tốc cao, khoảng gần bốn mươi từ trong đi ra:

– Kìa anh, mới hôm qua nhà em nhắc là không thấy anh lại chơi, nhà em bị đau mấy hôm nay, trở trời cơn hen nó hành...

– Thưa bà.

– Thưa ông...

– Đây là bà em tôi, còn đây là bạn của anh. Thế chú thím có bản được nhà cửa chưa?

– Thưa anh chưa, chẳng ai chịu mua, em đang nát cả ruột, bọn cháu nó thì tin hàng ngày hối thúc vào trong ấy.

Vừa nói người đàn bà vừa thu gọn lại bàn nước, ông Trâm nói:

– Anh ngồi chơi đi, để tôi coi chú ấy thế nào, trời lạnh đây mà.

Ông Trâm bước vào trong, người đàn bà giót nước mời khách rồi cũng vào theo, Hữu nghe thấy những tiếng nói chuyện không rõ ràng ở trong nhà vắng ra. Hữu ngồi lại trong gian phòng khách vắng lạnh, không khí toát ra sự vắng vẻ của ngôi nhà, những bức tường

vôi xanh nhạt đã cũ, những viên xanh thẫm giáp tường với trần có những hình vẽ trang nhã, chiếc tủ chè khảm xà cừ kê phía trong cùng áp với tường phía sau chiếc sập gụ trải chiếc chiếu hoa cạp điều với một chiếc gối xếp nhiều màu, trên tủ chè có chiếc đỉnh đồng nhỏ, rải rác trên tường còn treo mấy chiếc đĩa sứ cổ. Không khí gian phòng khách đầy vẻ cổ điển của một gia đình giàu có nơi Hà Nội thanh bình khi xưa, ngôi nhà chừng như đã thoát khỏi cuộc tàn phá của chiến tranh trong những năm Hà Nội ngập lửa. Ông Trâm mở ra:

– Xong rồi, anh có thể yên tâm, anh cứ ở đây như người nhà...

Người đàn bà cười nhìn Hữu thân mật:

– Dạ, có ông lại với chúng tôi thật là

mừng, nhà cũng vắng quá, để mời ông vào trong này...

Hữu đứng lên theo ông Trâm và người đàn bà vào gian phòng phía trong, ngang qua gian phòng ngoài Hữu thấy một người đàn ông nằm trên giường ôm chiếc gối, gian phòng dành cho Hữu ở chót hết, chiếc giường vừa có mắc màn, chừng như đó là gian phòng dành cho những người con trong nhà, còn đó chiếc bàn và hai kệ sách. Trở ra, ông Trâm giới thiệu Hữu với người em.

Uống hết chén nước, ông Trâm ra về, ông hẹn sớm hôm sau trở lại. Hữu đưa ông ra đến khoảng sân gạch nhỏ.

(Còn tiếp)

Dương Nghiễm Mậu

GIẢI ĐÁP THẮC MẮC

* Võ Luận, Kbc 3198, hỏi :

1) Xin cho biết tác giả cùng xuất xứ câu thơ “Phương hảo thê thê Anh vũ châu”, cùng xin ông chép cho trọn bài và thích nghĩa ?

2) Tập “Chinh phụ ngâm” do ông Vân-Bình Tôn-thất Lương dẫn giải chú thích, tôi đem so với bản chữ nôm của bà Đoàn thị Điểm thì thấy đư 4 câu :

Mặt trăng tỏ thường soi bên gối

Bừng mắt trong sương dội cảnh ngô

Não người thay buổi chiều thu

Gió lay hiu hắt trên đầu tường vôi,

Xin ông cho biết ý kiến về 4 câu trên?

3) Xin ông cho biết tác giả, xuất xứ, trọn bài và dẫn giải toàn bài trong có câu: “Vọng mỹ nhân hể thiên nhất phương” ?

(thư ngày 28 tháng 8 năm 1971)

TRẢ LỜI :

1) Câu thơ bạn dẫn là câu thứ sáu trong bài “Hoàng hạc lâu” của Thôi Hiệu. Đề nghị bạn xem lại bài Giải đáp trong VĂN SỔ trước (số 188, ngày 15-10-71).

2) Nguyên văn của Đặng Trần Côn :

Nguyệt chiếu hể ngã sàng

Phong say hể ngã tưởng.

Bản chữ nôm quả không có 4 câu bạn chép. Không hiểu ông Vân-Bình đã lấy bản chữ nôm nào để chụp hình lại (?). Hoặc giả bản chữ nôm chụp lại không phải là bản ông đem dịch, nên mới có

4 câu trên ? Vì dịch “Chinh phụ ngâm” có nhiều bản khác nhau, không biết bản chữ nôm chụp hình ra là bản nào, vậy không thể phán đoán được. Dù sao, 4 câu bạn dẫn có vẻ không phải ông Vân-Bình tự thêm vào, vì nó tương tự giọng văn là Đoàn thị Điểm. Đề nghị bạn thử biên thư hỏi ông Vân-Bình (qua địa chỉ nhà xuất bản) để xin ông giải đáp giùm.

3) Câu bạn dẫn rút trong bài phú “Tiền Xích Bích” của Tô Đông Pha : “Điều điều hể dư hoài, vọng mỹ nhân hể thiên nhất phương”. Mỹ nhân đây là người đẹp, nhưng không phải là đàn bà, mà chỉ là người “quân tử”. Bài phú này quá dài, không tiện chép ra đây. Mong bạn cảm phiền.

* Thụy Hòa, Quảng-ngãi, hỏi :

1) Xin ông cho biết tác giả và xuất xứ

và giải nghĩa bài thơ : “Tám tháng xong xuôi Sứ đáp tàu, Tiệc vui đưa ảnh tặng cho nhau...”

2) Xin cho biết tác giả và xuất xứ bài thơ có hai câu :

Người ơi năm tháng là gì ?

Phải chăng mấy tháng tường vi héo gầy...

3) Xin cho biết sơ qua về Kinh Dương vương ?

(thư ngày 29 tháng 8 năm 1971)

TRẢ LỜI :

1) Đó là bài thơ của Yên Đỗ.

Quãng đầu đời Đồng Khánh, tổng đốc Nam định Vũ, được cử đi công cán sang Pháp, khi ở bên đó mặc triều phục chụp một bức ảnh.

Về nước, ông mở tiệc mời Yên Đỗ, nhân dịp đưa tặng ảnh. Ông Tam-nguyên cảm ơn bằng một bài thơ :

Bát nguyệt thừa tra công tứ khoan

Tịch tiền tiểu ảnh tặng lai khan,

Côn hoàng bôi phục chân vi sảo

Ưu, ái tinh thần trạng đắc nan

Thiếu mẫn tạm tùy sương tuyết cải

Kinh hoa giao đới hải vân hoàn

Hạnh tai du ảnh hựu công ảnh

*Bích thượng cao huyền hậu nhật
quan.*

Dịch nghĩa :

– tám tháng ông đi sứ về, việc đã xong
(chữ thừa tra lấy điển Trương-Khiên đòi

Hán Vũ đế, vâng mệnh vua cỡi bò đi tìm
nguồn sông Hà),

- trước bữa tiệc tặng tôi một cái ảnh,
- áo mũ rực rỡ thực là đẹp (xảo),
- nhưng cái tinh thần ưu quân ái
quốc khó chụp ra được,
- mái tóc lúc còn trẻ, đã trải qua
sương tuyết mà đổi thay,
- vẻ kinh hoa, đã đưa xa từ mây biển
về, ý nói cái ảnh đẹp công phu đưa từ
bên Pháp về,
- may thay, ảnh tôi, lại thêm ảnh ông
nữa,
- cùng treo lên vách để cho người
đời sau xem.

Bản dịch của Nhân-Phủ :

Tám tháng xong xuôi Sứ đáp tàu,

Tiệc vui đưa ảnh tặng cho nhau.

Cân đai vẽ ấy, như in nhĩ !

Ưu ái lòng kia, dễ vẽ đâu ?

Mái tóc dường theo sương tuyết
nhuộm,

Kinh hoa giữ mãi biến mây màu.

Ảnh tôi, ảnh bác, đây hai bức :

Trên vách treo chung để lại sau... !

Dụng tâm của Yên Đỗ ở chữ “xảo” trong câu 3 có hàm nghĩa xảo quyết, và ở hai câu : ưu ái lòng kia dễ vẽ đâu (biết mặt, biết lòng làm sao ?), trên vách treo chung để lại sau... quả nhiên về sau này ai cũng thấy rõ lòng ưu ái không phải ở họ Vũ hia mao đai cân, mà ở ông già khăn đóng áo dài.

2) Chúng tôi rất tiếc không biết gì về bài thơ bạn hỏi. Mong bạn đọc có vị nào biết, vui lòng chỉ dẫn giúp.

3) Kinh Dương vương tên thật là Nguyễn Tuấn Khanh. Vẽ tranh ký là Rừng (tốt nghiệp trường Cao-đẳng Mỹ thuật). Bút hiệu là tên con kinh, nơi ông đã ra chào đời, hơn ba chục năm trước đây.

*** Tôn-nữ Diễm-Hồng, Nha-Trang ;
Bùi Nhung, Quảng-ngãi; và nhiều bạn
khác, hỏi :**

Xin cho biết tiểu sử nhà văn Nguyễn
đình Toàn ?

TRẢ LỜI :

Nguyễn đình Toàn sinh tại Hà-nội
ngày Rằm tháng Tám năm Bính Tý, nhằm
thứ tư 30 tháng 9 năm 1936, nhưng trong

giấy tờ lại ghi : 6 tháng 9 năm 1936.

Tác phẩm đã xuất bản :

- Chị em Hải, truyện, Tự Do, 1961.
- Mật đắng, tập thơ, Huyền Trân, 1962.
- Những kẻ đứng bên lề, truyện, Giao điểm, 1964.
- Con đường, truyện, Giao điểm, 1965.
- Bữa ăn sáng, tập truyện, Những tác phẩm hay, 1968.
- Ngày tháng, truyện, An Tiêm, 1968.
- Giờ ra chơi, truyện, Khai Phóng, 1969.

– Phía ngoài, tập truyện, Hồng Đức, 1969.

(Chung với Huỳnh Phan Anh).

– Đêm hè, truyện, Hiện Đại, 1970.

– Đêm lãng quên, tập truyện, Tân Văn, 1970.

– Đám cháy, tập truyện, Tân Văn, 1971.

– Thành phố, truyện, Kẽ Sỉ, 1971.

– Phía nam, truyện, Hiện Đại, 1971.

– Tro than, truyện, Đồng Nai, 1971.

– Không một ai, truyện, Hiện Đại, 1971.

– Ngoài thêm mưa, truyện, Những tác phẩm hay.

Ngoài ra, còn một số tác phẩm khác đang được chuẩn bị ấn hành, như : Một ngọn đèn buổi chiều, Áo mơ phai v.v...

(Tài liệu mượn trong “Tủ điển các Tác giả Hiện đại” của T. P. G., sắp in).

*** Nguyễn Duy Phổ, Kbc 3907, hỏi :**

1) Xin cho biết tác giả và nếu có thể toàn bài thơ trong có câu (...) “Ngựa ông cuống khua vó nhớ quan san”?

2) Xin cho đăng nguyên bài, trong có hai câu (...) của Quách Tấn, do Phạm Công Thiện trích dẫn trong “Ý thức mới trong văn nghệ và triết học” ?

(thư ngày 3 tháng 8 năm 1971)

TRẢ LỜI :

1) Chúng tôi rất tiếc không biết.
Mong bạn đọc có vị nào biết vui lòng chỉ
dẫn giùm.

2) Hai câu ông P.C.T. dẫn nằm trong
bài tứ tuyệt :

TĨNH MỊCH

Bờ nghiêng lau lách bước sương lông

*Trăng muện màng canh lánh mặt
sông*

Đời nửa khói mây chìm bóng mộng

Gọi đồ một tiếng lạnh hư không.

Quách Tấn

(Động bóng chiều, tr. 104)

* CTCTK, Bạc-liêu, hỏi :

1) Mong ông cho biết thời điểm, phương danh và sơ lược tiểu sử của hai nhóm “tiền” và “hậu thất hiền” trên thi đàn Trung-quốc ?

2) Mong ông cho biết tiểu sử của Thánh Isidore và nguyên tác của câu :
“Hãy học như thể anh phải sống đời đời
; Hãy sống như ngày mai anh phải chết”.

(thư ngày 10 tháng 9 năm 1971)

TRẢ LỜI :

1) Thất hiền :

a) đời Tần, Kê Khang, Nguyễn Tịch, Hưởng Tú, Lưu Linh, Nguyễn Hàm, Vương Nhung, Sơn Đào, chơi ở Trúc Lâm, tự hiệu là Thất Hiền.

b) 6 thế kỷ trước Tây lịch, ở Hi-lạp,

cũng đã có Thất hiền : Thalès, Solon, Pit-tacus, Periander, Cleobulus, Chilo, Bias, là những người có đạo đức và trí thức, được dân chúng suy tôn là Thất Hiền.

Còn “tiên” và “hậu thất hiền” Trung quốc thì chúng tôi không được rõ. Mong bạn đọc có vị nào biết, vui lòng chỉ dẫn giùm.

2) St Isidore de Séville : giám mục Séville, bác học, sanh ở Carthagène khoảng 570 - 636. Qui định tổ chức giáo hội ở Tây-ban- nha, tác giả những sách về ngữ học.

Nguyên tác câu ông dẫn : “Etudiez comme si vous devez vivre éternellement et vivez comme si vous devez mourir demain”.

Nhắn tin :

*** Trần Nhật Khánh, Bình-định :**

Chúng tôi được dịch giả Phùng Huy cho biết “Địa ngục môn” của Ryunosuke Akutagawa đã được dịch theo bản Anh ngữ của Ivan Morris “Gates of Hell”, trong cuốn “A Treasury of Modern Asian stories”. Ghi “Rashomon” thêm là sai. Ông Phùng xin được chân thành cảm ơn bạn và sẽ sửa lại ngay.

*** Nguyễn Văn Thọ, Bình-định.**

Tiếc thay một đóa trà mi

Con ong đã tỏ đường đi lối về.

(Nguyễn Du, Kiều)

*** Vương Cát Hanh, Qui-nhơn.**

Bản sau đầy đủ hơn. Bản trước chỉ là

trích dẫn mà thôi.

* La-thị Ngọc, Châu-đốc.

1) Xin viết giùm nguyên văn chữ Hán. 2) Số tới, chúng tôi sẽ giải đáp về tiểu sử và văn nghiệp của kịch tác gia Vũ Khắc Khoan. Mong cô đón coi.

– Huy Sung, Kbc 3505/I.

Đó là thơ Tú Xương :

Một trà một rượu một đàn bà,

Ba thứ lãng nhăng nó khuấy ta.

Bỏ được thủ nào hay thứ đó,

Có chẳng chùa rượu với chùa trà !

*

Tin văn văn

Hoạt động của Cơ sở Ý Thức

Nhân ngày phát hành tập truyện “Cát Vàng” của Lữ Quỳnh và hai cuốn trong tủ sách Hoa Niên : “Em bé bất hạnh” của Trần Quang Huê và “Đám tang đa đa” của Nguyễn Minh, Cơ sở ý Thức đã tổ chức một buổi tiệc trà tại số 666 Phan Thanh Giản Sài gòn. Tham sự buổi tiệc trà có mặt một số anh chị em văn nghệ sĩ thủ đô...

Vì bất ngờ lâm bệnh chúng tôi không thể tới tham dự được buổi tiếp tân. Xin cáo lỗi và có lời cầu chúc Cơ sở Ý Thức mạnh tiến trên trường văn trận báo.

Nói chuyện văn chương

Vào hồi 10 giờ sáng chủ nhật 24-10 vừa qua, Trung tâm Văn Bút Việt-nam đã tổ chức một buổi nói chuyện tại trụ sở của Hội. Diễn giả là ông Phạm Việt Tuyền, nói về đề tài : “Những suy tư về 50 NĂM VĂN HỌC THẾ GIỚI (1921-1971) tại Hội nghị Văn Bút Quốc tế Dublin”.

Được biết bài nói chuyện được viết sau khi diễn giả tham dự Hội nghị Văn Bút Quốc tế trở về. Theo nhiều hội viên của TTVBVN thì chuyến đi đó đã có nhiều chuyện mờ ám. Đại để, thay vì họp hội đồng ban chấp hành rồi đề cử người tham dự, thì hai ông Phó chủ tịch và ông Tổng thư ký đã âm thầm rủ nhau “ba ta cùng đi”.

Cái gì chứ cái vụ xâm phạm nội quy,

thao túng hội, thì thiên hạ đều đã quá rõ về ông Tổng thư ký Phạm Việt Tuyền rồi. Cái lạ (hay là cái khéo của ông Tuyền) là các hội viên cứ để ông ta ngồi mãi ở chỗ đó để lâu lâu lại phải... than trời về những việc làm “chẳng ngoạn mục tí nào” của ông Tổng-thư-ký-dài-dài...

GIÁO SƯ PHAN KHOANG KHÔNG CÒN NỮA...

Giáo sư PHAN KHOANG, một học giả có uy tín trong văn học giới miền Nam, vừa từ trần ngày 22 tháng 10, sau một cơn bệnh kéo dài từ hơn một năm qua (các dây thần kinh ở cổ họng bị tê liệt, không ăn không nói được nữa), hưởng thọ 66 tuổi.

Giáo sư Phan Khoang, với vốn Hán

học uyên thâm, đã phiên dịch và chú giải hai bộ sách quan trọng trong Tứ Thư : Trung dung, Đại học. Giáo sư còn là soạn giả nhiều bộ Sử có giá trị, như : Việt Pháp Bang giao Sử lược, Việt nam Pháp thuộc Sử Trung quốc Sử lược. Gần đây nhất, giáo sư vừa cho xuất bản cuốn Việt sử Xứ Đảng Trong, trình bày cuộc Nam tiến của dân tộc Việt-nam.

Khi đang biên soạn bộ “Tổ chức Chính quyền Trung ương thời nhà Nguyễn” thì giáo sư lâm trọng bệnh, và mặc dù đã tốn công sang tận Nhật-bản để điều trị nhưng bệnh vẫn không thuyên giảm.

Ngoài những hoạt động về văn hóa, giáo sư Phan Khoang còn là một lãnh tụ Việt-nam Quốc dân đảng, một ủy viên trong Ủy ban Lãnh đạo Quốc-gia (1966-67).

Lễ an táng giáo sư Phan Khoang đã được long trọng cử hành hồi 9 giờ sáng ngày 27 tháng 10, tại nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi, Đô thành Sài gòn.

Giáo sư PHAN KHOANG mất đi là một thiệt thòi lớn cho văn học giới và chính giới nước nhà.

Trong dịp đau đớn này, thay mặt đồng nhân bốn chí, chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng tang quyến và các anh em trong Tòa soạn Tập san SỬ ĐỊA, — cơ quan mà cho tới ngày lâm bịnh, giáo sư Phan Khoang đã dành cho nhiều sự cộng tác vô cùng quý báu...

Giải Nobel về Văn chương 1971

Giải Nobel về Văn chương năm 1971 vừa được trao tặng cho Pablo Neruda, 67

tuổi, nhà thơ, đại sứ Chí-lợi tại Paris.

Pablo Neruda là con một công nhân hỏa xa. Được tặng giải thưởng thi ca đầu tiên năm 17 tuổi. Tốt nghiệp đại học, ông đã giữ nhiều nhiệm sở ngoại giao quan trọng của Chí-lợi tại nhiều nơi trên thế giới. Năm 1953, ông được tặng giải Hoà bình Lénine, nhưng sau đó, ông đã công nhiên chống đối vụ Nga-xô xâm lăng Hung-gia-lợi, Tiệp-khắc, những vụ đàn áp trí thức tại Nga-sô.

Toàn bộ tác phẩm của ông, viết trong 50 năm, dày trên hai ngàn trang, gồm nhiều thơ văn chính trị, hài hước và tượng trưng.

Pablo Neruda từng là ứng viên Giải Nobel Văn chương từ hơn hai mươi năm qua. Mãi tới nay, 18 nhân viên trong Hàn-lâm-viện Hoàng-gia Thụy điển mới

phán xét sự nghiệp của “một tác giả thích biện luận” và đồng ý rằng : “thơ văn của Pablo Neruda là một động lực làm sống lại những giấc mộng của toàn thể một lục địa...”

Đối với độc giả Việt-nam, tên tuổi cũng như thơ văn của Neruda hoàn toàn xa lạ. Một vài người có dịp đọc qua thơ văn ông thì lại ngậm ngùi, tự hỏi : không biết rồi ra, Pablo Neruda có tránh khỏi như Salvatore Quasimodo, nhà thơ đảo Sicilia, giải Nobel về Văn chương 1959, người đã chua chát “tự trào” : “Hồi chưa được giải Nobel, tôi là một nhà thơ vô danh, bây giờ được giải Nobel, tôi trở thành một nhà thơ tiểu tốt...”¹⁸

18 Xem: Trần Thiện-Đạo, “Chuyện vặt về Giải Văn chương Nobel”, VĂN số 93 (1-11-1967), tr-tr. 119-122.

F. NIETZSCHE

ZARATHUSTRA

ĐÃ NÓI NHƯ THẾ

tác phẩm dành cho tất cả mọi người
và không dành cho một ai.

sách đã phát hành khắp nơi

AN TIÊM xuất bản

ĐỒNG NAI phát hành

Thư ngỏ

Thân gửi bạn đọc,

Trong Văn số 188 vừa qua, anh Trần Phong-Giao đã loan báo cùng bạn đọc rằng anh sẽ thôi cộng tác với Văn kể từ ngày 15-12-1971. Thực ra tôi quyết định để anh T. P. G. dờn bỏ nhiệm vụ thư ký tòa soạn Văn kể từ số 190, tức là sớm hơn thời hạn mà anh loan báo cùng bạn đọc, một tháng 15 ngày. Bức thư ngỏ của anh T. P. G. chứng tỏ anh đã suy nghĩ kỹ lưỡng và cũng chứng tỏ anh hoàn toàn tự do trong nhiệm vụ thư ký tòa soạn của anh. Tôi xin được công khai cảm ơn anh T. P. G đã giúp đỡ tôi rất tận tụy trong việc thực hiện tạp chí VĂN. Tuy nhiên, tôi thấy không tìm được lý do gì để giữ anh T. P. G. tiếp tục cộng tác với tôi khi

anh đã không thể ngồi lại. Anh Trần Phong Giao cho biết sức khỏe của anh sa sút cho nên bốn phận của tôi là phải nghỉ tới anh và tôi quyết định để anh nghỉ dưỡng sức ngay từ bây giờ. Vậy sau số Văn này, kể như anh T. P. G. đã dời khỏi Văn nhưng vẫn hưởng những quyền lợi vật chất cho tới ngày 31-12-1971.

Anh Trần Phong-Giao ra đi, đích thân tôi sẽ lo phục vụ độc giả của Văn. Tờ tạp chí quen thuộc của bạn đọc vẫn xuất bản đều đều vào ngày 1 và 15 mỗi tháng. Tôn chỉ và chủ trương không có gì thay đổi. Nếu có thay đổi thì sự thay đổi đó chỉ nhằm mục đích làm cho Văn đặc sắc hơn, bớt khô khan và mất hẳn tính chất độc tôn. Văn chương phải muôn màu muôn vẻ. VĂN do tôi điều khiển sẽ hân hoan đón nhận mọi khuynh hướng văn nghệ cũ, mới và hân hạnh đón mới

nhiều cây bút danh tiếng chưa từng viết cho Văn hay đã gián đoạn cộng tác với Văn từ lâu. Sở tới, tôi sẽ có thư bày tỏ thêm cùng bạn đọc về nội dung và hình thức của Văn. Bạn đọc, các bạn Văn, Thi hữu xa gần, đã gửi bài cho Văn xin cứ tiếp tục như cũ và xin gửi cho :

NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG

Chủ nhiệm kiêm Chủ bút

Bán nguyệt san VĂN

38 Phạm Ngũ Lão — SÀI-GÒN 2

Chân thành cảm tạ quý bạn.

NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG

HỘP THƯ BẠN ĐỌC



Tòa soạn VĂN vừa nhận được những tác phẩm mới do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Xin chân thành cảm ơn người tặng sách và trang trọng giới thiệu cùng toàn thể bạn đọc:

* VIỆT NAM TAM GIÁO SỬ ĐẠI CƯƠNG, Nguyễn Văn Hẫu, Hương Sen xuất bản. Sách dày 120 trang, bản đặc biệt không ghi giá.

Sách khảo luận về Tam giáo (Nho, Lão, Phật) và ảnh hưởng của các đạo này trong dân gian Việt-nam.

* ĐẶC SAN KIẾN HÒA, Hội ái hữu cựu học sinh trung học Kiến- hòa. Dày 96 trang, giá 100 đồng.

Sổ đặc biệt về Nguyễn đình Chiểu. Nhiều thơ văn đặc biệt về Kiến hòa.

* TÌNH ĐÔI TA, Thanh Việt Thanh, Lai Khê xuất bản. Sách in rô-nê-ô, dày khoảng 90 trang, phổ biến hạn chế.

Sách gồm mười bài thơ và một kịch thơ. Liên lạc : Kbc 4546.

* LUẬN LÝ HỌC, Nguyễn Xuân Hoàng và Hồ Văn Trai, Sống Mới xuất bản. Sách dày 230 trang, giá 220 đồng.

Sách giáo khoa triết học lớp 12, soạn theo chương trình cập nhật hóa.

* NHÀ VĂN LẮM CHUYỆN, Vũ Bằng, Nhân Văn tạp chí. Số 4, dày 160 trang, giá 95 đồng.

Sách thuật lại bốn mươi màn giai thoại về các nhà văn nhà báo tiền chiến và hiện đại.

* LƯỚI TÌNH, Hoàng Hải Thủy, Chiêu Dương xuất bản. Sách dày 430 trang, giá 400 đồng.

Tác phẩm mới nhất của Hoàng Hải Thủy là một truyện dài.

* CHO CUỘC ĐỜI, Tạ Tỵ, Khai Phóng xuất bản. Sách dày 100 trang, giá 200 đồng.

Tác phẩm thứ năm của Tạ Tỵ là một tập thơ gồm 15 bài. Bìa do tác giả. Du tử Lê đề bạt.

* CHÀNG TUỔI TRẺ GAN DẠ TRÊN CHIẾC ĐU BAY, William Saroyan, Huy Tưởng dịch. Kinh Thi xuất bản. Sách dày 430 trang, giá 430 đồng. Bìa Hồ

Thành Đức.

Bản dịch cuốn “The daring young man on the flying trapeze”.

* NÓI VỚI TUỔI TRẺ, Mai Tâm, Viện Khoa học Giáo dục Sài-gòn xuất bản. Sách dày 250 trang, giá 280 đồng.

Sách đưa ra nhiều ý kiến thực tiễn đề giới trẻ “tự tìm ra giải đáp và tự giải quyết lấy những vấn đề thắc mắc của chính mình”.

* NẾU MAI NÀY TÔI CHẾT, Nguyễn Tất Vịnh, Mây Hồng xuất bản. Sách dày 40 trang, không ghi giá bán.

Tập 15 ca khúc. Bìa và phụ bản giới thiệu và chú giải. Lá Bối xuất bản. Sách dày 550 trang, bản đặc biệt không ghi giá.

* NĂM THÁNG MÙ SƯƠNG, Huy Lục, Tao Đàn xuất bản. Sách dày 88 trang, bản đặc biệt không ghi giá bán.

Tác phẩm thứ năm của Huy Lục là một thi phẩm gồm 38 bài thơ.

* DƯỚI BÓNG NGẬM NGÙI, Vũ Phan Long, Tây Sơn xuất bản. Sách dày 104 trang, giá 200 đồng,

Thi phẩm thứ hai của VPL là một tập thơ gồm khoảng gần sáu chục bài thơ. Bìa Trịnh Cung, phụ bản Nguyễn Phan. Phụ lục : cảm tưởng phê bình của Quách Tấn, Lam Giang và Thi Vũ.

* THIÊN TAI, Nguyễn Tất Nhiên, Tác giả xuất bản. Sách dày 60 trang, giá 140 đồng.

Thi phẩm thứ tư của NTN gồm khoảng gần hai chục bài thơ. Bìa Đình

Cường, phụ bản Diễm, Nguyễn Hoàng Khanh, Trần Hội và tác giả.

* CÁT VÀNG, Lữ Quỳnh, Ý Thức xuất bản. Sách dày 128 trang, giá 140 đồng.

Tập truyện gồm 8 đoản thiên. Bìa Nguyễn Trung.

* NGƯỜI ĐẸP THA MA, Hoàng Ly, Hồng Lĩnh xuất bản. Sách dày 140 trang, giá 100 đồng.

Tập truyện gồm 6 đoản thiên của tác giả “Giặc cái”.

* LỊCH SỬ VĂN MINH ẤN ĐỘ, Will Durant, Nguyễn Hiến Lê dịch,

Bản lược dịch phần đầu bộ “he Story of Civilisation” con của sử gia danh tiếng Will Durant.



* Nguyễn Văn Nghê, Bến Lức.

1) Theo chỗ chúng tôi được biết thì không. 2) Xin ông xem lại Văn số 33 (1-5-1966) sẽ rõ.

* Trần Văn Vân, Quảng-ngãi.

1) Gửi 60 đồng về Ty Trị sự. 2) Được chú, biên thư cho ông Chủ nhiệm kèm tem thư để nhận trả lời riêng.

NHẮN TIN RIÊNG

* Lê Miên Tường, Sài-gòn.

Sẽ đăng “Kỷ vật của người mẹ”. Tình thân.

* Đinh Quang Ngọc, Thụy-sĩ. Sẽ

đăng “Sơn ca”. Tình thân.

* Phạm Cao Hoàng, Qui-nhơn.

Sẽ đăng “Bài ca nống rượu”. Thân.

* Trần-thị Từ-ly, Pleiku, Hàn Nhân
(?); Trần thị Bảo vỹ (?)

Sẽ đăng “Trăng mười sáu”, “Chiều”,
“Khi trở về lưu xá”. Xin quý bạn cho biết
địa chỉ để tiện liên lạc. Thân.

LỜI CẢM TẠ :

Xin được chân thành cảm ơn chung
quý bạn :

Nguyễn Khanh, Bình - dương, Trần
Quang Thiếu, Kontum. Phạm Đầu, Đà
nẵng. Phạm Cao Hoàng, Qui nhơn. Võ
Thành Tươi, Khe 6342. T-K Chung, Bình
định, Văn M Thụy, Tam kỳ. Lê văn Đồng,
Đà nẵng. Nguyễn Bích, Kbc 6296.

Vì quá bận nên chúng tôi không viết được thư riêng, nhưng mong quý bạn tin là cái tình của chúng ta sẽ còn bền vững mãi.



BÀI LAI CÁO
NHẬN ĐƯỢC

Theo thông lệ, Tòa-soạn không giữ lại cũng như không phát hoàn bản thảo những bài lai cáo không được chọn đăng. Xin quý bạn miễn yêu cầu giữ lại hoặc phát hoàn. Bạn nào không muốn thấy tên ghi trong mục này xin đề rõ yêu cầu miễn ghi trên bản thảo

- VĂN

Quý bạn : Huỳnh Kim Phủ Sơn
Dương . Phạm Dung Nghi. L-P-V . Hồ
Văn Khánh . P-C-NGH . Quyên Ca .

* THƠ

Quý bạn : Thu Phong . Trần vũ Cung-
 thy . Thy Nghĩa . Nguyễn Văn Tám . Hàn
 Sa • Hoàng Hôn Mai Đình . Nguyễn
 Triều Kha . K' Long Trao . Nhất Hồng
 . Hải Nhân . Hà-vũ Giang châu . Vườn
 Trường Giang . Ba Đình (3) . Trần Quang
 Thiếu . Dương Xuân Trọng . Thảo Chi
 . Chương Vũ . Nguyên Thái Dương . Sa
 Hoài Nhuận Hồng . Thiên La . Đặng Phú
 Phong . Võ Hoàng Tâm . Phi Văn . Thiệt
 Nghi . Nguyễn Đức Dụng . Mặc Huyền
 Linh . Phan Đình Mạc . Hoàng Thanh
 Vân . Võ Xuân Hội Vân . H-H Huấn . Sơn
 Hồng . Nguyễn T-B-H. CNGC. Thái Sinh
 . Trần Ngọc Kim . Trương Bảo Đông .
 Trương Thảo Nguyễn Lai Kha Hoảng Tất
 . Lưu Hồ, Nguyễn đức Thị-hoa . Phạm
 Hữu Quang . Nguyễn Dã Thảo . Trần
 Cung Cát . Nguyễn Thụy Khanh Nam

Chữ (2) . Ng. Thi Thanh .Thanh Phong
Kỳ . Trịnh Sâm . Trần Ngọc Kim .Lê Văn
Đồng . T-K Chung . Phạm Chynch Kha .
Võ Thành Tươi . Châu Yên . Hoà Trung .
Châu Vị Thủy . Nguyễn Bích . Đinh Trần
Châu .

Ban Tuyển-đọc Tác-phẩm của VĂN
đã đọc những bài lai cáo của quý bạn có
tên trên đây và rất tiếc không thể chọn
đăng. Xin chân thành cảm ơn và mong
quý bạn vui lòng gửi cho VĂN những bài
mới khác.

Tác phẩm mới nhất của

Nguyễn thị Hoàng

BÓNG NGƯỜI THIÊN THU

* Chuyện tình dịu dàng trong khung cảnh xinh tươi và thơ mộng của Đài loan.

* Con người từ khước hạnh phúc tầm thường nhưng có thật để đuổi bắt hạnh phúc ảo tưởng.

* Con người yêu tình yêu của mình hay yêu người yêu ?

Độc trong :

BÓNG NGƯỜI THIÊN THU



NGUYỄN ĐÌNH VƯƠNG xuất bản

